

# Luận Đại Trí Độ

## Tập IV

### Cuốn 61 - 65

(Mahàprajñàparamitàsatra)

**Tác giả:** Nàgàrjuna (Long Thọ)  
**Dịch Phạn ra Hán:** Cưư Ma La Thập  
**Việt Dịch** HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam  
Ấn hành 1997

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.quangduc.com>

# Luận Đại Trí Độ

## Tập IV

Cuốn 61 - 65

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

**Tác giả:** Nàgàrjuna (Long Thọ)  
**Dịch Phạn ra Hán:** Cư Ma La Thập  
**Việt Dịch:** HT.Thiện Siêu

Lời Nói Đầu.....	3
Cuốn 61 .....	4
GIẢI THÍCH: PHẨM TÙY HỖ THỨ 39 .....	4
Cuốn 62 .....	19
GIẢI THÍCH: PHẨM CHIẾU MINH THỨ 40. ....	19
Cuốn 63 .....	41
GIẢI THÍCH: PHẨM THÁN TỊNH THỨ 42.....	50
Cuốn 64 .....	61
GIẢI THÍCH: PHẨM VÔ TÁC THỨ 43. ....	65
Cuốn 65 .....	80
GIẢI THÍCH: PHẨM CÁC BA LA MẬT THỨ 44.....	89

## Lời Nói Đầu

Đây là tập 4 trong 5 tập của Luận Đại Trí Độ. Tập này có 20 cuốn, từ cuốn 61 đến cuốn 80, theo nguyên bản Hán văn. Trong 20 cuốn này gồm từ phẩm Tùy hỷ thứ 39 đến phẩm Lục độ tương nhiếp thứ 68, để làm sáng rõ các mặt công năng thù thắng của Bát nhã và các việc tin, hiểu, tu, chứng Bát nhã cũng như các việc tội phước chê bai hay khen ngợi đối với Bát nhã.

Giáo lý Bát nhã cốt để diu dắt chúng ta đạt đến cái tri kiến chơn chánh đúng với thật tánh, thật tướng từ tin tưởng, học hỏi, tu hành, chứng quả, nghĩa là đạt đến cái thấy không chấp thủ tướng, không rơi vào ba thứ điên đảo là tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Tướng điên đảo là nhận thức méo mó về sự vật, như đêm mờ thấy dây cho là rắn. nó cũng gọi là vọng tướng (Sanna vipallasa).

Tâm điên đảo là lẫn lộn thiện ác nhân quả, tham ái nhiễm đắm theo các tướng. Nó cũng gọi là vọng tâm (Citta vipallasa).

Kiến điên đảo là chấp thủ quan điểm theo nhị biên có, không, đoạn, thường; không đã خی nó vào sự thâm xét của tuệ giác hoàn hảo, là khả năng độc nhất để khám phá chân lý tối hậu. Nó cũng gọi là vọng kiến (Dithi vipallasa).

Tránh được ba điên đảo như vậy chính là Bát nhã ba la mật, như sẽ thấy trong các phẩm Tùy hỷ, phẩm Chiếu minh ...

PL. 2544

Vạn Hạnh, ngày 09 tháng 11 năm 2000

Thích Thiện Siêu

--o0o --

## Cuốn 61

### GIẢI THÍCH: PHẨM TÙY HỖ THỨ 39

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tùy Hỷ Hồi Hướng thứ 37)

KINH: Bảy giờ Di Lạc Bồ tát ma ha tát nói với Tuệ mạng Tu bồ đề rằng: Có Bồ tát ma ha tát đem phước đức tùy hỷ cho tất cả chúng sanh để cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không sở đắc. Hoặc đem phước đức của Thanh văn Bích chi Phật, hoặc phước đức bố thí, trì giới, tu định, tùy hỷ của tất cả chúng sanh so với Bồ tát ma ha tát đem phước đức tùy hỷ cho tất cả chúng sanh để cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phước này tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng không thể sánh bằng, vì sao? Vì Thanh văn, Bích chi Phật và tất cả chúng sanh được phước đức do bố thí, trì giới, tu định tùy hỷ, đều vì tự diệp phục, tự thanh tịnh, tự độ mà khởi tu bốn niệm xứ, cho đến tám thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác; còn Bồ tát công đức tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem công đức ấy vì điều phục hết thấy chúng sanh, vì thanh tịnh hết thấy chúng sanh, vì độ hết thấy chúng sanh mà khởi tu.

Bảy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề thưa Di lạc Bồ tát rằng: Các Bồ tát ma ha tát nhớ đến vô lượng vô biên vô số các đức Phật diệt độ trong mười phương vô lượng vô biên vô số thế giới, từ khi mới phát tâm cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô dư Niết bàn cho đến khi Pháp tận, ở khoảng trung gian ấy tạo các phước thiện căn tương ưng sáu Ba la mật và thiện căn phước về bố thí, trì giới, tu định của các người Thanh văn, thiện căn vô lậu của các bậc hữu học, vô học; giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, nhất thiết trí, đại từ đại bi và vô lượng vô số các Phật pháp khác của chư Phật; và học từ pháp của chư Phật thuyết, được quả Tu đà hoàn, cho đến quả A la hán, Bích chi Phật đạo, vào Bồ tát ma ha tát vị, và thiện căn của các chúng sanh khác, đem tất cả phước đức tùy hỷ với tất cả thiện căn hòa hợp lại ấy, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, không gì sánh bằng. Tùy hỷ như vậy rồi, đem phước đức tùy hỷ ấy, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có Thiện nam tử tu Bồ tát đạo, nghĩ rằng: Tôi đem tâm này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy là sanh tâm duyên sự. Nếu Thiện nam tử chấp thủ tướng mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể được như sở niệm chăng?

Di lặc Bồ tát nói với Tu bồ đề: Thiện nam tử ấy tu Bồ tát đạo, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy là tâm duyên sự, nếu thiện nam tử chấp thủ tướng như vậy, thời không thể được sở niệm.

Tu bồ đề nói với Di lặc Bồ tát: Nếu các sự các duyên không có gì của chính nó mà thiện nam tử ấy chấp thủ tướng, tu Bồ tát đạo đối với các thiện căn của chư phương Phật mười phương, từ khi mới phát tâm cho đến khi pháp tận, và đối với các thiện căn của Thanh văn, thiện căn của bậc học, vô học, tất cả phước đức tùy hỷ hòa hợp hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vô tướng, nên Bồ tát ấy không có điên đảo; không có tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo: vô thường cho là thường; không có tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo: bất tịnh cho là tịnh, khổ cho là vui, vô ngã cho là ngã. Hoặc không có duyên như sự Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy, tâm hồi hướng cũng như vậy. Thí ba la mật, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Bát nhã ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Nếu như vậy, thế nào là duyên? Thế nào là sự? Thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Thế nào là thiện căn? Thế nào là tâm tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

LUẬN: Trong bảy phẩm trước Phật sai Tu bồ đề nói Bát nhã, giữa chừng Đế thích hỏi nhiều, nói nhiều việc công đức. Nay Di lặc thuận theo bốn ý Phật, trở lại muốn sai Tu bồ đề, nhân pháp tùy hỷ mà nói rộng Bát nhã ba la mật.

\* Lại nữa, Đế thích nghe trên kia nói cúng dường Bát nhã bằng hoa hương, kỹ nhạc, phan lọng, được phước rất nhiều, tự vui mừng, may mắn sâu xa. Nghĩ rằng: "Các thứ cúng dường ấy chỉ chúng tôi sắm được, chẳng phải người xuất gia có được". Thế nên Di lặc muốn dẹp cái tâm tự cho mình nhiều của ấy, nên nói Tu bồ đề, Bồ tát chỉ đem tâm tùy hỷ, là hơn cả sự bố thí và các công đức vô lậu của Thanh văn, Bích chi Phật và tất cả chúng sanh, huống gì hương hoa cúng dường kinh quyền.

*Phước đức tùy hỷ* là không nhọc thân miệng làm các công đức, chỉ đem tâm phương tiện thiện xảo, thấy người khác tu phước, vui mừng theo, nghĩ rằng: Giữa hết thảy chúng sanh, người tu phước hành đạo được, là rất thù thắng, nếu lìa phước đức thời người và súc sanh đồng hành ba việc: Dâm dục, uống ăn, chiến đấu.

Người hành đạo tu phước được chúng sanh tôn trọng cung kính, thí như lúc nóng bức, có trăng tròn mát mẻ, không ai không ưa ngắm, cũng như trước

ngày đại hội chuẩn bị kỹ nhạc, hào soạn đầy đủ, người ở gần xa đều hân hoan phó hội. Người tu phước cũng như vậy.

Phước đức làm nhân duyên được hai thứ vui là vui thế gian và vui xuất thế gian. Xuất thế gian là các pháp vô lậu, tuy không có phước báo, song hay sanh phước đức, nên gọi là phước đức. Thế nên hữu lậu vô lậu, đều gọi là phước đức.

\* Lại nữa, phước đức là gốc của Bồ tát ma ha tát, hay làm cho mãn nguyện, được tất cả thánh nhân tán thán, bị người vô trí hủy báng, chửi người trí đạo đi, người vô trí xa lìa. Do nhân duyên phước đức nên được làm vua người, Thánh vương chuyển luân, vua trời, A la hán, Bích chi Phật, chư Phật Thế Tôn, đại từ đại bi, mười lực, bốn điều không sợ, trí thất thiết chủng, tự tại vô ngại, đều từ trong phước đức sanh.

Các thứ phước đức như vậy, vì được chánh kiến nên hoan hỷ theo.

\* Lại nữa, Bồ tát tự suy nghĩ: Ta nên đem vui cho tất cả chúng sanh, nên thấy chúng sanh tự tu hành phước đức; thế nên tâm sanh hoan hỷ.

\* Lại nữa, tất cả chúng sanh hành thiện, tương tự với ta, ấy là cùng ta đồng bạn, thế nên hoan hỷ.

Các Bồ tát ma ha tát đối với chư Phật rộng mười phương ba đời, và Bồ tát, Thanh văn, Bích chi Phật, và tất cả chúng sanh tu phước, bố thí, trì giới, tu định, đối với các phước đức ấy, sanh tùy hỷ phước đức, thế nên gọi là phước đức. Đem phước đức tùy hỷ ấy chung với hết thảy chúng sanh, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

*Chung với hết thảy chúng sanh* là phước đức ấy không thể đem cho hết thảy chúng sanh, mà có thể cho quả báo, nghĩa là Bồ tát đã được phước đức quả báo, là các thứ vui thế gian như đem y phục, uống ăn v.v... làm lợi ích chúng sanh.. Bồ tát do phước đức mà thân miệng thanh tịnh, được người tín thọ, nói pháp cho chúng sanh, khiến được mười thiện đạo, bốn thiền v.v... làm cho lợi ích đời sau, và cuối cùng thành Phật, được quả báo phước đức, thân có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, ánh sáng vô lượng, người xem không chán, thanh tịnh vô lượng, phạm âm nhu hòa, các Phật pháp giải thoát vô ngại, thị hiện ba việc (Biết tha tâm, hiện thần lực, thuyết giáo môn - N.D) độ vô lượng vô số chúng sanh, sau khi vào Niết bàn nát thân thành Xá lợi, để cho người cúng dường, lâu về sau đều khiến cho đắc đạo. Ấy là quả báo có thể đem cho hết thảy chúng sanh. Do trong quả nói nhân, nên nói đem phước đức cho chúng

sanh chung hưởng. Nếu phước đức có thể đem cho người, thời chư Phật từ khi mới phát tâm nhóm các phước đức, đem cho người hết, sau lại tạo lại hay sao! Thế thiện pháp không thể đem cho người, nay chính dùng sức vô không nào hại thí chúng sanh.

Ấy gọi là phước đức tùy hỷ của Bồ tát ma ha tát so với ba thứ phước đức của Thanh văn, Bích chi Phật và chúng sanh, là tối thắng, tối thượng đệ nhất, tối diệu, vô thượng, không thể sánh bằng.

Trong đây nói nhân duyên tối thắng: Là phước đức Nhị thừa là tự điều phục, tự thanh tịnh, tự độ thoát. Giữ giới là tự điều phục, tu thiền là tự thanh tịnh, trí tuệ là tự độ thoát.

\* Lại nữa, tự điều phục là tu chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; tự thanh tịnh là tu chánh niệm, chánh định; tự độ là tu chánh kiến, chánh tư duy, chánh phương tiện.

\* Lại nữa, do bố thí nên tự điều phục, do trì giới nên tự thanh tịnh, do tu định nên tự độ thoát.

Tu định là nhân duyên gần của pháp vô lậu. Pháp vô lậu là 37 phẩm, ba giải thoát môn. Bố thí, trì giới là nhân duyên xa, nên không giải thích. Phước đức tùy hỷ của Bồ tát tuy không có siêng năng mệt nhọc, mà vì độ chúng sanh nên hơn.

Hỏi: Thật không độ hết thấy chúng sanh, cứ sao nói độ hết thấy chúng sanh hơn?

Đáp: Lực công đức của chư Phật, Bồ tát, có thể độ hết thấy chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không có nhân duyên hòa hợp, ví như lửa lớn, thường có sức đốt, chỉ vì củi không ở gần cho nên không cháy, gần thì cháy hết.

Bấy giờ, Tu bồ đề lấy trí tuệ rớt ráo không, nạn hỏi Di lạc Bồ tát: Niệm đến phước đức tùy hỷ hồi hướng Vô thượng đạo của chư Phật, ấy là niệm việc quá khứ, việc ấy có được như sở niệm chăng?

Di lạc dùng hai nhân duyên để đáp: Không!

1. Quá khứ vô lượng vô số kiếp, chư Phật diệt độ đã lâu, không còn để lại gì, còn Bồ tát hoặc không có trí túc mạng, hoặc có mà không thể biết kịp, chỉ theo như chỗ được nghe mà ức tưởng phân biệt, cho nên không được như sở niệm.

2. Chư Phật và công đức đều ra ngoài ba cõi, ba đời, bất dứt đường nói năng hý luận, như tướng Niết bàn rốt ráo không, thanh tịnh.

Tùy hỷ là phân biệt công đức thiện căn của chư Phật và chư đệ tử, tâm hồi hướng ấy và đạo Vô thượng chẳng phải thật, cho nên đáp không!

Tu bồ đề nạn rằng: Nếu không có việc ấy, mà Bồ tát ức niệm phân biệt thời phải rơi vào điên đảo, nếu việc ấy thanh tịnh, rốt ráo không, mà ức niệm cũng rơi vào điên đảo, công đức của chư Phật quá khứ cũng như vậy, không có phân biệt, không có khác, làm sao được tùy hỷ theo? Đây lược nói nghĩa, rộng thời như Kinh nói: Nghĩa là Tu bồ đề hỏi Di lặc Bồ tát ma ha tát: Nếu Bồ tát niệm các đức Phật đã diệt độ trong mười phương vô lượng vô biên vô số thế giới quá khứ, là Bồ tát muốn phát khởi công đức tùy hỷ. Phật là chủ công đức, cho nên ức niệm Phật, nghe kinh sách nói, có danh hiệu Phật quá khứ, nên nhân nơi danh hiệu ấy, ức niệm rộng đến hết thấy Phật quá khứ.

*Từ khi mới phát tâm* là bắt đầu phát tâm lập nguyện ta sẽ độ hết thấy chúng sanh. Tâm ấy tương ứng với ba thiện căn là không tham, không sân, không si, thiện căn tương ứng các thiện pháp và thiện căn khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp, hòa hợp pháp ấy, gọi là phước đức. Từ khi mới phát tâm tu sáu Ba la mật, vào Bồ tát vị, được mười địa, cho đến ngồi đạo tràng, trong đó, Bồ tát tu phước đức hòa hợp được Phật đạo, cho đến vào vô dư Niết bàn. Sau khi diệt độ, Xá lợi và giáo pháp lưu lại, đều là công đức tự thân Phật hòa hợp. Nhân nơi chư Phật, người Đại thừa tu sáu Ba la mật và tương ứng phước đức. Tương ứng là trừ sáu Ba la mật các pháp hành khác của Bồ tát đều nhiếp vào trong sáu Ba la mật; cho nên nói tương ứng với sáu Ba la mật hòa hợp, nếu người cầu Thanh văn, Bích chi Phật thời gieo trồng phước đức bố thí, trì giới, tu định v.v..

Người Thanh văn, Bích chi Phật có 2 hạng:

1. Hạng hết lậu gọi là vô học.
2. Hạng được đạo, lậu hoặc chưa hết, gọi là học.

Hai hạng người này có thiện căn hơn hơn các phước đức, cho nên chỉ nói thiện căn.

Trên nói người cầu Nhị thừa là chỉ chung cả phàm phu, thánh nhân; đây nói vô học là thuần chỉ về thánh nhân.



Tướng tốt là sắc pháp vô ký, chẳng phải là công đức lành, nên chỉ nói năm uẩn vô học (tức năm pháp uẩn giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến - ND) của Phật.

Đại từ, đại bi và Phật pháp, nghiễm như trong phẩm đầu đã nói.

*Pháp của Phật nói, học Pháp ấy được quả Tu đà hoàn, cho đến vào Bồ tát vị là sau khi Phật diệt độ, từ trong giáo pháp kyu lại mà được đạo, thế nên nói lại.*

*Và các chúng sanh khác gieo trồng căn lành là trong khi Phật ở đời và giáo pháp lưu lại chính là nhân duyên phước đức của trời, người và cho đến súc sanh.*

Bốn đoạn phước đức trên, tâm hành giả duyên khắp, rồi ức niệm tùy hỷ, cầu Phật đạo, nên hồi hướng, gọi là tùy hỷ Vô thượng, tối thượng, không thể sánh bằng.

Hỏi: Người cầu Phật đạo có sao không tự tạo công đức mà lại đem tâm tùy hỷ.

Đáp: Các Bồ tát có sức phương tiện, nên đối với công đức người khác cực nhọc tạo được, phát tâm tùy hỷ, mà phước đức hơn người tạo ra.

\* Lại nữa, phước đức tùy hỷ này tức là phước đức thật, vì sao? Vì ức niệm quá khứ Phật tức là niệm Phật tam muội, cũng là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên trong sáu niệm. Nhân tu giới thanh tịnh, vào thiền định, khởi lên trí tuệ rất ráo, hòa hợp lại nên khởi lên tâm hỷ chơn chánh. Cho nên không chỉ tùy hỷ mà thôi, cũng là tu hành Phật pháp ấy.

*Các duyên là sở duyên của tâm tùy hỷ, tức là công đức của chư Phật và hết thảy chúng sanh tạo được.*

*Các sự là gốc của sở duyên. Phước đức là trú xứ của công đức sở duyên, tức chư Phật và chúng sanh, cùng đất đai, núi rừng, tinh xá trú xứ, đều gọi là Sự.*

Có thể được như sở niệm chăng? Di lặc đáp: Không. Tu bồ đề nói với Di lặc: Nếu các sự các duyên không có gì của chính nó, có sao không rơi vào điên đảo? Điên đảo là ba loại phân biệt về bốn điên đảo (vô thường chấp thường, khổ cho là vui, bất tịnh chấp tịnh, vô ngã chấp ngã - ND).

Điên đảo ấy là thí dụ. Không có Phật mà ức tưởng niệm Phật, giống như vô thường mà tưởng niệm thường, bất tịnh mà tưởng niệm tịnh.

Hỏi: Kiến là gốc điên đảo, như người được Sơ quả, có thể khởi tướng điên đảo, tâm điên đảo, chứ không có kiến điên đảo, vì khi thấy Tứ đế thì đã dứt kiến hoặc?

Đáp: Điên đảo ấy khi sanh khác, khi dứt khác. Khi sanh thì tướng khởi trước, thứ đến tâm, sau hết kiến. Khi dứt thì trước dứt kiến, thấy lý Tứ đế liền dứt. Thể tính điên đảo là tướng của kiến, thấy lý Tứ đế liền dứt, còn tướng và tâm điên đảo là người học chưa lìa dục, quên ức niệm (thất niệm) nên thủ lấy tướng tịnh, khởi ra các kiết sử, khi trở lại được chánh niệm, liền dứt như trong kinh nói thí dụ: Như nước giọt trên sắt nóng, liền tiêu mất. Sai lầm nhỏ nên giả gọi là điên đảo, chẳng phải thật điên đảo. Thế nên nói người phạm phu có ba điên đảo, học nhân có hai điên đảo.

\* Lại nữa, các duyên, các sự như thật rất ráo không, ức niệm cũng không, Bồ đề cũng không, tâm tùy hỷ cũng không, Thí Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung cũng không. Nếu các pháp một tướng tức là vô tướng, thời trong đó thể nào là duyên, thể nào là sự, thể nào là tâm hồi hướng vô thượng đạo?

KINH: Di lặc Bồ tát nói với Tu bồ đề: Nếu các Bồ tát ma ha tát tu lâu sáu Ba la mật, cúng dường chư Phật nhiều, trồng căn lành; gần gũi thiện tri thức, khéo học pháp tự tướng không; các Bồ tát ấy không thủ tướng duyên ấy, sự ấy; đem phước đức tùy hỷ với các thiện căn của chư Phật mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì pháp không hai chẳng phải không hai, chẳng phải tướng chẳng phải phi tướng, chẳng phải khả đắc chẳng phải bất khả đắc, chẳng như chẳng sạch, chẳng sanh chẳng diệt, ấy mới gọi là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trái lại nếu Bồ tát tu sáu Ba la mật không lâu, không cúng dường chư Phật nhiều, không trồng thiện căn, không gần gũi thiện tri thức, không khéo học pháp tự tướng không; Bồ tát ấy tâm thủ tướng các duyên ấy, các sự ấy, đem phước đức tùy hỷ với các thiện căn của chư Phật, mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy thời không gọi là hồi hướng.

Tu bồ đề! Nghĩa Bát nhã ba la mật cho đến nghĩa nhất thiết chủng trí như vậy, tức là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, không nên đem nói cho hàng Bồ tát tân học, vì sao? Vì Bồ tát ấy có chút ít tâm thanh tịnh tin vui cung kính, đều quên mất, chỉ nên nói cho hàng Bồ tát ở địa vị bất thoái chuyển. Nếu người có được thiện tri thức thủ hộ, hoặc người đã cúng dường chư Phật nhiều, trồng các thiện căn, thời nên nói nghĩa Bát nhã cho đến nghĩa nhất thiết chủng trí cho họ, tức là nói nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; người ấy nghe pháp ấy, tâm không thoái chuyển, không kinh, không hãi, không sợ.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nên đem phước đức tùy hỷ, nên hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy, tức là Bồ tát dụng tâm tùy hỷ công đức, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm ấy tận diệt biến lìa, các duyên ấy, các sự ấy các thiện căn ấy cũng tận diệt biến lìa.

Trong đây thế nào là tâm tùy hỷ? Thế nào là các duyên? Thế nào là các sự? Thế nào là tùy hỷ các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Hai tâm không cùng có, tâm tánh ấy cũng không thể được hồi hướng, Bồ tát làm sao đem tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nếu Bồ tát ma ha tát khi hành Bát nhã ba la mật, biết như vậy: Bát nhã ba la mật không có pháp, cho đến Thí ba la mật cũng không có pháp, sắc không có pháp, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không có pháp. Bồ tát ma ha tát nên như vậy tùy hỷ công đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu hồi hướng được như vậy, ấy gọi là đem công đức tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Ý Di lặc cho các pháp sâu xa vi diệu, nghĩa là không hoại các pháp tướng, mà đem tâm tùy hỷ hồi hướng vô thượng đạo, việc ấy rất khó. Tâm người phạm phu cương cường không thể hành pháp ấy, thế nên Di lặc đáp: Nếu hành giả tu sáu Ba la mật lâu ngày, có công đức thâm hậu nên bất động, nghĩa là tin được, làm được, cúng dường chư Phật nhiều, trồng căn lành, nhóm vô lượng vô biên vô số công đức, bề gãy kiết sử, tâm được nhu nhuyễn, đó là nhân duyên đời trước, đời nay gặp được thầy tốt, đồng học tốt, cũng tự học các pháp thật tướng không có phương tiện thiện xảo nên không chấp trước không ấy.

Do vô lượng nhân duyên như vậy, nên pháp tuy vô tướng, mà có thể khởi tâm tùy hỷ, hồi hướng vô thượng đạo, thí như sắt tuy cứng chắc, vào lò lửa thời mềm, tùy ý làm đồ dùng. Tâm Bồ tát cũng như vậy, tu sáu Ba la mật lâu ngày được thiện tri thức thủ hộ, tâm được nhu nhuyễn, đối với các duyên các sự, các thiện căn của chư Phật quá khứ, không thủ tướng, mà khởi tâm tùy hỷ, dùng vô tướng hồi hướng Vô thượng đạo.

*Vô tướng* là dùng được pháp chẳng hai chẳng không hai, cho đến chẳng sanh chẳng diệt. Trái với vô tướng trên đây, là không thể hồi hướng.

Di lặc biết Tu bồ đề ưa nói không, nên nói: Nghĩa tùy hỷ của Bát nhã ba la mật như vậy, không nên đem nói ở trước hàng tân học Bồ tát, vì sao? Vì nếu người có ít thiện căn phước đức, nghe nói pháp rất ráo không, liền chấp không, nghĩ rằng nếu các pháp rất ráo không, không có gì của chính nó, thời ta làm phước

để làm gì, thời bị mất tiền nghiệp. Vì vậy nên đối với Bồ tát mới phát tâm, trước hãy dạy thủ tướng tùy hỷ, dần dần được trí tuệ, mới có thể thật hành vô tướng tùy hỷ. Thí như chim con, lông cánh chưa thành, không thể ép khiến bay cao, sáu thứ lông cánh thành tựu thời mới bay xa được.

Đối với Bồ tát ở địa vị bất thối, vào pháp vị, được pháp nhẫn, có thể tin, có thể làm, mới nói cho. Nếu người tu sáu Ba la mật lâu ngày, thân cận thiện tri thức, bên trong có phước đức, bên ngoài có nhân duyên trợ lực, thời tuy chẳng phải ở địa vị bất thối, có thể tin có thể làm. Hai hạng người này, nghe nói Bát nhã thời tâm thanh tịnh; tùy hỷ tín thọ, như người đói khát lâu ngày, được đồ ăn uống ngon, như quá nóng được mát, quá lạnh được ấm; tâm rất ưa thích hoan hỷ. Hai hạng Bồ tát này cũng như vậy, được trí tuệ vô tướng ấy, nghĩ rằng: Ta nhân trí tuệ này mà độ được vô lượng chúng sanh, đâu có kinh hãi sợ sệt! Sợ sệt từ trong tâm ta sanh ra! Trong vô tướng, các pháp tướng còn không, huống gì có ta để mà quyết định thủ lấy tướng các pháp, nghe nói hết thầy pháp vô tướng, thời sanh sợ sệt?

Đến đây nói nghĩa thể tùy hỷ xong, sau sẽ dùng mỗi mỗi môn sai khác để giải thích sự ấy.

\* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát nên tư duy như vậy: Dùng tâm ấy hồi hướng vô thượng đạo, song tâm ấy niệm niệm biến dị tận diệt, không có thời gian ngưng trụ, còn các duyên các sự, tức là chư Phật và thiện căn quá khứ, các duyên và sự chư Phật ấy đã diệt lâu rồi tâm tùy hỷ nay diệt, đã diệt không khác, thế nên trong kinh nói dùng tâm ấy hồi hướng, thì tâm ấy tận diệt. Như vậy vì đều đi vào quá khứ, vì vào thật tướng các pháp, nên không có phân biệt là tâm, là duyên, là sự, là thiện căn. Nếu hồi hướng được như vậy, là chánh hồi hướng.

\* Lại nữa, trong một lúc hai tâm không hòa hợp, khi có tâm tùy hỷ thì không có tâm Bồ đề, hết thầy tâm tướng rốt ráo không, không thể lấy tâm chấp thủ tướng hồi hướng, vì sao? Vì Bồ tát biết Bát nhã ba la mật không, không có định pháp. Như Bát nhã ba la mật, hết thầy pháp cho đến vô thượng đạo cũng như vậy. Khi ấy dứt pháp ái, bỏ tâm chấp trước, đối với không, không tranh luận, ấy gọi là Bồ tát chánh hồi hướng.

KINH: Bấy giờ Thích đề hoàn nhân nói với Tu bồ đề: Bồ tát mới phát tâm nghe việc ấy, sẽ không kinh hãi sợ sệt chăng? Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát mới phát tâm làm các thiện căn, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Lại

thế nào là đem phước đức tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề đáp: Thích đề hoàn nhân, nếu Bồ tát mới phát tâm tu Bát nhã ba la mật, không chấp thủ Ba la mật ấy, vì không sở đắc, vì vô tướng, cho đến Thí ba la mật cũng như vậy. Phần nhiều tin hiểu nội không, cho đến phần nhiều tin hiểu vô pháp hữu pháp không, phần nhiều tin hiểu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Thường thân cận tri thức, thiện tri thức ấy nói cho nghĩa sáu Ba la mật, mở bày phân biệt, dạy bảo như vậy, khiến thường không lìa Bát nhã ba la mật, cho đến khi được vào pháp vị Bồ tát, trọn không lìa Bát nhã ba la mật, cho đến không lìa Thí ba la mật, không lìa bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Cũng dạy việc của ma, nghe các việc của ma rồi, tâm không thêm không bớt, vì sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy không chấp thủ hết thảy pháp. Bồ tát ấy cũng thường không lìa chư Phật, cho đến khi được Bồ tát vị, ở trung gian ấy trông các thiện căn, do thiện căn ấy nên sanh vào nhà Bồ tát, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa thiện căn ấy.

\*Lại nữa, Bồ tát ma ha tát mới phát tâm, đối với công đức dứt đường sanh tử, dứt các hý luận, đọa, tận, bỏ gánh nặng, dứt gai nhọn xóm làng, dứt các hữu kiết sử, chánh trí được giải thoát của chư Phật trong mười vô lượng vô biên vô số thế giới, và công đức của các đệ tử Phật làm, , hoặc là các thiện căn của dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời bốn Thiên vương, cho đến trời Tịnh cư, tất cả công đức thiện căn ấy hòa hợp cần lượng, đem tâm tùy hỷ tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng, mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Di lặc Bồ tát nói với Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát mới phát tâm, niệm đến thiện căn của chư Phật và đệ tử, mà tùy hỷ công đức, tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng; tùy hỷ rồi, nên hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Làm sao Bồ tát không rơi vào tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo?

Tu bồ đề đáp: Nếu Bồ tát ma ha tát niệm Phật và Tăng, mà nơi đó không sanh Phật tướng, Tăng tướng, không có thiện căn tướng, dùng tâm ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong tâm ấy cũng chẳng sanh tâm tướng; Bồ tát hồi hướng như vậy, tướng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo.

Nếu Bồ tát ma ha tát nghĩ đến thiện căn của Phật và Tăng, mà thủ tướng, thủ tướng rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ tát như vậy gọi là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Nếu Bồ tát dùng tâm ấy nghĩ đến các thiện căn của Phật và Tăng, khi tâm ấy niệm, liền biết nó tận diệt, nếu tận diệt, thời pháp ấy không thể được hồi hướng, tâm hồi hướng được dùng cũng là tướng tận diệt, chỗ hồi hướng cũng là tướng tận diệt. Nếu hồi hướng như vậy, gọi là chánh hồi hướng, chẳng phải tà hồi hướng, Bồ tát ma ha tát nên hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy.

\* Lại nữa, nếu Bồ tát ma ha tát nghĩ đến thiện căn của chư Phật và đệ tử; thiện căn của người phạm phu biết nghe pháp, hoặc thiện căn của chư Thiên, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già biết nghe pháp; hoặc thiện căn của dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời bốn Thiên vương, cho đến trời A ca ni sắc biết nghe pháp, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đem tất cả công đức ấy hòa hợp cân lường, tùy hỷ tối thượng, đệ nhất, vô thượng, vô đẳng đẳng; hồi hướng đến vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi ấy Bồ tát nếu biết như vậy: Các pháp ấy tận diệt, chỗ hồi hướng cũng tự tánh không. Hồi hướng được như vậy, gọi là chơn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

\* Lại nữa, nếu Bồ tát biết như vậy: không có pháp có thể hồi hướng, vì sao? Vì hết thầy pháp tự tánh không. Nếu hồi hướng được như vậy, gọi là chánh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật cho đến hí ba la mật không rơi vào tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo, vì sao? Vì Bồ tát không chấp trước hồi hướng, cũng không thấy chỗ tâm Bồ đề đem các thiện căn hồi hướng, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát vô thượng hồi hướng.

LUẬN - Hỏi: Bồ tát mới phát tâm nghe việc ấy, sẽ không kinh hãi sợ sệt chăng? Nghĩa này trước đã hỏi đáp, sao nay còn hỏi?

Đáp: Trên kia, tuy Di lặc nói với Tu bồ đề không nên đem nói cho hàng Bồ tát tân học, chỉ nói cho hàng Bồ tát bất thối và người tu lâu. Vì hai hạng người ấy, nghe rồi có thể tin làm. Đã nói nhân duyên của chánh hồi hướng mà còn nói pháp không, cho nên Đế thích nghi: Trong chúng có hạng mới phát tâm làm sao lại nói không làm cho họ sợ hãi. Tu bồ đề muốn thành tựu lời Di lặc nói, muốn khiến hàng mới phát tâm nên chánh hồi hướng, nên đáp với Đế thích: Nếu Bồ tát mới phát tâm, tuy không tin làm sáu Ba la mật, không cúng dường chư Phật, song vì

có lợi căn, gặp được thiện tri thức, do có hai nhân duyên ấy, nên đủ sức chánh hồi hướng. Thế nên nói với Đế thích: Bồ tát mới phát tâm, tu Bát nhã ba la mật, không chấp thủ Bát nhã ấy, vì không sờ đắc, vì rốt ráo không, nên Bát nhã ba la mật cũng chẳng được, chẳng trước, cho đến Thí ba la mật cũng như vậy.

*Phần nhiều tin hiểu nội không* là thường tu ưa vào tam muội quán nội không, nên tin hiểu, cho đến đối với mười tám pháp không chung, phần nhiều tin hiểu cũng như vậy.

Tướng mạo thiện tri thức, trước đã nói, trong đây chỉ nói rõ người hay nói theo nghĩa sáu Ba la mật, người nghe nghĩa ấy rồi, thường không rời Bát nhã ba la mật, cho đến khi được vào Bồ tát pháp vị; có người tu lâu vào Bồ tát vị, có người mới phát tâm vào Bồ tát vị.

\* Lại nữa, đối với Bồ tát mới phát tâm ấy, thiện tri thức nói cho nghe việc Ma, nghe việc Ma xong, không tăng không giảm, nhờ khéo tu tập tướng các pháp. Nếu Ma muốn phá, là vì muốn phá "Không", thời "không" không có phá; nếu có tăng ích, thì như huyễn như mộng, tăng ích cái gì, thế nên nói không tăng không giảm.

Do nhân duyên ấy, nên thường không lìa chư Phật, thường sanh nhà Bồ tát, đời đời không rời thiện căn, cho đến khi chứng vô thượng đạo. Bồ tát mới phát tâm ấy được có nhân duyên như vậy nên cùng Bồ tát phát tâm đã lâu không khác.

\* Lại nữa, tùy hỷ hồi hướng là hàng Bồ tát mới phát tâm đối với đoạn đạo của chư Phật trong mười phương vô lượng vô số thế giới quá khứ là dứt đường sanh tử, vào Vô dư Niết bàn. Vì các hý luận dứt nên nói là dứt các hý luận; lấy tam muội không không v.v... xả tám Thánh đạo phần, nên nói là *đạo tận*; năm uẩn hay sanh khổ não nên nói là *gánh nặng*. Có hai lối xả năm uẩn: 1. Trong Hữu dư Niết bàn, xả phiền não, là nhân duyên của năm uẩn. 2. Trong Vô dư Niết bàn, xả quả năm uẩn (tức là năm uẩn). Hết thầy nhà bạch y cư sĩ gọi là *Xóm làng*; người xuất gia nương hàng bạch y cư sĩ mà sống, song nhà bạch y có thứ gai năm dục. Vì ăn nên đi vào rừng cây quả có gai nhọn, để lấy quả nên bị gai chích. Như người mang guốc gỗ đập gai, thời gai bị đập gãy, ấy là chư Phật lấy guốc thiền định trí tuệ đập gãy gai năm dục, gọi là đoạn dứt năm hạ phần kiết (tham, sân, thân kiến, giới thủ, nghi - N.D). Kiết sử hữu phần dứt hết, gọi là đoạn năm thượng phần kiết, (sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh - N.D) Trí tuệ tương ưng với các pháp thật tướng Kim Cang tam muội, dứt hết thầy phiền não và tập khí, nên nói là *chánh trí được giải thoát*. Như vậy đều gọi là tán thán.

*Công đức của quá khứ chư Phật và đệ tử làm* là đệ tử có ba hạng là Bồ tát, Bích chi Phật, Thanh văn, dòng lớn Sát lợi cho đến trời Tịnh cư. Nơi ấy trồng thiện căn, là bốn nơi làm nhân ruộng phước, là nơi gieo phước đức, tâm tùy hỷ với phước đức hòa hợp cân lường, tối thượng, không thể sánh, hồi hướng vô thượng đạo, tâm hồi hướng ấy chẳng phải chánh chẳng phải tà, vì có sao? Nay Di lạc hỏi Tu bồ đề: Nếu Bồ tát mới phát tâm, niệm đến công đức chư Phật, rồi hồi hướng vô thượng đạo, làm sao không đọa vào điên đảo? Tu bồ đề đáp: Hoặc Bồ tát ấy vì Bát nhã ba la mật làm sức phương tiện nên đối với chư Phật không sanh Phật tưởng, và đối với thiện căn của các đệ tử không sanh thiện căn tưởng, vì hết thấy pháp do hòa hợp sanh, không có tự tánh, nên không có pháp nhất định, gọi là Phật, thế nên không sanh Phật tưởng v. v... tâm hồi hướng ấy, cũng không sanh tâm tưởng. Thế nên Bồ tát không đọa vào điên đảo. Trái với đây tức là đọa vào điên đảo.

\* Lại nữa, Bồ tát lấy tâm ấy niệm chư Phật và các thiện căn, khi tâm ấy diệt tận liền biết diệt tận, tâm diệt tận không được hồi hướng, vì sao? Vì biến mất diệt hoại. Tâm ấy cũng vào cửa vô thường đến trong pháp tánh, trong pháp tánh không có phân biệt là tâm, là phi tâm, là Phật, là thiện căn, là vô thượng đạo. Tâm hồi hướng, tướng hồi hướng, tướng diệt tận cũng như vậy. Sơ tâm là tâm ức niệm đến công đức tùy hỷ của chư Phật quá khứ, hậu tâm là tâm hồi hướng. Nếu hồi hướng được như vậy, gọi là chánh hồi hướng.

Hỏi: Sơ tâm. hậu tâm là tướng sanh diệt, có thể vô thường, còn chỗ hồi hướng là vô thượng đạo, ở vào thời vị lai, làm sao nói diệt tận?

Đáp: Ông không nghe tôi đáp trước kia, vào cửa vô thường đến trong pháp tánh, rong đó không nói diệt tận là vô thường, chỉ nói thật tướng các pháp là diệt tận. Trước cũng đã nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ra khỏi ba đời, vượt quá ba cõi, không có tướng chấp thủ. Hồi hướng được như vậy, gọi là chánh hồi hướng.

\* Lại nữa, chẳng phải chánh, chẳng phải tà hồi hướng, là Bồ tát đối với thiện căn của chư Phật quá khứ, cho đến vô thượng, không thể sánh, hồi hướng vô thượng đạo. Có Bồ tát biết việc ấy đều tận diệt, biết chỗ hồi hướng cũng tự tánh không, biết diệt, biết không, là chơn hồi hướng. Nếu pháp quá khứ vô thường, vô thường nên không thể hồi hướng nơi pháp tự tánh không. Nếu pháp quá khứ "Không", không, nên không thể hồi hướng trong pháp tự tánh không. Dùng trí tuệ như vậy mà hồi hướng, ấy gọi là chánh hồi hướng.



\* lại nữa, nếu Bồ tát biết hết thấy pháp nhân duyên sanh, nên không có tự lực thường trú, tự pháp tướng bất động, huống gì có tạo tác. Không có tạo tác nên trong hết thấy pháp, không có pháp hồi hướng pháp, ấy gọi là chánh hồi hướng.

Bồ tát như vậy, tuy tu thiện pháp sáu Ba la mật, cũng không rơi vào điên đảo vì không chấp trước hết thấy pháp.

KINH: Lại nữa, nếu Bồ tát ma ha tát biết phước đức được khởi tạo xa lìa năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, cũng biết Bát nhã ba la mật là tướng xa lìa, cho đến Thí ba la mật là tướng xa lìa; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là tướng xa lìa; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là tướng xa lìa, Bồ tát ma ha tát tâm tùy hỷ khởi lên phước đức như vậy, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Nếu Bồ tát đối với phước nghiệp đã tu tạo, như thật biết rõ nó lìa uẩn xứ giới; cũng lìa Bát nhã ba la mật đa, cho đến Bồ thí ba la mật đa, cũng lìa nội không cho đến vô tánh hữu tánh, cũng lìa bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp không chung. Bồ tát ma ha tát ấy, đối với phước nghiệp đã tu tạo, như thật biết rõ rồi, thâm tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề - N.D)

\* Lại nữa, Bồ tát ma ha tát ấy tùy hỷ phước đức, biết tùy hỷ phước đức tự tánh xa lìa, cũng biết chư Phật xa lìa Phật tánh, các thiện căn cũng xa lìa tánh thiện căn, Bồ đề tâm cũng xa lìa tánh Bồ đề tâm, hồi hướng cũng xa lìa tánh hồi hướng, Bồ tát cũng xa lìa tánh Bồ tát, Bát nhã ba la mật cũng xa lìa tánh Bát nhã ba la mật, Thiên ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, cũng xa lìa tánh Thí ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung cũng xa lìa tánh mười tám pháp không chung. Bồ tát ma ha tát nên như vậy tập hành Bát nhã ba la mật là tướng, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát từ trong Bát nhã ba la mật sanh tùy hỷ phước đức.

\* Lại nữa, Bồ tát ma ha tát, đối với thiện căn của chư Phật quá khứ đã diệt độ, nếu muốn hồi hướng, nên hồi hướng như vậy, nghĩ rằng: Như tướng chư Phật diệt độ, tướng các thiện căn cũng như vậy, tướng pháp diệt độ cũng như vậy, ta dụng tâm hồi hướng, tướng tâm ấy cũng như vậy, nên biết đó là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không đọa vào tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật mà chấp thủ tướng thiện căn của chư Phật, mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ấy thời không gọi là hồi hướng, vì sao? Vì chư Phật và thiện căn quá khứ, chẳng phải duyên tướng, chẳng phải duyên vô tướng. Nếu Bồ tát ma ha tát cũng thủ tướng như

vậy, ấy thời gọi là thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bồ tát ma ha tát như vậy, bị đọa vào tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Nếu Bồ tát ma ha tát đối với chư Phật và thiện căn, và các tâm, không thủ tướng, ấy gọi là lấy các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bồ tát ma ha tát ấy, không đọa vào tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Bấy giờ Di lặc Bồ tát hỏi Tu bồ đề: Làm sao Bồ tát ma ha tát đối với các thiện căn không thủ tướng, có thể hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Tu bồ đề đáp; Vì sự ấy, nên biết Bồ tát ma ha tát trong khi học Bát nhã ba la mật nên có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nếu phước đức ấy là Bát nhã ba la mật thời không được hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật thời chư Phật không thể có được, các thiện căn không thể có được, tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không thể có được. Trong đây, khi Bồ tát ma ha tát tập hành Bát nhã ba la mật, nên suy nghĩ như vậy: Thân chư Phật và đệ tử quá khứ đã diệt, các thiện căn cũng diệt, ta nay thủ tướng phân biệt chư Phật, các thiện căn và các tâm, thủ tướng như vậy mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chư Phật không hứa cho, vì sao? Vì thủ tướng là có sở đắc, nghĩa là đối với chư Phật quá khứ có thủ tướng phân biệt, thế nên Bồ tát ma ha tát, muốn lấy các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không nên có sở đắc, không nên thủ tướng.. Như vậy hồi hướng, nếu có đắc, và thủ tướng hồi hướng, thời chư Phật không cho đó là có lợi ích lớn, vì sao? Vì hồi hướng ấy tạp độc; thí như đồ ăn ngon có tạp độc, tuy có sắc đẹp, hương thơm, được người tham ưa mà tạp độc, kẻ ngu si vào vui mừng, tham sắc đẹp

--o0o --

## Cuốn 62

### GIẢI THÍCH: PHẨM CHIẾU MINH THỨ 40.

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đại Sư thứ 38)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn: Ấy là Bát nhã ba la mật!

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật có thể chiếu rõ hết thảy pháp, vì rốt ráo thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn, nên lễ Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, không dính mắc ba cõi.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật trừ các tối tăm, vì hết thảy phiền não vọng kiến đã trừ.

Bạch đức Thế tôn, Bát nhã ba la mật, là tối thượng trong hết thảy pháp trợ đạo.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật an ổn, vì dứt được hết thảy khổ não sợ hãi.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, hay cho ánh sáng, vì có năm mắt trang nghiêm.

Bạch đức Thế Tôn. Bát nhã ba la mật, hay chỉ đạo các chúng sanh tà kiến xa lìa nhị biên.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, là trí nhất thiết chủng, vì hết thảy phiền não và tập khí dứt.

Bạch đức Thế tôn, Bát nhã ba la mật là mẹ các Bồ tát ma ha tát, vì hay sanh ra các Phật pháp.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật chẳng sanh chẳng diệt, vì tướng nó không.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật lìa xa sanh tử, vì chẳng phải thường chẳng phải diệt.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật làm thủ hộ kẻ không được cứu hộ, vì bố thí tất cả trân bảo.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, đầy đủ lực, vì không có gì có thể phá hoại.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật hay chuyển xoay bánh xe pháp ba lần chuyển mười hai hành tướng, vì hết thầy các pháp không chuyển không trở lại.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật, hay chỉ bày các pháp tánh, vì vô pháp hữu pháp không.

Bạch đức thế tôn, nên làm sao cúng dường Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Nên cúng dường Bát nhã ba la mật như cúng dường Thế Tôn, nên lễ Bát nhã ba la mật như lễ Thế Tôn, vì sao? Vì Thế Tôn không khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật không khác Thế Tôn; Thế Tôn tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là Thế Tôn. Trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sanh chư Phật, Bồ tát, Bích chi Phật, A la hán, A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn. Từ trong Bát nhã ba la mật xuất sanh mười thiện đạo, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần. Từ trong Bát nhã ba la mật ấy sanh ra Phật mười lực, mười tám pháp không chung, đại từ, đại bi, nhất trí thiết chủng.

Bấy giờ, Thích đề hoàn nhân tâm suy nghĩ rằng: Vì nhân duyên gì Xá lợi phất hỏi việc ấy? Suy nghĩ xong, nói với Xá lợi phất: Vì nhân duyên gì nên hỏi việc ấy?

Xá lợi phất nói với Thích đề hoàn nhân: Kiền thi ca, Bồ tát ma ha tát được Bát nhã ba la mật thủ hộ, có sức phương tiện thiện xảo, nên đối với thiện căn tạo tác được ở khoảng trung gian từ khi mới phát tâm cho đến khi trụ pháp vị của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả hòa hợp lại mà tùy hỷ hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì nhân duyên ấy, nên tôi hỏi việc ấy.

Này Kiền thi ca, Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát hơn Thí ba la mật, Giới, Nhận, Tấn, Thiền ba la mật, ví như người mù bẩm sanh, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc trăm ngàn người mà không có ai dẫn trước thì không thể theo đường đi vào thành. Kiền thi ca, năm Ba la mật cũng như vậy, là Bát nhã ba la mật thời như người mù bẩm sanh không kẻ dắt thì không thể đi đường, không thể được trí nhất thiết chủng.

Này Kiền thi ca, nếu năm Ba la mật được Bát nhã ba la mật dẫn đạo, thời bấy giờ năm Ba la mật gọi là có mắt, có Bát nhã ba la mật dẫn đạo, được gọi là Ba la mật.

Thích đề hoàn nhân nói với Xá lợi phát: Như lời Ngài nói, có Bát nhã ba la mật dẫn đạo năm Ba la mật nên được gọi là Ba la mật. Xá lợi phát, nếu không có Thí ba la mật, thời năm ba la mật cũng không được gọi là Ba la mật, nếu không có Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, thời năm ba la mật cũng không được gọi là Ba la mật. nếu như vậy, cố sao chỉ tán thán Bát nhã ba la mật?

Xá lợi phát đáp: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca, không có Thí ba la mật thời năm Ba la mật không được gọi là Ba la mật; không có giới Ba la mật, Nhẫn, Tấn, Thiền ba la mật thời năm Ba la mật không được gọi là Ba la mật. Nhưng Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật thời có thể đầy đủ Thí ba la mật, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền ba la mật. Vì vậy nên, Kiền thi ca! Bát nhã ba la mật là tối thượng, đệ nhất, tối diệu, vô đẳng, vô đẳng đẳng đối với năm ba la mật.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, làm sao sanh Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Xá lợi phát; Vì sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh; vì Thí ba la mật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh, cho đến vì Thiền ba la mật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh; vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh. Như vậy vì các pháp chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh.

Xá lợi phát thưa: Bạch Thế Tôn! Tại sao vì sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh? Cho đến vì các pháp chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh?

Phật dạy: Vì sắc không khởi không sanh, không được không mất, cho đến vì hết thủy pháp không khởi không sanh, không được không mất nên Bát nhã ba la mật phát sanh.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Sanh Bát nhã ba la mật như vậy, hợp với những pháp gì?

Phật dạy: Không hợp với gì cả, vì vậy nên được gọi là Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn, không hợp những pháp gì?

Phật dạy: Không hợp với pháp bất thiện, không hợp với pháp thiện, không hợp với pháp thế gian, không hợp với pháp xuất thế gian, không hợp với pháp hữu

lậu, không hợp với pháp vô lậu, không hợp với pháp có tội, không hợp với pháp không tội, không hợp với pháp hữu vi, không hợp với pháp vô vi, vì có sao? Vì Bát nhã ba la mật không vì được các pháp nên sanh, vì thế nên đối với các pháp không hợp.

Bấy giờ, Thích đề hoàn nhân bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy, cũng không hợp Tát bà nhã.

Phật dạy: Như vậy, Kiều thi ca! Bát nhã ba la mật cũng không hợp Tát bà nhã, cũng không được.

Thích đề hoàn nhân thưa: Bạch đức Thế Tôn, tại sao Bát nhã ba la mật cũng không hợp Tát bà nhã, cũng không được?

Phật dạy: Bát nhã ba la mật không như danh tự, không như tướng, không như pháp khởi tác hợp.

Thích đề hoàn nhân thưa: Nay hợp thể nào?

Phật dạy: Nếu Bồ tát ma ha tát như không thủ, không thọ, không trú, không trước, không dứt, hợp như vậy, cũng không chỗ hợp. Như vậy, Kiều thi ca! Bát nhã ba la mật tùy hợp với hết thảy pháp, cũng không chỗ hợp.

Bấy giờ, Thích đề hoàn nhân bạch Phật: Chưa từng có vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy vì hết thảy pháp chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất nên phát sanh.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, nghĩ rằng: "Bát nhã ba la mật hoặc hợp với hết thảy pháp, hoặc không hợp" thì Bồ tát ấy đã bỏ Bát nhã ba la mật, xa lìa Bát nhã ba la mật.

Phật bảo Tu bồ đề: Lại có nhân duyên Bồ tát ma ha tát bỏ Bát nhã ba la mật, xa lìa Bát nhã ba la mật, nếu Bồ tát ma ha tát nghĩ rằng: "Bát nhã ba la mật ấy không có gì của chính nó, không hư, không kiên cố". Thờ Bồ tát ma ha tát ấy bỏ Bát nhã ba la mật, xa lìa Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề, vì nhân duyên ấy, nên lìa bỏ Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tin Bát nhã ba la mật là không tin pháp gì?

Phật bảo Tu bồ đề! Tin Bát nhã ba la mật thời không tin sắc, không tin thọ, tưởng, hành, thức; không tin mắt cho đến ý; không tin sắc cho đến pháp; không tin nhãn giới cho đến ý thức giới; không tin Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật; không tin nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; không tin bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, không tin Phật mười lực, cho đến mười tám pháp không chung; không tin Tu đà hoàn quả, Tư đà hàm quả, A na hàm quả, A la hán quả, Bích chi Phật đạo; không tin Bồ tát đạo, không tin Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cho đến trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, tại sao khi tin Bát nhã ba la mật, thời không tin sắc cho đến trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu bồ đề! Vì sắc không thể có được nên tin Bát nhã ba la mật, thời không tin sắc; cho đến vì trí nhất thiết chủng không thể có được nên tin Bát nhã ba la mật, không tin trí nhất thiết chủng. Vì thế cho nên Tu bồ đề khi tin Bát nhã ba la mật, thời không tin sắc cho đến không tin trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Ở trên Phật cùng với Di lặc, Tu bồ đề, Thích đề hoàn nhân, chung nói ý nghĩ tùy hỷ. Xá lợi phát tuy im lặng, lắng nghe nghĩa Bát nhã ba la mật tùy hỷ ấy thâm thâm, vô lượng, vô biên, lợi ích lớn cho chúng sanh; tuy hết lậu hoặc được tịch diệt, mà phát tâm hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay, bạch Phật rằng: "Làm được sự tùy hỷ, dứt các hý luận, lợi ích vô lượng chúng sanh, khiến vào Phật đạo, ấy là Bát nhã ba la mật". Phật ấn khả lời ấy, nên nói "Phải"! Trong Bát nhã ba la mật nói thật tướng các pháp, trong thật tướng các pháp không có cấu trược hý luận, nên gọi là rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo thanh tịnh nên có thể chiếu khắp hết thảy năm pháp tạng là quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết.

Thế nên Xá lợi phát thưa: Bạch Thế Tôn, Bát nhã ba la mật có thể chiếu khắp hết thảy pháp, vì rốt ráo thanh tịnh. Bát nhã ba la mật hay thủ hộ Bồ tát, cứu các khổ não, làm mãn sở nguyện. Như vua trời Phạm Thiên thủ hộ ba ngàn đại thiên thế giới, cho nên chúng sanh đều kính lễ.

Bùn ba độc trong ba cõi không làm ô nhiễm, nên nói là không dính mắc ba cõi.

Phá hết thảy 108 phiền não ái nhiễm v.v... 62 kiến chấp là ngã kiến v.v... nên nói là phá vô minh tối tăm.

Trong các pháp, trí tuệ hơn cả; trong trí tuệ, Bát nhã ba la mật hơn cả, lấy trí tuệ làm gốc, phân biệt 37 phẩm như bốn niệm xứ v.v... nên nói trí tuệ là tối thượng trong tất cả pháp trợ đạo.

Dứt được các khổ não sợ hãi sanh, già, bệnh, chết, nên nói là an ổn.

Trong Bát nhã ba la mật ấy thu nhiếp năm mắt, nên nói là hay cho ánh sáng.

Xa lìa nhị biên, hữu biên, vô biên v.v... nên nói hay chỉ bày chánh đạo.

Bồ tát trụ ở Kim Cang tam muội dứt hết thầy tập khí phiền não vi tế, khiến không còn sót lại, được vô ngại giải thoát, nên nói là trí nhất thiết chủng.

\* Lại nữa, biết tướng chung, tướng riêng của hết thầy pháp, biết nhân duyên của trí nhất thiết chủng, nên nói là trí nhất thiết chủng.

Hay sanh mười phương ba đời vô lượng Phật pháp, nên nói là mẹ các Bồ tát.

Trong tất cả pháp vì mỗi mỗi tự tướng không, nên nói là bất sanh bất diệt.

Đoạn và thường là gốc các kiến chấp, các kiến chấp là gốc các kiết sử, các kiết sử là gốc khổ trong hết thầy sanh tử; thế nên nói là xa lìa sanh tử.

Hay làm cho chúng sanh tin các thiện pháp bảo của Tam bảo, được các thiện pháp bảo nên được cái vui thế gian, xuất thế gian. Vì hay làm cho chúng sanh được hai thứ vui nên nói là người cứu hộ cho người không ai cứu hộ.

Tướng Bát nhã ba la mật ấy cho đến mười phương chư Phật, không thể phá hoại, vì có sao? Vì rất ráo không thể có được, huống gì người khác làm sao phá hoại. Cho nên nói là đầy đủ Ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật ấy, vì không có tự tánh, nên nói các pháp không chuyển vận trong sanh tử, không trở lại vào Niết bàn. Chẳng sanh nên chẳng chuyển vận, chẳng diệt nên chẳng trở lại. Cho nên nói hay chuyển vận pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng. Nghĩa pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng như trên đã nói.

Tất cả pháp có hai phần là hoặc có hoặc không có. Trong Bát nhã ba la mật ấy, có cũng không nên thủ, không có cũng không nên thủ, lìa có và không có ấy tức là thực tánh các pháp, cho nên nói là hay chỉ bày các pháp tánh.

Do vô lượng nhân duyên như vậy, tán thán Bát nhã sau sẽ nói rộng.

Tướng Bát nhã ba la mật ấy là vô tướng, có người tâm chưa thuần thực, cố tìm định tướng của Bát nhã, không thể được, bèn sanh tâm kiêu mạn. Thế nên Xá lợi phất hỏi: Nên làm sao cúng dường? Phật dạy: Nên cúng dường Bát nhã như



cúng dường Phật. Vì người ta từ xa xưa lại đây đổ ù vào tướng chúng sanh, đối với pháp tôn quý, tình mỏng nên nói như cúng dường Phật.

Người trí xem Phật với Bát nhã không khác nhau, vì sao? Vì Bát nhã được tu tập liền biến thành nhất thiết trí. Trong đây Phật tự nói nhân duyên. Trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sanh hiền thánh, xuất sanh mười thiện đạo v.v... và pháp thế gian xuất thế gian cho đến trí nhất thiết chủng.

Bấy giờ Đế thích khởi niệm ấy là ý rằng: Vì Xá lợi phất là người lậu tận lìa dục, mà như tuồng người chấp trước pháp tán thán Bát nhã. Nay Xá lợi phất tự nói nhân duyên: Bồ tát vì được Bát nhã thủ hộ, dùng sức phương tiện, hay tùy hỷ phước đức hồi hướng mà không phá hoại tướng Bát nhã ba la mật. Việc ấy quá hy hữu, nên tôn kính Bát nhã ba la mật và hỏi Phật làm sao cúng dường?

\* Lại nữa, Kiền thi ca! Bát nhã ba la mật tự có thể lực nên hơn năm Ba la mật kia.

Hỏi: năm Ba la mật kia nên dùng năm người mù ví dụ là đủ, có sao nói đến trăm ngàn người?

Đáp: Trong đây cốt nói thế lực Bát nhã, không luận nhiều ít.

\* Lại nữa, nếu nói dẫn đạo năm người thì không đủ quý, nên nói dẫn đạo trăm ngàn người.

\* Lại nữa, Ba la mật như trong hiền kiếp tam muội có 84.000 ba la mật; nói rộng thì vô lượng.

Hỏi: Thí Ba la mật cũng có mắt, vì sao? Vì tin có tội phước phá vô minh tà kiến, cho nên bố thí, có sao ví dụ người không có mắt?

Đáp: Ở trong bố thí, trí tuệ là khách từ ngoài đến, không phải chủ thể chính, ví như bốn đại thường hòa hợp, không được rời nhau, các ba la mật hòa hợp với nhau cũng như vậy.

Không thể theo đường đi đến thành, con đường là con đường mười địa Bồ tát, thành là trí nhất chủng và các Phật pháp.

\* Lại nữa, con đường là tám Thánh đạo phần, thành là Niết bàn. Như người mù tuy có đủ sức lực tay chân, mà không thể tùy ý đi đến, được người có mắt sáng dẫn dắt mới tùy ý đi đến, thành tựu mọi việc. Năm ba la mật tuy mỗi mỗi có thể làm nên việc, nếu không được Bát nhã chỉ đạo, thời còn không được hai thừa,

huống gì đạo vô thượng. Năm Ba la mật được Bát nhã ba la mật dẫn đạo, nên được gọi là Ba la mật, cho đến thành Phật đạo.

Đề thích hỏi: Ông tự nói các ba la mật hòa hợp, giúp đỡ cho nhau như bốn đại không được rời nhau, như vậy thì Bát nhã ba la mật cũng phải chờ năm pháp kia, có sao đây chỉ nói nhờ Bát nhã nên năm pháp kia được gọi là ba la mật?

Đáp: tuy sáu pháp hòa hợp giúp đỡ cho nhau, mà lực Bát nhã ba la mật lớn, nên năm pháp kia nhân đó được gọi là ba la mật; ví như hợp các thứ thuốc đã tán thành bột, tuy các thứ thuốc đều có lực dụng, nhưng thể của đá lớn hơn nên gọi là thạch tán. lại như đại quân đánh giặc, tuy mỗi người đều có sức, mà sức chủ tướng lớn hơn; nên chủ được gọi là tướng.

Xá lợi phát đã hỏi việc cúng dường Bát nhã, nay hỏi hành giả làm sao phát sanh Bát nhã ba la mật?

Phật đáp: Nếu hành giả quán thấy tướng các pháp sắc v.v... chẳng sanh, ấy thời phát sanh Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phát lại hỏi: Làm sao quán thấy sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phát sanh?

Đáp: Sắc do nhân duyên hòa hợp sanh khởi, hành giả biết sắc hư vọng không để khởi lên, vì không khởi nên không sanh, không sanh nên không được, không được nên không mất.

Bấy giờ, Xá lợi phát ý hỏi: Bát nhã không có chỗ làm duyên phát sanh, hành giả cũng không có sanh, như vậy Bát nhã hợp với pháp gì? Cuối cùng về trụ chỗ nào? Được quả báo gì?

Đáp: Tướng Bát nhã ba la mật vô sanh, cho nên không có hợp. Nếu Bát nhã ba la mật có pháp hợp, hoặc thiện, hoặc bất thiện v.v... thời không gọi là Bát nhã ba la mật. Không hợp vào đâu, nên vào trong Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Nếu như vậy, Đề thích đã biết tất cả pháp không hợp, có sao chỉ hỏi về Tát bà nhã không hợp?

Đáp: Đề thích quý trọng, đắm sâu Bát nhã ấy, còn đối với Tát bà nhã thì chưa dứt ái, nên nói cho đến Tát bà nhã cũng không hợp ư?

Phật đáp: Bát nhã ba la mật với Tát bà nhã cũng không hợp, vì tất cả pháp rốt ráo không sanh. Trong đây Phật phá tà kiến chấp đoạn diệt, nên nói hợp; Bát

nhã ba la mật không như người phàm phu chấp tướng chấp danh, hợp với pháp hữu vi tác khởi như tâm hợp tâm Phật.

Hỏi: Thế nào như hợp Phật tâm?

Đáp: Biết tất cả tướng hư dối, nên không chấp tướng; biết trong tất cả pháp có tội lỗi vô thường nên không thọ; tâm chấp tôi ta trói buộc thế gian đều là tướng động, nên không trụ; hay sanh các thứ khổ não, sau biến đổi, nên không đắm trước; tất cả thế gian điên đảo, quả báo điên đảo không thật, như nhuyễn, như mộng, không diệt đi đâu, nên không đoạn. Thế nên Phật không chấp trước pháp, không sanh tâm cống cao, vào trong tướng lành tốt ráo không, thâm nhập tâm đại bi, để cứu chúng sanh, Bồ tát nên hợp như tâm Phật.

Đề thích hoan hỷ tán thán rằng: Hy hữu! Bát nhã ba la mật ấy không phá hoại các pháp, chẳng sanh, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất, mà có thể thành tựu Bồ tát, khiến được đi đến thành Phật.

Tu bồ đề thừa: Nếu bồ tát dùng tâm có sở đắc như vậy mà phân biệt nhất thiết trí v.v... tất cả pháp hoặc hợp hoặc không hợp, thì Bồ tát ấy Bát nhã ba la mật.

Phật ẩn khả lời nói ấy! Như vậy lại có nhân duyên, Bồ tát nếu thủ lấy lời ông nói, tất cả pháp không có hợp, chẳng hợp, thủ lấy tướng không ấy, nói rằng Bát nhã không, không có gì của chính nó, không kiên cố, ấy thời cũng mất Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề biết tướng Bát nhã ba la mật là không thể có được, cho nên hỏi nếu tin Bát nhã ba la mật, là tin pháp gì? Bát nhã ba la mật không cũng không thể có được, thì tâm quyết định tin nơi pháp gì?

Phật dạy: Tất cả pháp sắc v.v... không thể tin, vì sao? Vì tất cả pháp sắc v.v... tự tánh không thể có được, cho nên không thể tin.

KINH: Tu bồ đề thừa Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật gọi là đại Ba la mật!

Tu bồ đề thừa: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật đối với sắc không tác ý lớn, không tác ý nhỏ, đối với thọ, tưởng, hành, thức không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức giới cho đến ý thức giới không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với Thí ba la mật cho đến Thiên ba la mật không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với bốn niệm xứ cho đến Vô

thượng Chánh đẳng Bồ đề, không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với các Phật pháp không tác ý lớn không tác ý nhỏ; đối với Phật không tác ý lớn không tác ý nhỏ.

Bát nhã ba la mật ấy, đối với sắc không tác ý hợp, không tác ý tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức không tác ý hợp, không tác ý tán; cho đến đối với chư Phật không tác ý hợp, không tác ý tán. Đối với sắc không tác ý vô lượng, không tác ý chẳng phải vô lượng. Đối với sắc không tác ý rộng, không tác ý hẹp, không tác ý sắc có lực, không tác ý sắc không có lực, cho đến đối với chư Phật không tác ý có lực, không tác ý không có lực.

Bạch đức Thế Tôn! do nhân duyên ấy, nên Bát nhã ba la mật được gọi là đại Ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tân học, nếu không xa lìa Bát nhã ba la mật, không xa lìa Thiền ba la mật, không xa lìa Tấn ba la mật, không xa lìa Nhẫn ba la mật, không xa lìa Giới ba la mật, không xa lìa Thí ba la mật, nhưng suy nghĩ như vậy: Bát nhã ba la mật ấy không tác ý sắc lớn, không tác ý sắc nhỏ; cho đến đối với chư Phật không tác ý lớn, không tác ý nhỏ; đối với sắc không tác ý hợp, không tác ý tán, không tác ý sắc vô lượng, không tác ý chẳng phải sắc vô lượng, không tác ý sắc có lực, không tác ý sắc không có lực, cho đến đối với chư Phật không tác ý có lực, không tác ý không có lực. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát ấy nếu nghĩ như vậy là không thật hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì đó chẳng phải tướng Ba la mật, nghĩa là tác ý sắc lớn nhỏ, cho đến đối với chư Phật tác ý lớn nhỏ, sắc có lực, không có lực, cho đến chư Phật có lực không có lực.

Bạch đức Thế Tôn! Vì Bồ tát ma ha tát ấy dùng trí có sở đắc nên có lỗi lớn, tức là khi thật hành Bát nhã ba la mật, mà tác ý sắc lớn, tác ý sắc nhỏ cho đến đối với chư Phật tác ý có lực, tác ý không có lực, vì sao? Vì có tướng sở đắc, thời không có Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì cớ sao? Vì chúng sanh chẳng sanh, nên Bát nhã ba la mật cũng chẳng sanh; cho đến vì Phật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật chẳng sanh.

Vì chúng sanh tánh không có, nên Bát nhã ba la mật tánh không có, vì sắc tánh không có, nên Bát nhã ba la mật tánh không có; cho đến Phật tánh không có, nên Bát nhã ba la mật không có.

Vì chúng sanh chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp; vì sắc chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật; cho đến vì Phật chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp.

Vì chúng sanh không nên Bát nhã ba la mật không; vì sắc không nên Bát nhã ba la mật không; cho đến vì Phật không nên Bát nhã ba la mật không.

Vì chúng sanh lìa tướng nên Bát nhã ba la mật xa lìa, vì sắc lìa tướng nên Bát nhã ba la mật lìa tướng; cho đến vì Phật lìa tướng nên Bát nhã ba la mật lìa tướng.

Vì chúng sanh không có nên Bát nhã ba la mật không có; vì sắc không có nên Bát nhã ba la mật không có; cho đến vì Phật không có nên Bát nhã ba la mật không có.

Vì chúng sanh không thể nghĩ bàn nên Bát nhã ba la mật không thể nghĩ bàn; vì sắc không thể nghĩ bàn nên Bát nhã ba la mật không thể nghĩ bàn; cho đến vì Phật không thể nghĩ bàn nên Bát nhã ba la mật không thể nghĩ bàn.

Vì chúng sanh không diệt nên Bát nhã ba la mật không diệt; vì sắc không diệt nên Bát nhã ba la mật không diệt; cho đến vì Phật không diệt, nên Bát nhã ba la mật không diệt.

Vì chúng sanh không thể biết nên Bát nhã ba la mật không thể biết; vì sắc không thể biết nên Bát nhã ba la mật không thể biết; cho đến vì Phật không thể biết nên Bát nhã ba la mật không thể biết.

Vì chúng sanh lực không thành tựu nên Bát nhã ba la mật lực không thành tựu; vì sắc lực không thành tựu, nên Bát nhã ba la mật lực không thành tựu; cho đến vì Phật lực không thành tựu nên Bát nhã ba la mật lực không thành tựu.

Bạch đức Thế Tôn, do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật của các Bồ tát được gọi là đại Ba la mật.

LUẬN: Tu bồ đề nghe lời Phật dạy, cõi mở tâm nghi, tán thán Bát nhã ba la mật rằng: "Bát nhã ấy gọi là đại Ba la mật".

Phật trở lại hỏi Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Có sao gọi là đại Ba la mật?

Tu bồ đề đáp: Vì đối với các pháp sắc v.v... không tác ý lớn, không tác ý nhỏ. Tâm phạm phu đối với các pháp tùy ý tác lớn nhỏ, như người gập khi cấp bách thời tâm họ rút nhỏ lại, khi an ổn giàu vui thì tâm họ mở rộng lớn.

Lại như trong tám pháp bội xả, vì hoặc theo tâm mà ngoại sắc biến thành hoặc lớn nhỏ.

Lại như người phàm phu, đối với sắc mắt, thấy chẳng phải sắc cũng bảo là sắc, như nghiệp, lượng, số, pháp một, khác v.v... hợp làm sắc, ấy gọi là đối với sắc tác ý lớn. Có

người mắt thấy sắc, chỗ thấy được gọi là sắc, chỗ không thấy được, không gọi là sắc.

Có người nói: Sắc thô, hư dối chẳng phải thật sắc, chỉ các vi trần thường có mới gọi là sắc thật, vi trần khi hòa hợp lại giả danh là sắc, ấy gọi là đối với sắc tác ý nhỏ.

Có các nhân duyên như vậy, phàm phu đối với sắc hoặc tác ý lớn, hoặc tác ý nhỏ, theo ức tướng phân biệt, cho nên phá hoại pháp tánh. Còn Bát nhã ba la mật thì tùy theo sắc tánh mà quán đúng thật, không tác ý lớn, nhỏ, chẳng hợp, chẳng tán, trong Bát nhã ba la mật không nói sắc vi trần hòa hợp lại liền có sắc danh, mà chỉ có giả danh, không có sắc có định tướng, thế nên không hợp không tán.

Sắc vô biên nên vô lượng; không chỗ nào không có sắc, không lúc nào không có sắc, cho nên không có lượng.

Sắc là pháp có tạo tác, trong Bát nhã ba la mật không cho vì vi trần hợp lại nên có sắc thô, không vì sắc thô tán ra nên trở vi trần. Thế nên nói không hợp không tán.

Pháp sinh khởi thì có phân biệt trừ lượng nhiều ít, không được nói là chẳng hợp chẳng tán vô lượng, như đối với người phàm vì "không" nên nói vô lượng, vì thật nên nói có lượng. Bát nhã ba la mật xa lìa "không" "thật", nên nói chẳng phải lượng chẳng phải vô lượng.

Người phàm phu theo tâm ức niệm mà được hiểu, cho nên đối với sắc tác ý rộng tác ý hẹp, còn Bát nhã ba la mật quán tướng thật pháp không theo tâm nên chẳng phải rộng chẳng phải hẹp.

Người phàm phu không biết do nhân duyên hòa hợp sanh các pháp, cho nên nói sắc có lực, như hợp các sợi làm dây, người không biết bảo dây có lực. Lại như tường đổ giết người, nói tường có lực. Nếu mỗi mỗi phân tán thì không có lực.

Bát nhã ba la mật biết tướng hòa hợp nên không nói một pháp có lực, không nói không có lực, vì thế nên gọi là đại Ba la mật.

Lại có nhân duyên lớn nếu Bồ tát không xa lìa sáu Ba la mật, thời đối với các pháp sắc v.v... không tác ý lớn, không tác ý nhỏ, chỉ hành Bát nhã ba la mật, thời tâm tán loạn không điều hòa nhu thuận, thường sanh nghi hối tà kiến, mất tướng Bát nhã ba la mật. Nếu Bát nhã cùng với năm Ba la mật hòa hợp thực hành thời điều hòa nhu thuận không sai lầm, thành tựu được mọi việc, thí như tám Thánh đạo phần, chánh kiến là đạo, nhưng nếu không có bảy việc kia trợ giúp thời không thành sự, cũng không gọi là chánh kiến. Vì thế nên Phật nói tất cả các thiện pháp, đều do nhân duyên hòa hợp cộng sanh, không có một pháp nào độc một mình tự sanh ra. Thế nên khi hòa hợp thì mỗi mỗi đều có lực, chỉ lực có lớn nhỏ, ấy gọi thật hành Bát nhã ba la mật, phân biệt các pháp sắc v.v... hoặc lớn hoặc nhỏ, người ấy liền rơi vào chỗ dùng có sở đắc, rơi vào hữu biên; nếu với các pháp sắc v.v... không phân biệt hoặc lớn hoặc nhỏ, lìa năm Ba la mật thì đắm vào tướng "không" chẳng lớn chẳng nhỏ v.v... ấy! Trước phân biệt các pháp lớn nhỏ, có sở đắc, là sai; nay đắm vào tướng "không" chẳng lớn chẳng nhỏ, cũng là sai, vì có sao? Vì trong đây Tu bồ đề nói nhân duyên: Có tướng sở đắc là cho đến nói không có Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tướng tịch diệt, tướng không sở đắc, tướng rốt ráo thanh tịnh. Tướng có sở đắc là sanh các hý luận cạnh tranh.

Tất cả pháp không sanh không diệt, không có tướng sở đắc, như ngã, chúng sanh, tìm khắp mười phương cũng không thể có được, chỉ có giả danh, thật chẳng sanh. Vì chúng sanh chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật cũng như tướng chúng sanh, phá tâm điên đảo chấp tôi ta, nên chẳng sanh chẳng diệt. Như các pháp sắc v.v... tìm tướng sanh không thể có được, nên chẳng sanh.

hai pháp thu nhiếp hết thấy pháp là chúng sanh và pháp. hai pháp ấy do nhân duyên hòa hợp sanh nên chỉ có giả danh, không có định tánh. Nếu pháp không có định tánh, pháp ấy tức là vô sanh. Vì hai pháp ấy vô sanh, cho nên biết các pháp sắc v.v... cũng vô sanh.

Chúng sanh pháp không có tự tánh, không có gì của chính nó, "không" lìa tướng, không thể nghĩ bàn, không diệt, không thể biết, cũng như vậy.

*Vì lực chúng sanh không thành tựu nên lực Bát nhã ba la mật không thành tựu là, trước nói tất cả pháp tự nhân duyên hòa hợp sanh, mỗi mỗi không có tự lực.*

Bát nhã ba la mật biết các pháp mỗi mỗi không có tự lực, nên không có tự tánh; không có tự tánh nên không.

Bát nhã ba la mật từ các pháp sanh, nên không có tự lực, vì không có tự lực, nên cũng đồng các pháp rốt ráo không. Thế nên nói chúng sanh và pháp, lực không thành tựu nên Bát nhã ba la mật lực cũng không thành tựu.

Hỏi: Trước nói đối với các pháp sắc v.v... không tác ý có lực, không tác ý vô lực, có sao nay lại nói chúng sanh và các pháp sắc v.v... lực không thành tựu nên Bát nhã ba la mật lực cũng không thành tựu?

Đáp: Ở trên nói Bát nhã quán các pháp không tác ý có lực, không tác ý vô lực, người nghe cho rằng Bát nhã ba la mật hay khởi lên sự quán sát ấy, tức là có lực, cho nên trong đây nói lực chúng sanh và sắc v.v... không thành tựu nên lực Bát nhã ba la mật cũng không thành tựu.

Có các nhân duyên như vậy, nên gọi là đại Ba la mật.

GIẢI THÍCH: PHẨM TÍN HỦY THỨ 41.

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phần 2, Phẩm Địa ngục thứ 39).

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, có Bồ tát ma ha tát tin hiểu Bát nhã ba la mật, vị ấy ở chỗ nào mạng chung sanh đến trong đây? thời gian phát tâm Vô thượng Chánh Bồ đề đến nay bao lâu? Cúng dường bao nhiêu Phật? Tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật đến nay thời gian bao nhiêu? Mà nay có thể tùy thuận hiểu nghĩa Bát nhã ba la mật thâm sâu?

Phật bảo Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát ấy đã cúng dường mười phương chư Phật, nay sanh đến đây; Bồ tát ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đến nay đã vô lượng vô biên vô số kiếp; Bồ tát ma ha tát ấy từ khi mới phát tâm, thường tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; cúng dường vô lượng vô biên, bất khả tư nghì vô số chư Phật nay sanh đến đây.

Xá lợi phát, Bồ tát ma ha tát hoặc thấy hoặc nghe Bát nhã ba la mật nghĩ rằng ta thấy Phật theo Phật nghe:

Xá lợi phát, Bồ tát ma ha tát ấy thường tùy thuận hiểu nghĩa Bát nhã ba la mật thâm sâu, vì vô tướng, vô nhị, không sở đắc.



Phật bảo Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật không có ai nghe, không có ai thấy. Bát nhã ba la mật không nghe không thấy, vì các pháp ám độn. Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! Nội không, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! cho đến vô pháp hữu pháp không, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn. Bốn niệm xứ không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! cho đến tám Thánh đạo phần không nghe không thấy, vì các pháp ám độn! Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung, không nghe không thấy, vì các pháp ám độn.

Tu bồ đề, Phật đạo không nghe không thấy, vì các pháp ám độn.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ấy tu Phật đạo bao lâu là có thể tập hành Bát nhã ba la mật thậm thâm như vậy?

Phật bảo Tu bồ đề: Trong đây nên phân biệt. Nay, Tu bồ đề có Bồ tát ma ha tát mới phát tâm là tập hành được Bát nhã ba la mật thậm thâm, tập hành Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, do sức phương tiện, đối với các pháp không phá hoại gì, chẳng thấy các pháp không có lợi ích, cũng trọn không xa lìa sự tập hành sáu Ba la mật, cũng không xa lìa chư Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, nếu muốn dùng lực thiện căn cúng dường chư Phật, liền được theo ý, trọn không sanh vào trong bụng người mẹ, trọn không lìa các thân thông, trọn không sanh các phiền não và tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu bồ đề, các Bồ tát ma ha tát như vậy, có thể tập hành Bát nhã ba la mật thậm sâu.

Tu bồ đề, có Bồ tát ma ha tát, thường thấy chư Phật, hoặc vô lượng trăm ngàn vạn ức, ở tại chỗ chư Phật tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm trí tuệ, vì đều do có sở đắc, nên khi Bồ tát ấy nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm liền từ giữa chúng đứng dậy, bỏ đi, không cung kính Bát nhã ba la mật thậm thâm và chư Phật. Bồ tát ấy nay ngồi ở giữa chúng này, nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy không vui, bèn bỏ đi, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, đời trước, khi nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm đã bỏ đi, nên đời nay nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm cũng bỏ đi, thân tâm không hòa. Người ấy gieo nghiệp nhân duyên ngu si; gieo nghiệp nhân duyên ngu si ấy, nên nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm thì chê bai; vì chê bai Bát nhã ba la mật nên chê bai chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, chê bai nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí. Người ấy chê bai

nhất thiết trí của ba đời chư Phật, nên tạo nghiệp phá pháp; vì nhân duyên của nghiệp phá pháp tập hợp, nên phải đọa vào trong đại địa ngục trải vô lượng trăm ngàn vạn ức năm. Nghiệp của người phá pháp ấy, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, nếu khi kiếp lửa nổi lên thời lại sanh đến trong đại địa ngục ở phương khác. Tại đây từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, nếu khi kiếp lửa nổi lên, lại sanh đến trong đại địa ngục ở phương khác nữa. Tại đây từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, như vậy trải khắp mười phương, tại đây nếu khi kiếp lửa nổi lên chết ở đó, nếu nhân duyên của tội nghiệp phá pháp chưa hết thời trở lại trong đại địa ngục ở đây. Tại đây cũng từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục, chịu vô lượng khổ. Tại đây, kiếp lửa nổi lên, lại phải sanh đến trong mười phương thế giới khác. Chịu khổ vì tội nghiệp phá pháp ở trong súc sanh cũng như ở trong địa ngục. Khi trọng tội mỏng dần, hoặc được sanh làm người, phải sanh vào nhà người mù bẩm sanh, sanh vào nhà hạng chiêm đà la, sanh vào nhà hạ tiện làm nghề dọn cầu tiêu, khiêng thầy chết, hoặc không có mắt, hoặc một mắt, hoặc mắt mờ, không lưỡi, không tai, không tay, nơi xứ sở sanh ra không có Phật, không có pháp, không có đệ tử Phật, vì sao? Vì gieo nghiệp phá pháp, tích tập đầy đủ nặng dày, nên chịu quả báo ấy.

Bấy giờ Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, năm tội nghịch cùng với tội phá pháp giống nhau chăng?

Phật bảo Xá lợi phát: Không nên nói giống nhau, vì sao? Vì nếu có người nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, mà chê bai không tin, nói rằng: "Không nên học pháp ấy, đó là phi pháp, chẳng phải lành, chẳng phải Pháp giáo, chư Phật không nói lời ấy". Người ấy tự mình chê bai Bát nhã ba la mật, cũng dạy người khác chê bai Bát nhã ba la mật, tự hoại thân mình, cũng hoại thân người khác; tự uống thuốc độc giết mình, cũng cho người khác uống thuốc độc; tự làm mất thân mình, cũng làm mất thân người khác; tự không biết không tin, chê bai Bát nhã ba la mật, cũng dạy người khiến không biết không tin.

Xá lợi phát, người như vậy, ta không cho nghe danh tự Bát nhã, huống gì mắt thấy, vì sao? Vì nên biết người ấy là người làm như pháp, bị rơi vào suy vi, ô trược, tánh hắc ám. Người như vậy, nếu có ai nghe lời người ấy nói, tin dùng lời người ấy, cũng chịu khổ như vậy.

Xá lợi phát, nếu người phá Bát nhã ba la mật, nên biết người ấy là người phá pháp.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói người phá pháp chịu trọng tội, mà không nói người ấy thân thể lớn nhỏ?

Phật bảo Xá lợi phát: Không cần nói người ấy thọ thân lớn nhỏ, vì sao? Vì người phá pháp, nếu nghe nói thọ thân lớn nhỏ, thì liền thổ huyết nóng, khổ hoặc chết, hoặc gần chết, người phá pháp ấy, nghe nói thân như vậy, có trọng tội như vậy, người ấy bèn rất sầu ưu, như mũi tên găm vào tim, dần dần khô héo, nghĩ rằng: Vì tội phá pháp mà phải mang thân rất xấu, chịu khổ vô lượng như vậy. Vì vậy, nên Phật không cho Xá lợi phát hỏi người ấy thọ thân thể lớn nhỏ.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Mong Phật nói cho, để làm giới răn sáng suốt cho đời vị lai, khiến biết được vì chất chứa nghiệp phá pháp, nên phải bị mang thân rất xấu và chịu khổ như vậy.

Phật bảo Xá lợi phát: Người đời sau nếu nghe người chất chứa nghiệp phá pháp đầy đủ nặng dày ấy phải chịu vô lượng khổ rất lâu trong đại địa ngục, nghe thời gian chịu khổ vô lượng rất lâu ấy, là đủ làm giới răn sáng suốt cho đời vị lai.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thiện tánh, nghe pháp ấy đủ lấy làm nương dựa, thời thà mất mạng, chớ trọn không phá pháp. Tự nghĩ, nếu ta phá pháp thời sẽ chịu khổ như vậy.

LUẬN: Xá lợi phát nghe nói Bát nhã ba la mật vi diệu sâu xa, nghe được còn khó, huống chi thực hành! Vì thế nói: người tin hiểu Bát nhã thật là hy hữu. Cho nên thừa đức Thế Tôn, người tin hiểu được Bát nhã ấy ở chỗ nào mạng chung sanh đến đây? Xá lợi phát nghĩ rằng: Người ấy phải là người từ thế giới tốt đẹp mạng chung, mà sanh đến đây. Người ấy không phải là người mới phát tâm, không phải là người ít cúng dường Phật, không phải ít tu sáu Ba la mật, người ấy chắc chắn là người đại đức, chưa phải thánh mà có thể biết được thánh pháp. Vì thế nên hỏi, đã phát tâm bao lâu, cúng dường bao nhiêu Phật, tu sáu Ba la mật bao lâu, mà có thể tin hiểu nghĩa Bát nhã sâu thẳm. Vị Bồ tát ấy đối với các pháp không thủ tướng, không chấp trước không, tu không hạnh, hòa hợp năm Ba la mật, tu Bát nhã ba la mật, dùng tâm đại từ bi, vì hết thấy chúng sanh nên tu Bát nhã ba la mật. Từ trong thế giới thanh tịnh của mười phương chư Phật mạng chung, mà sanh đến đây, là vì độ chúng sanh hữu duyên, làm nhân duyên cho đức Phật Thích ca Mâu ni. Tuy có người chết sanh ở đây, song chỉ người từ chỗ Phật ở tha phương đến đây là quý. Vì từ khi phát tâm lại đây trải vô lượng vô số kiếp chứa nhóm phước đức sâu dày, nên có thể tin hiểu tùy thuận nghĩa lý thâm sâu.

Có người tuy phát tâm đã lâu từ vô lượng vô số kiếp, song không tu công đức, cho nên đây nói, từ khi phát tâm lại đây, thường tu sáu Ba la mật. Vì phước đức thường tu sáu Ba la mật nên có thể được thấy, được cúng dường vô lượng vô số Phật.

Vị Bồ tát ấy thành tựu bốn nhân duyên trên nên được vô lượng vô biên phước đức và trí tuệ. Do nhân duyên phước đức ấy, nên cá phiền não mỏng, tâm được nhu nhuyễn, các căn tín và tuệ được lanh lợi của Bồ tát, thêm đặc lực dần, nên thâm nhập Bát nhã ba la mật, chán ghét việc thế gian. Nếu thấy kinh quyền Bát nhã, thời liền sanh tâm như thấy Phật; hoặc mở kinh tìm nghĩa thời liền sanh tâm như từ Phật nghe. Do thành tựu tín lực tuệ lực, nên tùy thuận hiểu nghĩa Bát nhã thâm sâu; nghĩa là hết thấy pháp vô tướng, ra khỏi mười hai nhập, hai pháp, không hai pháp, tâm không chấp trước, gọi là không sở đắc.

Lược nói ba tướng là tùy thuận hiểu nghĩa Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ đề nghe nói: Thấy kinh quyền như thấy Phật, đọc kinh văn như nghe lời Phật, như tuồng có chấp trước,, cho nên hỏi: Bát nhã có thể thấy, có thể nghe ư? Ý Tu Bồ đề cho Bát nhã ba la mật rất ráo không, thời mắt trời, tai trời còn không thấy nghe được, huống gì mắt thịt, tai thịt; mắt tuệ xuất thế gian cũng không thấy được, huống gì mắt thế gian!

Phật thuận theo ý ấy mà đáp: Bát nhã ba la mật không thể thấy nghe được. Trong đây nói nhân duyên: Các pháp vào Bát nhã ba la mật đều một tướng, là vô tướng, trong đó không phân biệt người nghe người thấy, và có thể nghe, có thể thấy.

Người phạm phu trong ba cõi phân biệt ấy là mắt, là sắc, là tai, là tiếng, sáu căn là lợi, sáu trần là độn. Các pháp sắc v.v... là độn; tuệ v.v... là lợi. Các pháp vào trong Bát nhã ba la mật, như trăm sông đổ về biển, đều là một vị, thế nên nói Bát nhã ba la mật không thể thấy, không thể nghe; vì các pháp độn, nên từ Thí ba la mật cho đến Phật đạo, Tu đà hoàn cho đến Phật cũng như vậy.

\* Lại nữa, chúng sanh lìa pháp thời không nghe được, không thấy được; pháp lìa chúng sanh cũng không nghe được, không thấy được.

Hỏi: Trên kia đã hỏi Bồ tát phát tâm bao lâu, cúng dường bao nhiêu Phật, mà có thể tùy thuận hiểu nghĩa thâm sâu; có chi nay còn hỏi lại?

Đáp: Trên kia Phật nói Bát nhã không nghe không thấy, cũng nói thấy kinh quyền Bát nhã như thấy Phật, đọc Bát nhã như nghe Phật nói. Với hai tướng nói Bát

nhã, nên cũng nói có thể nghe, có thể thấy, cũng nói không thể nghe, không thể thấy. Thế nên trở lại hỏi Phật: Bồ tát tu hành bao lâu mà có được phương tiện có thể hành theo có, có thể hành theo không; hành theo có mà không đọa vào ba cõi, hành theo không mà không đọa vào đoạn diệt, có thể hành theo tướng Bát nhã ba la mật?

Phật đáp: Có, việc ấy không nhất định, nên phải phân biệt nói: Hoặc có Bồ tát mới phát tâm, liền tập hành được sáu Ba la mật thậm thâm.

Tập hành là nhất tâm tín thọ thường hành, nhờ sức phương tiện là (trí tuệ) tuy tập hành, sáu Ba la mật, làm nhân duyên sanh khởi phước đức, mà tâm không chấp trước.

Các pháp không thể phá hoại là tín lực, trí tuệ lực của Bồ tát rất lớn, nên nghe pháp Đại thừa thâm sâu, liền tin, nghe pháp Thanh văn cũng tin, nghe pháp tại gia xuất gia của ngoại đạo, cũng không phá hoại, mà từ trong đó phát xuất hai thứ lợi: 1. Là phân biệt thị đạo phi đạo, bỏ phi đạo, hành theo thị đạo. 2. Là hết thấy pháp vào trong Bát nhã ba la mật thì không thị, không phi, không phá bỏ, không lãnh thọ.

Không thấy các pháp không có lợi ích là tức trên kia từ trong đó phát xuất hai thứ lợi. Phước đức ấy đầy đủ nên trọn không xa lìa sáu Ba la mật, cho đến nghiêm tịnh cõi Phật.

Có Bồ tát tuy mới phát tâm mà tín thọ sâu xa Bát nhã ba la mật. Có Bồ tát phát tâm đã lâu, cúng dường ngàn vạn ức chư Phật, mà vì dùng tâm có sở đắc tu sáu Ba la mật, nên không tín thọ Bát nhã ba la mật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy ở đời quá khứ nghe Bát nhã ba la mật sâu thẳm, không tin không thọ, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, nên nay Phật nói cho, cũng không không tin không thọ; vì quả báo của tội phá Bát nhã ba la mật, nên nói người ấy vì nghiệp không tin không thọ, nên làm nhân duyên khởi lên nghiệp ngu si, vì nghiệp ngu si nên nghi hoài tà kiến, tâm chấp trước càng tăng thêm, tâm chấp trước càng tăng thêm nên ở giữa đại chúng chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật. Vì phá hoại Bát nhã ba la mật nên phá nhất thiết trí của mười phương Phật; vì tội phá nhất thiết trí của mười phương chư Phật, nên khi chuyển đời thân bị đọa đại địa ngục.

Đại địa ngục là địa ngục A tỳ (Vô gián) chịu ưu sầu khổ não trong vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số kiếp, ưu sầu là tâm khổ, khổ não là thân khổ.

Từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục là như do phước đức nên ở trên có trời Lục dục; do tội nghiệp nhân duyên cũng như vậy, dưới có tám đại địa ngục. Tám đại địa ngục, mỗi mỗi có mười sáu địa ngục nhỏ, trong đó ngục A tỳ lớn nhất. Ngoài ra, dưới trời Tứ thiên vương, cũng như vậy. Trong ba ngàn đại thiên thế giới có trăm ức núi Tu di, có trăm ức địa ngục A tỳ. Thế nên nói từ một đại địa ngục A tỳ đến một đại địa ngục A tỳ. Như người từ hội này đến hội khác.

Lại như người vào chánh vị, từ trời đến nhân gian thọ vui, từ cõi người trở lại cõi trời thọ vui. Nếu ở đây kiếp lửa nổi lên, tội kia chưa hết, thời phải chuyển đến chịu tội trong đại địa ngục ở mười phương thế giới khác. Nếu ở nơi đó, kiếp lửa nổi lên lại phải chuyển đến phương khác. Ở phương khác kiếp lửa nổi lên, lại trở lại sanh vào địa ngục A tỳ ở đây, triển chuyển như trước.

Tội bớt nhẹ dần, được làm thân người, thì sanh vào hạ tiện, tức là sanh vào nhà người đui bẩm sanh, không muốn thấy Bát nhã ba la mật. Kinh chê người thuyết pháp nên phải sanh vào hạ tiện Chiên đà la, làm người dọn phân, khiêng thây chết v.v... chê bai người thuyết pháp nên chịu họa không có lưỡi, không muốn nghe pháp nên chịu họa không có tai; phi bác nên chịu họa không có tay. Người ấy tuy tâm mến Phật, nhưng vì ngu si vô trí nên hay diệt mẹ Phật (tức Bát nhã) phá hoại pháp tạng. Vì phá hoại pháp tạng nên sanh vào chỗ không có Phật pháp tạng.

Hỏi: Sao không nói sanh trong loài ngựa □ ửy?

Đáp: Người phá hoại ấy, phần nhiều do hai phiền não là sân nhuế và ngu si. Vì xan tham nên đọa ngựa quỳ, ở đây không có xan tham, nên không nói.

Hỏi: Có sao Xá lợi phát nói năm tội nghịch với tội phá pháp giống nhau?

Đáp: Xá lợi phát là người Thanh văn thường nghe nói năm tội nghịch rất nặng đọa địa ngục A tỳ, chịu khổ một kiếp. Người Thanh văn không hiểu rõ cúng dường Bát nhã được quả báo lớn, lại không biết hủy báng Bát nhã bị tội lớn, cho nên nêu năm tội nghịch, so sánh hỏi giống nhau chăng? Đáp rằng: Không giống nhau, vì cách nhau xa lắm, vì sao? Vì người hủy báng Bát nhã, tự mất lợi lớn, cũng làm người khác mất; tự xa lìa Bát nhã, cũng khiến người khác xa lìa; tự phá hoại thiện căn cũng phá hoại thiện căn của người khác; tự xoa độc tà kiến, cũng xoa độc tà kiến vào người khác; tự mất thân mình cũng làm mất thân người; vì tự không biết, vì đấm trước pháp ái, nên tự phá cũng khiến người khác phá Bát nhã ba la mật. Như cha mẹ thương con, ân đức cùng cực trong một đời, lại vì có nhân duyên nên thương yêu, còn Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật thâm

tâm ái niệm chúng sanh trong vô lượng đời. Cha mẹ nghĩ đến con, không thể đem một con mắt cho, còn người tu Bát nhã ba la mật đem đầy mắt tủy não chất quá núi Tu di thí cho chúng sanh trong vô lượng kiếp. Làm thân Phật chảy máu, giết A la hán là chỉ hoại thân xác thịt, chứ không hoại pháp thân, phá hoại Tăng chỉ làm xa lìa quyến thuộc, đó là tán thán năm pháp không phá hoại Bát nhã; thế nên không được cho năm tội nhich giống với tội phá hoại Bát nhã ba la mật.

Bát nhã ba la mật hay khiến người làm Phật, nên tội hủy hoại Bát nhã không thể lấy gì mà ví dụ được. Thế nên đối với người phá Bát nhã, Ta không muốn cho nghe danh tự Bát nhã, hưởng gì cho mắt thấy, người phá Bát nhã ấy, hoặc do phước đức đời trước, học rộng nghe nhiều, giàu sang oai đức, khéo nói năng, các quyến thuộc Ma, thường đi theo hỗ trợ. Bồ tát chưa được địa vị bất thối, thấy kia được nhiều người cúng dường, có nhiều đệ tử xuất gia tại gia, thế nên nếu có ai khen ngợi danh tiếng người ấy, còn không muốn nghe, hưởng gì thân cận lễ bái, lãnh thọ lời giáo huấn, vì sao? Vì Bồ tát muốn tăng trưởng thiện pháp, lợi ích chúng sanh, còn người ấy chỉ muốn phá pháp, khiến chúng sanh đọa vào chỗ suy vi ô trược, hai việc trái ngược nhau.

Suy vi ô trược, là như người mắc chứng suy vi, tuy mặc áo đẹp, đồ ăn ngon, thường không có sắc lực, tuy siêng năng làm việc, mà tài sản mỗi ngày hao mòn. Vì người ấy phá hoại pháp bảo tối thượng của chư Phật, nên tuy thân nghiệp, khẩu nghiệp lành, trì giới, bố thí, đọc kinh, mà pháp lành không hề tăng trưởng, như nước bùn đục, soi không thấy mặt cũng không thể uống. Với người ấy không nên thân cận, nếu thân cận thời dễ nhiễm trược. người ấy vì phá pháp nên tà kiến nghi hối thường nhiễu loạn tâm. Pháp được nghe trước, ái trước sâu nặng, không hiểu tướng Bát nhã ba la mật, nên nói Bát nhã ba la mật không có gì, trống không, không bền chắc, không có tội phước. Vì tâm kia bị ô trược tán loạn ngăn che như vậy, nên không thấy được tướng thật pháp thanh tịnh.

Tánh hắc ám là trong Phật pháp, pháp thiện gọi là bạch, pháp bất thiện gọi là hắc. Người ấy thường chứa nhóm pháp bất thiện, nên thành tánh bất thiện. Nếu có tín thọ lời người ấy, thì tội người kia cũng đồng.

Hỏi: Có sao Xá lợi phát hỏi người kia thọ thân lớn nhỏ, mà Phật không đáp?

Đáp: Xá lợi phát đã nghe thời tiết và nơi chốn thọ tội, song không nghe nói thân kia lớn nhỏ, ý muốn nghe Phật nói thân kia lớn. Lại như thân Đế thích cao mười dặm, thọ vui đầy khắp, nên muốn biết thân thọ tội lớn thì thọ khổ cũng nhiều. Có hai nhân duyên nên Phật không nói: 1. Là trên đã nói kia ở trong hai đường

ác chịu khổ lâu đời, nay lại nói thân kia to lớn xấu xí , người ta hoặc không tin; người không tin sẽ chịu khổ kịch liệt lâu dài. 2. là nếu tin lời Phật thời lo sợ lớn, lo sợ nên gió nổi lên, thổ huyết nóng mà chết. Hoặc như chết là, giả sử không chết nhưng thân thường khô héo. Nếu không tin đời sau chịu trọng tội, nên Phật không nói.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Nay tuy vì hai nhân duyên nên không nói, mong thương xót người vị lai mà nói.

Phật dạy: Nếu người có tánh bạch tịnh thiện căn, là đủ làm chỗ nương tựa. Tánh bạch tịnh là trái với tánh hắc ám. Nương tựa là nghe nói chịu khổ liền không dám làm. Nếu không tin, thời tuy thân lớn cũng không tin; nếu tin nghe trên nói chịu khổ lâu dài là đủ để tin, trong ba nghiệp nên nhiếp hộ thân khẩu ý.

*(Hết cuốn 62 theo bản Hán).*

--o0o --



## Cuốn 63

KINH: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên khéo nhiếp nghiệp thân miệng ý, không chịu các khổ như vậy; Hoặc không thấy Phật, hoặc không nghe pháp, hoặc không gần gũi Tăng, hoặc sanh trong thế giới không có Phật, hoặc sanh trong thế giới không có Phật, hoặc sanh vào nhà bần cùng trong cõi người, hoặc bị người ta không tin thọ lời người kia nói.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì chất chứa nghiệp miệng, nên có trọng tội phá pháp ấy.

Phật bảo Tu bồ đề: Vì chất chứa nghiệp miệng nên có trọng tội phá pháp ấy.

Tu bồ đề, người ngu si ấy xuất gia thọ giới trong Phật pháp, mà phá Bát nhã ba la mật thâm sâu, chê bai không lãnh thọ.

Tu bồ đề, nếu phá Bát nhã ba la mật, chê bai Bát nhã ba la mật, thời là phá nhất thiết trí của mười phương chư Phật; phá nhất thiết trí thời là phá Phật bảo; phá Phật bảo nên phá pháp bảo; phá pháp bảo nên phá Tăng bảo. Phá Tam Bảo thời là phá chánh kiến thế gian; phá chánh kiến thế gian thời là phá bốn niệm xứ, cho đến phá trí nhất thiết chủng; phá trí nhất thiết chủng, thời mắc vô lượng vô biên vô số tội; mắc vô lượng vô biên vô số tội thì chịu vô lượng vô biên vô số ưu khổ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng; Bạch đức Thế Tôn! Người ngu si chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu; có mấy nhân duyên?

Phật bảo Tu bồ đề: Có bốn nhân duyên, người ngu si ấy chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là bốn? Người ngu si ấy bị Ma sai khiến muốn chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu; ấy là nhân duyên đầu. người ngu si ấy không tin pháp sâu, không tin không hiểu, tâm không được thanh tịnh; ấy là nhân duyên hai, người ngu si ấy muốn chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu. người ngu si ấy đi theo ác tri thức; tâm chìm đắm lười biếng, chấp chắc năm thọ uẩn; ấy là nhân duyên ba, người ngu si ấy muốn chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu. Người ngu si ấy nhiều sân giận, tự cao khinh người; ấy là nhân duyên bốn, người ngu si ấy chê bai -phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu. Tu bồ đề, vì bốn nhân duyên ấy người ngu si muốn chê bai phá hoại Bát nhã ba la mật thâm sâu.

LUẬN: Hỏi: Nghiệp miệng là phá pháp; có sao nói nhiếp giữ ba nghiệp thân, miệng, ý?

Đáp: Nghiệp ý là gốc của nghiệp miệng, nếu muốn nhiếp nghiệp miệng, trước phải nhiếp nghiệp ý, nghiệp ý nhiếp, nên nghiệp thân, nghiệp miệng cũng lành, nghiệp thân miệng lành, thời nghiệp ý cũng lành.

Trong đây Tu bồ đề nói nhân duyên: Chẳng chịu các khổ ấy, hoặc không được thấy Phật v.v... Người đời cho nghiệp thân là nặng, nghiệp miệng là nhẹ, nên Tu bồ đề hỏi: Chỉ do nghiệp miệng mà bị tội như thế ư? Phật nhận ý đó, nên khai thị rằng: người ngu si tự không có việc chi cấp bách, cũng không ai khiến làm, cũng không được gì, mà tự đem lưỡi mình gây tội như vậy, thật là người đại cuồng! Người cuồng ấy đời vị lai, ở trong pháp của Ta xuất gia, người xuất gia có năm chúng, người thọ giới của Ta có bảy chúng; người Thanh văn ấy chấp trước pháp Thanh văn. Phật pháp quá 500 năm sau, phân biệt ra có 500 bộ phái, từ đó trở đi, vì tìm hướng quyết định của các pháp, chấp lấy pháp mình, không biết Phật vì sự giải thoát nên thuyết pháp, mà cứ chấp chặt ngôn ngữ, nên khi nghe nói Bát nhã các pháp rất ráo không, thì như dao cắt tâm, đều cho rằng pháp quyết định như vậy, sao nay lại nói không có! Ở nơi Bát nhã ba la mật không có đặc không có trước tướng, lại đặc lại trước tướng, rồi chê bai phá hoại cho là chẳng phải Phật giáo. Phật vì thương xót chúng sanh nên nói là đạo là phi đạo, nay trong Bát nhã là đạo là phi đạo, đều là một tướng, tức là vô tướng. Thế nên trước tiên sanh ý nghi ngờ, sau tâm quyết định sanh tà kiến đối với pháp không. Tà kiến đặc lực nên ở giữa đại chúng nơi nơi đều chê bai hủy hoại Bát nhã ba la mật, vì hủy hoại Bát nhã ba la mật thời phá các công đức nhất thiết trí v.v... của mười phương ba đời chư Phật. Phá công đức Phật tức là phá Tam bảo, phá Tam bảo thời phá nhân duyên an lạc của thế gian đó là chánh kiến của thế gian; nếu phá chánh kiến của thế gian thời phá nhân duyên an lạc của xuất thế gian. Chánh kiến của xuất thế gian là bốn niệm xứ, cho đến trí nhất thiết chủng. Pháp ấy là nhân duyên vô lượng vô biên phước đức, phá pháp ấy thời mất vô lượng vô biên tội. Mất vô lượng vô biên tội, nên chịu vô lượng vô biên ưu sầu khổ não.

Hỏi: Trước đã nói nhân duyên phá pháp, đó là ái trước pháp, sao Tu bồ đề lại còn hỏi?

Đáp: Trước trong luận nói, nay trong kinh nói, trước nói không khắp, nay nói rộng khắp, đó là bốn nhân duyên: Người ấy bị ma sai khiến, hoặc Ma hoặc Ma dân đến vào trong tâm kia, chuyển đổi thân miệng, khiến hủy phá Bát nhã ba la mật, như Phật ba lần hỏi A nan cõi Diêm phù đề vui, sống lâu cũng vui? mà vì bị

Ma vào thân nên ba lần A nan không đáp lời Phật. A nan được Sơ quả, còn bị ma quấy hưởng gì người phàm?

\* Lại nữa, Ma có bốn thứ: Ma ngũ uẩn, Ma phiền não, Ma chết, Ma thiên tử tự tại. Trong bốn loại ma này, phần nhiều là Ma phiền não, Ma thiên tử tự tại, xúi đừng tin Bát nhã, tham đắm pháp mình, ganh tị pháp khác; ngu si điên đảo nên hay hủy phá Bát nhã ba la mật.

Có người nói: Nhân duyên đầu là Ma phiền não, nhân duyên thứ tư là Ma thiên tử. Bị hai loại Ma ấy xúi sử nên gọi là Ma sai khiến. Chấp chặt tà kiến tham ái pháp mình, tuệ căn ám độn, không hiểu Phật ý, không tin không thọ Bát nhã ba la mật thâm sâu, cho nên phá. Người có lợi căn kham tín thọ được, ma không đến được, chỉ có theo lời ác sư nên cũng phá Bát nhã. Có người tuy thuộc ác tri thức mà kiết sử mỏng, nên siêng tinh tấn, có thể tin Bát nhã ba la mật. Cho nên hai việc hợp lại làm một, cũng thuộc ác tri thức, cũng đắm sâu năm uẩn, kiết sử dày, tâm sanh lười biếng, cho nên không tin Bát nhã; người ấy đời đời chưa nhiều sân hận, thành tánh. Tướng trạng của sân là tướng bất tín, người ấy cương cường tự cao, khinh hèn người thuyết pháp, nghĩ rằng: Trí và đức của ta như vậy mà còn không hiểu được, hưởng chi người ngu si làm sao biết được. Vì tâm sân hận kiêu mạn nhiều ấy nên phá hoại Bát nhã ba la mật.

KINH: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, người không siêng tinh tấn, gieo căn bất thiện, tương đắc với bạn ác, thời khó tin khó hiểu.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, người không siêng tinh tấn, gieo trồng căn bất thiện, tương đắc với bạn ác, thì khó tin khó hiểu.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy vì sao thâm sâu, khó tin khó hiểu?

Tu Bồ Đề! Sắc chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì là sắc. Thọ, tưởng, hành thức chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì ấy là thọ, tưởng, hành, thức. Thí ba la mật chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì là Thí ba la mật; Giới ba la mật chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là Giới ba la mật; Nhẫn ba la mật ấy chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là Nhẫn ba la mật; Tấn ba la mật chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là Tấn ba la mật; Thiền ba la mật chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì,

ấy là Thiên ba la mật; Bát nhã ba la mật chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là Bát nhã ba la mật?

Tu Bồ đề, nội không chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là nội không; cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là bốn niệm xứ; cho đến nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì tánh không có sở hữu gì, ấy là nhất thiết chủng trí.

Tu Bồ đề, sắc bản thể chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì bản thể, tánh không có sở hữu gì, ấy là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng bản thể chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì bản thể, tánh không có sở hữu gì, ấy là trí nhất thiết chủng.

Tu Bồ đề, sắc hậu tế (đời sau) chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì sắc hậu tế tánh không có sở hữu gì, ấy là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng hậu tế, chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì hậu tế, tánh không có sở hữu gì, ấy là trí nhất thiết chủng.

Tu Bồ đề, sắc hiện tại chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì hiện tại, tánh không có sở hữu gì, ấy là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng, hiện tại chẳng trói chẳng mở, vì sao? Vì hiện tại, tánh không có sở hữu gì, ấy là trí nhất thiết chủng.

Tu Bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật, người không siêng tinh tấn, không trồng căn lành, tương đố với bạn ác, giải đãi ít tiến, ưa quên, không có tuệ thiện xảo phương tiện. Người như vậy, thật khó tin khó hiểu.

Tu Bồ đề, như vậy, như vậy! Bát nhã ba la mật ấy, người không siêng tinh tấn, không trồng căn lành, tương đố với bạn ác, hệ thuộc với ma, giải đãi ít tiến, ưa quên, không có tuệ thiện xảo phương tiện, người như thế, thật khó tin khó hiểu, vì sao? Vì sắc tịnh, quả cũng tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh, quả cũng tịnh; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tịnh, quả cũng tịnh.

\* Lại nữa, Tu Bồ đề, vì sắc tịnh tức Bát nhã ba la mật tịnh, Bát nhã ba la mật tịnh tức sắc tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh, tức Bát nhã ba la mật tịnh, Bát nhã ba la mật tịnh tức thọ, tưởng, hành, thức tịnh; cho đến trí nhất thiết chủng tịnh tức bát nhã ba la mật tịnh; ; Bát nhã ba la mật tịnh tức trí nhất thiết chủng tịnh. Sắc tịnh với Bát nhã ba la mật tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại; cho

đến trí nhất thiết chủng tịnh với Bát nhã ba la mật tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

\* Lại nữa, Tu bồ đề! Không hai tịnh nên sắc tịnh, không hai tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, vì sao? Vì không hai tịnh ấy với sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác. Vì ngã tịnh, chúng sanh tịnh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh, nên sắc tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, nên ngã, chúng sanh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh, vì sao? Vì ngã, chúng sanh cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh với sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

LUẬN: Bây giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: "Bát nhã ba la mật ấy rất sâu thẳm, người giải đãi, theo ác tri thức, trồng giống căn bất thiện, khó tin, còn trái với đây, gọi là tin Bát nhã ba la mật" Phật chấp nhận lời đó.

Tu bồ đề lại hỏi: Bát nhã ba la mật ấy rất sâu thẳm thế nào nên khó tin?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... không trói không mở. Ba độc là trói, ba cửa giải thoát là mở. Ba độc phiền não ấy hư vọng không thật, do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh cho nên không trói, vì không trói nên không mở. Phá ba độc nên ba cửa giải thoát cũng không.

\* Lại nữa, thủ trước các pháp, khởi lên hết thấy điên đảo phiền não là trói. Nếu sự trói có tự tánh nhất định thời không thể mở. Nếu nó thật có nhất định, ai phá được nó. Nếu phá thời bị rơi vào đoạn diệt, còn nếu các phiền não điên đảo thủ tướng, là hư dối không thật, thì cũng không có gì để dứt.

\* Lại nữa, tất cả tâm tâm sở pháp (tức tâm sở) ức tưởng phân biệt, thủ tướng, đều bị trói trong các duyên, nếu ở vào trong thật tướng các pháp, biết chúng đều hư dối, như Phẩm trên nói: Tướng trạng của tâm thanh tịnh là chẳng phải tâm tướng. Sự trói ấy "không" nên sự mở cũng không. Có các nhân duyên như vậy, nên các pháp sắc v.v... không trói không mở.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v..., là pháp hữu vi tạo tác, do nhân duyên hòa hợp sanh, không có định tánh; nên kinh nói các pháp sắc v.v... tánh không có sở hữu gì ấy là sắc v.v...

\* Lại nữa, các pháp sắc v.v... trong ba đời không trói không mở, như đã phá ở đoạn phá ba đời trong Trung luận.

Khi ấy, Tu bồ đề, biết Bát nhã ba la mật chẳng phải sâu thẳm, chẳng phải không sâu thẳm, như trong Phẩm sau nói: Nếu bảo Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm, ấy thời xa là Bát nhã ba la mật. Vì thế nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người ác cho Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm khó hiểu, người ấy chẳng phải người lành. người ác không tương ứng với Bát nhã, không nhất tâm siêng tinh tấn, không gieo trồng thiện căn hiểu Bát nhã ba la mật, đi theo ác sư phá hoại Bát nhã. Giải đãi là tham đắm cái vui thế gian, không ưa xuất thế gian, người như thế, nếu có tinh tấn, thì quá ít không đủ nói: Bị các phiền não loạn tâm cho nên ưa quên. Tướng thiện không thiện không phá, kiêu mạn không trừ, tà kiến hý luận, nên tìm thật tướng các pháp, không biết phân biệt tướng các pháp tốt xấu, ấy gọi là không có tuệ thiện xảo phương tiện.

Có các ác pháp như vậy, nên người ấy khó hiểu Bát nhã sâu thẳm v.v... Phật chấp nhận ý ấy, nên nói: Như vậy, như vậy.

Hỏi: Trong lời Tu bồ đề không có Ma sự, sao trong lời Phật nói lại có thêm chuyện Ma?

Đáp: Tu bồ đề nói thẳng nhân duyên trong ngoài không đầy đủ, nay Phật nói đầy đủ rằng: Người ấy bị Ma sai sử. Phật lại muốn nói tướng sâu thẳm khó hiểu, bảo với Tu bồ đề: Các pháp sắc v.v... tịnh, nên quả cũng tịnh. Bốn niệm xứ là quả của các pháp sắc v.v..., vì sao? Vì quán các pháp sắc v.v... bất tịnh, vô thường v.v... đầu tiên được thân niệm xứ. Các niệm xứ khác nói như trên. Trong đó tánh của bốn niệm xứ là vô lậu, dứt hết các phiền não là Niết bàn, cho nên thanh tịnh. Thấy quả tịnh nên biết nhân cũng tịnh.

Hỏi: Trước nói nhờ quán sắc v.v... bất tịnh, vô thường v.v... được thân niệm xứ, có sao nay nói quả tịnh nên nhân cũng tịnh?

Đáp: Quán bất tịnh là cửa vào ban đầu, chẳng phải thật quán. Thế nên quán bất tịnh không ở trong mười sáu thánh hạnh. Trong mười sáu thánh hạnh quán vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải quán bất tịnh. Điên đảo chấp tịnh nên sanh dâm dục, phá tịnh nên nói bất tịnh, chứ chẳng phải thật, cho nên quán bất tịnh không đưa vào mười sáu thánh hạnh, nó chỉ đưa giải quán (Chứ không phải thật quán -N.D)

Trong Bát nhã không quán thường, không quán vô thường, không quán tịnh, không quán bất tịnh v.v... Thường, vô thường, tịnh, bất tịnh, không thật v.v... các quán hý luận ấy diệt, ấy là thật tướng sắc. Thật tướng sắc vốn tịnh, nên quả cũng tịnh.

\* Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bát nhã ba la mật như hư không, rất ráo thanh tịnh, không có nhiễm ô, ấy là Bát nhã ba la mật. Quán thật tướng các pháp sắc v.v... chẳng sanh chẳng diệt, tu sáu Ba la mật, bốn niệm xứ như vậy có thể được Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật ấy có ba nhân duyên là chánh quán, chánh hạnh, chánh tu. Thế nên nói Bát nhã ba la mật tịnh nên các pháp sắc v. v... tịnh; vì các pháp sắc v.v... tịnh, nên Bát nhã ba la mật tịnh, vì sao? Vì các pháp sắc v.v... với Bát nhã ba la mật ở trong thật tướng thì không hai không khác. Vì không dị không biệt, không lìa không tán, nên chẳng dứt chẳng hoại.

\* Lại nữa, như "Ngã" tìm khắp trong mười phương ba đời, không thể có được, chỉ trong năm uẩn chỉ có giả danh. Chúng sanh cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng như vậy.

Giống như "Ngã" là không, không có gì của chính nó, thanh tịnh, nên các pháp cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, Tu Bồ đề! Vì tham tịnh nên sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, vì sao? Vì tham tịnh và sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác. Vì sân, si tịnh nên sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh; vì sao? Vì sân, si và sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

\* Lại nữa, Tu Bồ đề! Vì vô minh tịnh nên các hành tịnh, các hành tịnh nên thức tịnh; thức tịnh nên danh sắc tịnh, danh sắc tịnh nên lục nhập tịnh; lục nhập tịnh nên xúc tịnh; xúc tịnh nên thọ tịnh; thọ tịnh nên ái tịnh, ái tịnh nên thủ tịnh; thủ tịnh nên hữu tịnh; hữu tịnh nên sanh tịnh; sanh tịnh nên lão tử tịnh, lão tử tịnh nên Bát nhã ba la mật tịnh, Bát nhã ba la mật tịnh nên cho đến Thí ba la mật tịnh; Thí ba la mật tịnh nên nội không tịnh, nội không tịnh nên cho đến vô pháp hữu pháp không tịnh; vô pháp hữu pháp không tịnh nên bốn niệm xứ tịnh; bốn niệm xứ tịnh, nên cho đến nhất thiết trí tịnh, nhất thiết trí tịnh, nên nhất thiết chủng trí tịnh, vì sao? Vì nhất thiết trí tịnh và nhất thiết chủng trí tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

\* Lại nữa, Tu Bồ đề! Bát nhã ba la mật tịnh nên sắc tịnh, cho đến Bát nhã ba la mật tịnh nên nhất thiết trí tịnh, vì Bát nhã ba la mật tịnh ấy và nhất thiết trí tịnh, không hai không khác.

Tu Bồ đề, vì Thiên ba la mật tịnh cho đến nhất thiết trí tịnh; Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật tịnh nên cho đến nhất thiết trí tịnh; vì nội

không tịnh nên cho đến nhất thiết trí tịnh; vì bốn niệm xứ tịnh nên cho đến nhất thiết trí tịnh.

\* Lại nữa, Tu bồ đề! Vì hữu vi tịnh nên vô vi tịnh; vì sao? Vì hữu vi tịnh và vô tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

\* Lại nữa, Tu bồ đề! Vì quá khứ tịnh nên vị lai, hiện tại tịnh; vì vị lai tịnh nên quá khứ hiện tại tịnh, vì hiện tại tịnh nên quá khứ vị lai tịnh, vì sao? Vì hiện tại tịnh và quá khứ vị lai tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

LUẬN: Hỏi: Phật dạy ba độc là cấu uế bất tịnh; cứ sao trong đây nói vì tham dục v.v... tịnh, nên sắc v.v... cũng tịnh?

Đáp: Phật dạy thật tánh của ba độc thanh tịnh, nên các pháp sắc v.v... cũng thanh tịnh. Vì ba độc tịnh và sắc v.v... tịnh, không hai không khác. Muốn nói rộng ba độc thanh tịnh và nhân duyên quả báo của ba độc thanh tịnh, nên nói vì vô minh tịnh nên các hành cũng tịnh.

Vô minh tịnh là vì vô minh rất ráo không, như trong đoạn mười dụ phá vô minh nói. Từ mười hai nhân duyên cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Nên vì sắc v.v... vô minh v.v... các pháp thanh tịnh, nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Bát nhã ba la mật thanh tịnh, nên pháp sở hành của các Bồ tát như Thiền ba la mật cho đến trí nhất thiết chủng đều thanh tịnh. Thiền ba la mật v.v... cũng như vậy.

\* Lại nữa, Vì mười phương tám không không nên sắc v.v... cho đến trí nhất thiết chủng không, cho đến vì trí nhất thiết chủng không, nên mười tám không cũng không. Trí nhất thiết chủng không là mười tám không, mười tám không, không là trí nhất thiết chủng. Thế nên nói không hai không khác.

Không tức là thanh tịnh. Nay sắc cho đến trí nhất thiết chủng, một pháp làm đầu, các pháp khác mỗi mỗi đều làm đầu, triển chuyển đều thanh tịnh.

\* Lại nữa, vì các pháp nhiều vô lượng, nên lược nói pháp hữu vi, vô vi. Thật tướng của pháp hữu vi tức là pháp vô vi. Như hành giả thanh tịnh tìn tướng Thường, Lạc, ngã, Tịnh trong các pháp không thể có được. Nếu không thể có được, ấy là thật biết pháp hữu vi; thật biết không thể có được, tức là pháp vô vi. Thế nên nói pháp hữu vi thanh tịnh nên pháp vô vi thanh tịnh.

\* Lại nữa, nhân pháp hữu vi nên biết pháp vô vi; thánh nhân được pháp vô vi ấy, nói tướng pháp hữu vi. Thế nên nói vì pháp hữu vi thanh tịnh nên pháp vô vi



thanh tịnh, pháp vô vi thanh tịnh nên pháp hữu vi thanh tịnh. Pháp hữu vi ở trong ba đời, nên nói đời quá khứ thanh tịnh nên đời vị lai cũng thanh tịnh; đời vị lai thanh tịnh nên đời quá khứ cũng thanh tịnh, vì sao? Vì như đời quá khứ phá hoại tán diệt, không có gì nên không, đời vị lai chưa sanh chưa có nên không, ba đời không có nên hiện tại cũng không có, vì sao? Vì có trước có sau, mới biết có hiện tại.

\* Lại nữa, pháp hữu vi niệm niệm sanh diệt, nên không có lúc nào ngưng trụ, lúc ngưng trụ không có, nên không có đời hiện tại. Vì ba đời không, nên pháp hữu vi không, vì pháp hữu vi không nên pháp vô vi không. Không tức là rốt ráo thanh tịnh, không phá không hoại, không hý luận như hư không.

Nhu vậy Bát nhã ba la mật rốt ráo thanh tịnh, là pháp tạng của chư Phật ba đời. Vì tội phá hoại ngôn thuyết văn tự có khả năng tuyên thật tướng Bát nhã ấy, nên đọa địa ngục.

Hỏi: Nếu không tin Bát nhã bị đọa địa ngục, tin thời được làm Phật. nếu người phạm năm tội nghịch, phá giới, tà kiến, lường biếng, mà tin Bát nhã, người ấy có được thành Phật không? Lại có người trì giới, tinh tấn, mà không tin Bát nhã, tại sao đọa địa ngục?

Đáp: Phá Bát nhã có hai cách: Bát nhã chính miệng Phật nói ra, đệ tử tụng tập, chép thành kinh quyển, người ngu báng bỏ rằng: Đó chẳng phải Phật nói, mà là Ma hoặc Ma dân nói, và là thủ bút của người tà kiến chấp đoạn diệt, trang nghiêm miệng lưỡi nói ra; hoặc cho rằng tuy là Phật nói song trong đó nơi nơi người khác thêm thắt vào, hoặc có người tâm chấp trước phân biệt, chấp thủ tướng mà nói Bát nhã ba la mật, miệng tuy nói không, mà tâm đắm hữu. Trong các người phỉ báng ấy, người hủy phá đầu bị đọa vào đại địa ngục, vì không hiểu được ý Bát nhã của thánh nhân nói; người phá hủy thứ hai là người tâm chấp trước nghị luận nên không gọi là hủy phá Bát nhã; như ông Điều Đạt làm thân Phật chảy máu, mà thầy thuốc Kỳ Vực cũng làm thân Phật chảy máu, tuy đồng làm chảy máu, mà tâm khác nhau, nên một người mắc tội, một người được phước. Như vẽ tượng Phật, một người vì thấy tượng không đẹp nên phá để vẽ lại, một người vì ác tâm nên phá, do tâm khác nhau nên một người được phước, một người mắc tội. Người phá Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

\* Lại nữa, hoặc có người phá Bát nhã, tuy tâm không sân hận, không khinh Phật, mà chỉ vì tâm ức tưởng phân biệt cho rằng pháp ấy sâu xa do bậc nhất thiết trí nói, thời lẽ phải có ý nghĩa thâm diệu, chứ sao lại nói tất cả đều không? Phật lấy

tâm vô trước, vì độ chúng sanh nên nói pháp, còn người ấy vì tâm chấp trước thủ tướng, nên khởi nghiệp miệng chê bai, phá hoại Bát nhã, khởi nghiệp thân, lấy tay chỉ chỗ bài bác, chỉ chỗ hủy báng đuổi đi. Trái với hai thứ bất tín này nên gọi là hai thứ tin: 1. Biết thật nghĩa Bát nhã mà tin, được quả báo như Kinh nói. 2. Tin ngôn ngữ văn tự của Kinh quyền; được công đức ít. Vì tà kiến tội nặng nên tuy thân, khẩu nghiệp trì giới tốt cũng đi theo ác tâm tà kiến; như Phật tự nói thí dụ: Như trồng giống đấng, tuy vẫn do bốn đại tạo thành, vẫn là vị đấng, người tà kiến cũng như vậy, tuy trì giới, tinh tấn, vẫn thành pháp ác. Trái với đây, gọi là chánh kiến, người tạo năm tội nghịch, tội ác thường che, tâm còn nghi ngờ nghiệp báo đời này đời sau, hưởng gì tin được Bát nhã thậm thâm. Tuy chép Kinh quyền cúng dường, mong khỏi tội ác, vẫn cách Bát nhã rất xa. Hoặc nhờ có nhân duyên thanh tịnh, gặp thiện tri thức, đời trước chứa nhóm phước đức, lợi trí đệ nhất, tin Bát nhã ba la mật, nên có thể được quả báo như Kinh nói. Như vua A xà thế có tội giết cha, mà nhờ Phật và Văn thù Sư lợi thiện tri thức, nên trừ được trọng tội, được như Kinh nói quả báo Bát nhã, là được thọ ký đạo vô thượng.

## GIẢI THÍCH: PHẨM THÁN TỊNH THỨ 42.

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thanh Tịnh thứ 40)

KINH: Bảy giờ, Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn, Tịnh ấy rất sâu xa.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phát thưa: Pháp gì tịnh nên thanh tịnh ấy rất sâu xa.

Phật dạy: Vì sắc thanh tịnh nên thanh tịnh ấy rất sâu xa; thọ, tưởng, hành, thức tịnh nên bố niệm xứ tịnh cho đến tám Thánh đạo phần tịnh; Phật mười lực tịnh, cho đến mười tám pháp không chung tịnh; Bồ tát tịnh Phật tịnh nên nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí tịnh, nên tịnh ấy rất sâu xa.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy sáng suốt.

- Phật dạy: vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phát thưa: Pháp gì tịnh nên tịnh ấy sáng suốt?

- Phật dạy: Bát nhã ba la mật tịnh nên tịnh ấy sáng suốt, cho đến Thí ba la mật tịnh nên tịnh ấy sáng suốt; bốn niệm xứ tịnh cho đến nhất thiết trí tịnh, nên tịnh ấy sáng suốt.

- Bạch đức Thế tôn, tịnh ấy không tương tục!

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phát thừa: Pháp gì không tương tục, nên tịnh không tương tục?

- Phật dạy: Sắc không đi, không tương tục, nên tịnh ấy không tương tục. Cho đến trí nhất thiết chủng không đi, không tương tục, nên tịnh ấy không tương tục.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy không nhớ.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phát thừa: Pháp gì không nhớ, nên tịnh ấy không nhớ?

- Phật dạy: Sắc tánh thường tịnh, nên tịnh ấy không nhớ, cho đến trí nhất thiết chủng tánh thường tịnh, nên tịnh ấy không nhớ.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy vô đắc vô trước (*Kinh Đại Bát Nhã ghi: Vô hiện quán - N.D*)

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phát thừa: Pháp gì vô đắc vô trước, nên tịnh ấy vô đắc vô trước?

- Phật dạy: Sắc vô đắc vô trước; nên tịnh ấy vô đắc vô trước, cho đến trí nhất thiết chủng vô đắc vô trước, nên tịnh ấy vô đắc vô trước.

- Bạch đức Thế Tôn, Tịnh ấy vô sanh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phát thừa: Pháp gì vô sanh, nên tịnh ấy vô sanh?

- Phật dạy: Sắc vô sanh nên tịnh ấy vô sanh, cho đến trí nhất thiết chủng vô sanh, nên tịnh ấy vô sanh.

- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy không sanh trong cõi Dục!

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Xá lợi phát thừa: Tại sao tịnh ấy không sanh trong cõi Dục?
- Phật dạy: Vì tánh cõi Dục không thể có được, nên tịnh ấy không sanh trong cõi Dục.
- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy không sanh trong cõi Sắc!
- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.
- Xá lợi phát thừa: Tại sao tịnh ấy không sanh trong cõi Sắc?
- Phật dạy: Vì tánh cõi Sắc không thể có được, nên tịnh ấy không sanh trong cõi Sắc.
- Bạch đức Thế Tôn, tịnh ấy không sanh trong cõi Vô sắc.
- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.
- Xá lợi phát thừa: Tại sao tịnh ấy không sanh trong cõi Vô sắc?
- Phật dạy: Vì tánh cõi Vô sắc không thể có được; nên tịnh ấy không sanh trong cõi Vô sắc.
- Bạch Đức Thế Tôn, tịnh ấy vô tri.
- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.
- Xá lợi phát thừa: Tại sao tịnh ấy vô tri?
- Phật dạy: Vì các pháp bốn tánh độn (sáu căn là lợi, sáu trần là độn), nên tịnh ấy vô tri.
- Bạch đức Thế Tôn, sắc vô tri nên tịnh ấy tịnh!
- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.
- Xá lợi phát thừa: Tại sao sắc vô tri nên tịnh ấy tịnh?
- Phật dạy: Vì sắc tự tánh không, nên sắc vô tri, nên tịnh ấy tịnh.
- Bạch đức Thế Tôn, thọ, tưởng, hành, thức vô tri nên tịnh ấy tịnh.
- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.
- Xá lợi phát thừa: Tại sao thọ, tưởng, hành, thức vô tri, nên tịnh ấy tịnh.

- Phật dạy: Vì thọ, tưởng, hành, thức tự tánh không, nên vô tri, nên tịnh ấy tịnh.
- Bạch đức Thế tôn, vì hết thấy pháp tịnh, nên tịnh ấy tịnh!
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá lợi phát thưa: Tại sao vì hết thấy pháp tịnh, nên tịnh ấy tịnh?
- Phật dạy: Vì hết thấy pháp không thể có được, nên hết thấy pháp tịnh nên tịnh ấy tịnh.
- Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật đối với Tát bà nhã không thêm không bớt.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá lợi phát thưa: Tại sao Bát nhã ba la mật đối với Tát bà nhã không thêm không bớt?
- Phật dạy: Pháp tướng thường trú, nên Bát nhã ba la mật với Tát bà nhã không thêm không bớt.
- Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy tịnh, đối với các pháp không chấp thọ.
- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.
- Xá lợi phát thưa: Tại sao Bát nhã ba la mật tịnh, đối với các pháp không chấp thọ?
- Phật dạy: Vì pháp tánh bất động nên Bát nhã ba la mật tịnh, đối với các pháp không chấp thọ.

LUẬN: Tịnh ấy rất sâu xa là tịnh có hai thứ: 1. Trí, không có trí thời không biết duyên tịnh. tuệ tịnh. 2. Pháp sở duyên tịnh. hai tịnh này đối đãi nhau; là trí tịnh không có duyên tịnh, là duyên tịnh không có trí tịnh, vì tất cả tâm tâm sở pháp đều do duyên sanh, nếu không có duyên thời trí không sanh, thí như không có củi thời lửa không cháy được, và do có trí mới biết duyên là tịnh, không có trí thời không biết duyên tịnh. Trong đây trí tịnh và duyên tịnh đối đãi nhau; đó là pháp thường của thế gian. Trong đây cốt nói thật tướng các pháp vốn tự thanh tịnh, là trí là duyên. Vì theo sở duyên của tâm tâm sở pháp thời ô nhiễm chẳng thanh tịnh, thí như món ăn ngon trăm vị để chung với đồ độc, thời không thể ăn.

Thật tướng các pháp thường tịnh, chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bồ tát, Bích chi Phật, Thanh văn và phàm phu thế gian làm ra, có Phật không có Phật, tướng nó vẫn thường trú không hoại; nó ở trong pháp điền đảo hư dối và quả báo, thời ô nhiễm không tịnh.

Thanh tịnh ấy có nhiều danh tự, hoặc gọi là như, hoặc gọi là pháp tánh, thật tế, Bát nhã ba la mật, hoặc gọi là đạo, hoặc gọi vô sanh vô diệt, không, vô tướng, vô tác, vô trí, vô đắc, hoặc gọi là rốt ráo không v.v... vô lượng vô biên danh tự như vậy.

Xá lợi phất quán tướng Bát nhã ba la mật ấy tuy không thể thấy, không thể nghe, không thể nói, không thể phá hoại, nhưng hủy báng thời mắc vô lượng tội, tín thọ tu hành thời được quả báo Vô thượng.

Xá lợi phất phát tâm hoan hỷ hy hữu bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Tịnh ấy rất sâu xa.

Phật dạy: Điều ông thấy cho là hy hữu, trong thật tướng còn quá hơn điều ông thấy. Trong tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh không dính mắc, cho đến thể thanh tịnh cũng không dính mắc, ấy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

\* Lại nữa, ông chủ thanh tịnh, là chư Phật trong ba đời mười phương, chư Phật cũng không dính mắc thanh tịnh ấy; thế nên nói rốt ráo thanh tịnh.

Bát nhã ba la mật thanh tịnh ấy, hay làm cho hết thấy hiện thánh dứt vô biên khổ. Được lợi ích lớn mà cũng không dính Bát nhã ba la mật.

Có vô lượng nhân duyên rốt ráo thanh tịnh như vậy nên tịnh ấy rất sâu xa.

Xá lợi phất hỏi pháp gì rốt ráo thanh tịnh nên tịnh ấy rất sâu xa?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... rốt ráo thanh tịnh nên tịnh ấy rất sâu xa, vì sao? Vì các pháp sắc v.v... gốc ngọn nhân quả thanh tịnh, nên tịnh ấy rất sâu xa, như Phẩm trên nói: Bồ tát quán hạnh đối với sắc v.v... đã dứt nên được thanh tịnh như vậy. Do thế nên gọi sắc v.v... thanh tịnh. Tịnh ấy hay phá hủy luận vô minh đối với hết thấy pháp, hay giúp cho trí tuệ rốt ráo không được sáng suốt, thế nên nói là thanh tịnh sáng suốt. Tu hành diệu pháp của Bồ tát như Thí ba la mật v.v... nên được thanh tịnh sáng suốt ấy. Tịnh ấy hay đưa đến Hữu dư Niết bàn nên nói là thanh tịnh sáng suốt; đưa đến Vô dư Niết bàn nên nói tịnh ấy không tương tục.

Trước dùng ba Tam muội không không v.v... bỏ các thiện pháp, thọ mạng tối hậu tự nhiên chấm dứt, năm uẩn không đi cũng không tương tục, nên tịnh ấy không tương tục. Vì 108 phiền não không thể ngăn che ô nhiễm tịnh, nên nói là tịnh vô cầu.

Thật hành đạo các pháp thật tướng bất nhị ấy, từ tâm khổ pháp nhẫn cho đến tâm thứ mười lăm, gọi là *Đắc*; tâm thứ mười sáu, (Tâm quán lý Tứ đế qua 16 đoạn là khổ pháp nhẫn, khổ pháp trí; tập pháp nhẫn, tập pháp trí; diệt pháp nhẫn, diệt loại nhẫn, diệt loại trí; đạo loại nhẫn, đạo loại trí - ND) được quả Sa môn, gọi là *Trước* (trước là đắm trước vào chỗ chứng đắc không đọa lạc).

\* Lại nữa, tu sáu Ba la mật, cho đến khi sanh tâm nhu thuận nhẫn, gọi là đắc, phát sanh vô sanh, vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, gọi là trước. Đối với pháp thanh tịnh ấy, dùng Tâm vô sở đắc, không có hai việc ấy, nên gọi là *Không đắc không trước*.

Tu pháp như vậy, biết hết thấy pháp rốt ráo không; vì rốt ráo không, nên không thủ tướng, vì không thủ tướng, nên không khởi làm ba nghiệp; vì không làm ba nghiệp nên không sanh vào thế gian. Thế gian tức ba cõi, trong đây vì hai nhân duyên nên không sanh: 1. Ba thứ sanh nghiệp? không khởi lên. 2. Ba cõi tự tánh nó không thể có được. Trong đây Phật tổng nói nhân duyên, tức là ba cõi tự tánh không, nên nói sắc v.v... trong ba cõi tự tánh không thể có được, tịnh ấy vô tri, vì các pháp ám độn, như Phẩm trên đã nói. Hết thấy pháp tánh thường chẳng sanh, vì chẳng sanh nên không thể có được, vì không thể có được nên rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phát được Thanh văn Ba la mật, còn Phật là bậc nhất thiết trí, nhân hai vị hỏi đáp, nên các Bồ tát tham trước Bát nhã ba la mật; vì thế Xá lợi phát muốn dứt lòng tham trước Bát nhã ba la mật của họ, nên nói: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật tuy có công đức như vậy, vì rốt ráo thanh tịnh, nên nói đối với Tát bà nhã cũng không ích không tổn, như trong mộng huyễn, tuy có được mất, cũng không ích không tổn, thí như hư không rốt ráo thanh tịnh không có gì, song cũng nhân hư không mà có việc thành tựu, và cũng không được nói hư không có tạo tác, cũng không được nói hư không không có lợi ích.

Thí ba la mật nhân Bát nhã ba la mật mà có sở tác, thế nên nói Bát nhã ba la mật không ích không tổn.

Bát nhã ba la mật quán hết thấy pháp có lỗi bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, bất sanh, bất diệt, chẳng phải bất sanh, chẳng phải bất diệt v.v... đủ các

nhân duyên tán thán dứt hý luận về các quán, dứt đường ngôn ngữ, nên nói Bát nhã ba la mật thanh tịnh, không chấp thủ đối các pháp.

Dứt hý luận về các quán, dứt đường ngôn ngữ, thời tức là vào tướng pháp tánh, thế nên trong đây nói pháp tánh bất động.

KINH: Bảy giờ, Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vì ngã tịnh nên sắc tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì mà ngã tịnh nên sắc tịnh, rốt ráo tịnh?

- Phật dạy: Ngã không gì của chính nó nên sắc không có gì của chính nó, rốt ráo tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn, ngã tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì nên ngã tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh nên rốt ráo tịnh?

- Phật dạy: Ngã không có gì của chính nó, nên thọ, tưởng, hành, thức không có gì của chính nó, nên rốt ráo tịnh.

- Bạch đức Thế tôn, ngã tịnh nên Thí ba la mật tịnh, ngã tịnh nên Giới ba la mật tịnh, ngã tịnh nên Nhẫn ba la mật tịnh, ngã tịnh nên Tấn ba la mật tịnh, ngã tịnh nên Thiền ba la mật tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn, ngã tịnh nên Bát nhã ba la mật tịnh. Ngã tịnh nên bốn niệm xứ tịnh. Ngã tịnh nên cho đến tám thánh đạo phần tịnh. Ngã tịnh nên Phật mười lực tịnh. Ngã tịnh nên cho đến mười tám pháp không chung tịnh.

- Phật dạy: Vì rốt ráo tịnh.

- Tu bồ đề thưa: Vì nhân duyên gì, nên Thí ba la mật tịnh, ngã tịnh cho đến mười tám pháp không chung tịnh?

- Phật dạy: Vì ngã không có gì của chính nó, nên Thí ba la mật không có gì của chính nó, cho đến mười tám pháp không chung không có gì của chính nó, nên tịnh.



- Bạch đức Thế Tôn, ngã tịnh nên Tu đà hoàn quả tịnh; ngã tịnh nên Tư đà hàm quả tịnh; ngã tịnh nên A na hàm quả tịnh; ngã tịnh nên A la hán quả tịnh; ngã tịnh nên Bích chi Phật đạo tịnh; ngã tịnh nên Phật đạo tịnh.

- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.

Tu bồ đề thừa: Vì nhân gì ngã tịnh, nên Tu đà hoàn quả tịnh, Tư đà hàm quả tịnh, A na hàm quả tịnh, A la hán quả tịnh, Bích chi Phật đạo tịnh, Phật đạo tịnh?

- Phật dạy: Vì tự tướng không.

- Bạch đức Thế Tôn, ngã tịnh nên nhất thiết trí tịnh.

- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.

- Tu bồ đề thừa: Vì nhân duyên gì ngã tịnh nên nhất thiết trí tịnh?

- Phật dạy: Vì vô tướng vô niệm.

- Bạch đức Thế Tôn, vì hai tịnh nên vô đắc vô trước.

- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.

- Tu bồ đề thừa: Vì nhân duyên gì, do hai tịnh nên vô đắc vô trước, là rất ráo tịnh.

- Phật dạy: Vì không nhớ không sạch.

- Bạch đức Thế Tôn, vì ngã vô biên nên sắc tịnh, thọ, tưởng, hành, thức tịnh.

- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.

- Tu bồ đề thừa: Vì nhân duyên gì ngã vô biên nên sắc tịnh? Thọ, tưởng, hành, thức tịnh?

- Phật dạy: Vì rất ráo không, vô thí không.

- Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát biết được như vậy, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật.

- Phật dạy: Vì rất ráo tịnh.

- Tu bồ đề thừa: Vì nhân duyên gì Bồ tát ma ha tát biết được như vậy, gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật?

- Phật dạy: Vì biết đạo chúng.

- Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện (trí tuệ) nên nghĩ rằng: Sắc chẳng biết sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng biết thọ, tưởng, hành, thức; pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ, pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai, pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại.

- Phật dạy: Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật do sức phương tiện không nghĩ rằng: "Ta thí cho người kia, ta trì giới, trì giới như vậy; ta tu nhẫn, tu nhẫn như vậy; ta tinh tấn, tinh tấn như vậy; ta nhập thiền, nhập thiền như vậy; ta tu trí tuệ, tu trí tuệ như vậy; ta được phước đức, được phước đức như vậy; ta sẽ vào pháp vị Bồ tát, ta sẽ làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, sẽ được trí nhất thiết chủng".

Tu bồ đề, bồ tát ma ha tát ấy tu Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện, không có các ức tướng phân biệt: nọ? không, ngoại không, nọ? ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không.

Tu bồ đề, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật; do sức phương tiện nên không có chướng ngại.

LUẬN: ban đầu Phật sai Tu bồ đề nói Bát nhã, nếu có lời nói gì, không nên tìm nhân duyên của nó, nếu người khác nói thời nên tìm nhân duyên. Xá lợi phất đã hỏi tướng thanh tịnh, Phật tác chứng, nay Tu bồ đề nói tướng thanh tịnh, Phật cũng tác chứng.

*Ngã thanh tịnh nên năm uẩn thanh tịnh* là như ngã rất ráo không có gì của chính nó, không thể có được, năm uẩn cũng như vậy, rất ráo không, tức là ngã thanh tịnh. Năm uẩn thanh tịnh khó hiểu, ngã "không" dễ hiểu, nhưng năm uẩn "Không" khó hiểu, thế nên lấy việc dễ hiểu dụ việc khó hiểu.

Sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo cũng như vậy. Vì ngã tịnh nên pháp cũng tịnh.

Hỏi: Trên nói ngã không có gì của chính nó nên sắc cho đến mười tám pháp không chung cũng không có gì của chính nó, nay có sao nói quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo, tự tướng không?

Đáp: ngã do nhân duyên hòa hợp giả gọi là sanh, đối với vô ngã có điên đảo chấp ngã, thế nên nói ngã hư dối, không có gì của chính nó. Vì năm uẩn thuộc ở

nơi nhân duyên, nên không có gì của chính nó. Thí ba la mật v.v... tuy thiện mà là pháp hữu vi tạo tác, còn Bồ tát thấy đúng thực nên nói là không có gì của chính nó, quả Tu đà hoàn v.v... là pháp vô vi, pháp vô vi tự tướng không, nghĩa là vô sanh vô diệt, vô trú vô dị, thế nên không nói là không có gì của chính nó, chỉ nói là tự tướng không.

\* Lại nữa, vì nơi pháp hữu vi vì tà hạnh nhiều nên nói là không có gì của chính nó, trong pháp vô vi vì không sanh diệt, không tà hạnh, nên nói là tự tướng không.

*Ngã tịnh, trí nhất thiết chủng tịnh* là vì Bồ tát hiểu sâu nên vô tướng vô niệm. Vô tướng là vô tướng tam muội, vô niệm là đối với vô tướng tam muội cũng không niệm.

Nay Tu bồ đề biết Bát nhã ba la mật thật thanh tịnh, nên bạch Phật vì hai tịnh nên vô đắc vô trước.

Thanh tịnh có hai thứ: 1. Dùng nhị pháp thanh tịnh. 2. Dùng bất nhị pháp thanh tịnh. Nhị pháp thanh tịnh là danh tự thanh tịnh; dùng bất nhị pháp thanh tịnh là chơn thanh tịnh.

Phật dạy: Tướng các pháp rất ráo không, tại sao dùng nhị pháp thanh tịnh, có đắc có trước? trong đây nói nhân duyên; tức là hết thấy pháp không như không sạch. Trong hai thanh tịnh, phân biệt là như là sạch.

*Vì ngã vô biên nên năm uẩn thanh tịnh* là như ngã không, vì không nên vô biên, năm uẩn cũng như vậy.

Hỏi: Thường nói vì rất ráo thanh tịnh, nay cứ sao lại nói rất ráo không, vô thí không?

Đáp: Rất ráo không tức là rất ráo thanh tịnh. Vì người ta sợ không, nên không nói chữ không, mà nói chữ thanh tịnh.

Trong đây nói ngã vô biên, ngã tức là chúng sanh, chúng sanh không, vì sao? Vì vô thí không.

*Nói biết được như vậy ấy gọi Bát nhã* là có thể thấy chúng sanh không, pháp không, hết thấy pháp rất ráo không, ấy gọi là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật tức là rất ráo thanh tịnh. Chư Phật thường đáp rất ráo không, thế nên hỏi: Nếu rất ráo không, sao còn nói Bồ tát biết được như vậy, gọi là Bồ tát Bát nhã? (đây nạn rất ráo không, vì rất ráo không thời không có biết).

Phật dạy: Biết đạo chùng. Bồ tát tuy biết hết thầy pháp rất ráo không, song muốn làm chúng sanh biết được rất ráo không ấy, để xa lìa tâm chấp trước. Chỉ vì phá tâm chấp trước nên nói rất ráo không, chứ chẳng phải thật có nhất định (nói rất ráo không, tức là đáp về đạo chùng trí).

Bấy giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, người tu Bát nhã nghĩ rằng: Sắc chẳng biết sắc v.v... Ý Phật Bát nhã không có định tướng, chỉ vì đạo chùng trí nên phân biệt nói (1. Nhất thiết trí, là trí của Nhị thừa, biết tổng tướng các pháp, tức là biết tướng không, nhiều trường hợp nhưt thiết cũng là trí của Phật. 2. Đạo chùng trí, là trí của Bồ tát, biết đạo pháp mỗi mỗi sai biệt; 3. Nhất thiết chùng trí, là trí của Phật, sáng suốt viên mãn, thông đạt tổng tướng biệt tướng, biết pháp hóa đạo dứt hoặc sai khác. Đúng thật ba trí không rời nhau - N.D). Khiến Bồ tát ma ha tát có phương tiện nên pháp tuy rất ráo không, cũng biết rằng sắc chẳng biết sắc v.v... như vậy. Quán hết thầy pháp rất ráo không, chỉ có trí tuệ năng quán tồn tại, không nên rất ráo không, vì dẫn đạo chúng sanh tâm chấp trước, khiến vào rất ráo không.

Phật đáp: Nếu Bồ tát tu Bát nhã có phương tiện, thời có thể quán pháp bên ngoài rất ráo không, sắc chẳng biết sắc v.v..., bên trong tự quán nội tâm cũng với lực phương tiện như vậy. Nếu khi tu bố thí, không khởi tâm nghĩ rằng: Ta thí cho, người kia nhận lấy.

*Trước đây Tu bồ đề nói sắc chẳng biết sắc, là hết thầy pháp không, cho nên không biết nhau. Không biết nhau nên không làm. Phá hai sự tức là phá người nhận và vật bố thí (hai sự này đều ở bên ngoài). Nay thì phá người cho, cho đến phá ngã. Tu trí nhất thiết chùng cũng như vậy. Trong đây nói nhân duyên; Bồ tát tu Bát nhã, nhờ sức phương tiện nên không phân biệt như vậy, vì nội không nên cho đến tự tướng không, mười ba không ấy phá các pháp trọn hết, còn năm thứ "Không" sau là tổng tướng, ấy gọi là Bồ tát không có chi ngăn ngại. Không có chi ngăn ngại là vì lấy mười tám không ấy mà không hết thầy pháp, không có chi ngăn ngại.*

*(Hết cuốn 63 theo bản Hán).*

## Cuốn 64

KINH: Bấy giờ Thích đề hoàn nhân hỏi Tu bồ đề: Thế nào là pháp chướng ngại của thiện nam tử khi cầu đạo Bồ tát?

Tu bồ đề đáp: Kiền thi ca! Có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cầu đạo Bồ tát, chấp thủ tâm tướng, tức là thủ tướng Thí ba la mật, thủ tướng Giới ba la mật, tướng Nhẫn ba la mật, tướng Tấn ba la mật, tướng Thiên ba la mật, tướng Bát nhã ba la mật; thủ tướng nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến tướng vô pháp hữu pháp không; thủ tướng bốn niệm xứ cho đến tướng tám Thánh đạo phần; thủ tướng Phật mười lực cho đến tướng mười tám pháp không chung; thủ tướng chư Phật; thủ tướng thiện căn của chư Phật, hòa hợp hết thầy phước đức ấy, thủ tướng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Kiền thi ca, ấy gọi là sự chướng ngại của thiện nam tử, thiện nữ nhân khi cầu Bồ tát đạo, vì sự ấy nên không thể không bị chướng ngại khi tu Bát nhã ba la mật, vì sao? Kiền thi ca, vì sắc tướng không thể hồi hướng; thọ, tưởng, hành, thức không thể hồi hướng, cho đến trí nhất thiết chủng tướng không thể hồi hướng.

\* Lại nữa, Kiền thi ca, nếu Bồ tát ma ha tát khai thị, giáo hóa, làm lợi ích, vui mừng cho người khác về Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khai thị, giáo hóa, làm lợi ích, vui mừng cho người khác về thật tướng hết thầy các pháp. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Bồ tát đạo khi tu Thí ba la mật, không nên phân biệt rằng: "Ta bố thí, ta trì giới, ta nhẫn nhục, ta tinh tấn, ta nhập thiền, ta tu trí tuệ; ta tu nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến ta tu vô pháp hữu pháp không; ta tu bốn niệm xứ, cho đến ta tu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên như vậy khai thị, giáo hóa, làm lợi ích, vui mừng cho người khác về Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu khai thị, giáo hóa làm lợi ích, vui mừng về Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như vậy, thời tự không có sai lầm, cũng như Phật thuyết pháp, khai thị, giáo hóa làm lợi ích, vui mừng làm cho thiện nam tử, thiện nữ nhân xa lìa mọi pháp chướng ngại.

Bấy giờ Phật tán thán Tu bồ đề: Lành thay! Như ông vì Bồ tát nói các sự chướng ngại. Tu bồ đề, ông nay lại nghe ta nói tướng chướng ngại vi tế. Tu bồ đề, hãy nhất tâm khéo nghe!

Phật bảo Tu bồ đề: Có thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mà thủ tướng niệm Phật. Tu bồ đề, tướng có thể thủ đều là tướng chướng ngại.

Lại đối với thiện căn có được của chư Phật ở khoảng trung gian từ sơ phát tâm cho đến khi vào pháp vị, mà thủ tướng ức niệm; thủ tướng ức niệm rồi, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tu bồ đề, tướng có thể thủ, đều là tướng chướng ngại.

Lại, đối với các thiện căn của chư Phật và đệ tử, và thiện căn của chúng sanh khác mà thủ tướng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; tướng có thể thủ đều là tướng chướng ngại, vì sao? Vì không nên thủ tướng mà ức niệm chư Phật, cũng không nên thủ tướng mà nghĩ đến thiện căn của chư Phật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy rất sâu xa.

Phật dạy: Vì thường xa lìa hết thảy pháp.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn con sẽ kính lễ Bát nhã ba la mật.

Phật bảo Tu bồ đề: Bát nhã ba la mật ấy không khởi không tác, nên không có năng đắc.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy pháp cũng không thể có được.

Phật dạy: Hết thảy pháp một tánh, chẳng phải hai tánh. Tu bồ đề, một pháp tánh ấy cũng vô tánh. Vô tánh ấy tức là tánh, tánh ấy không khởi không tác. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát, nếu biết các pháp một tánh là vô tánh, không khởi không tác, thời xa lìa hết thảy tướng chướng ngại.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy khó biết khó hiểu.

Phật dạy: Như lời ông nói, Bát nhã ba la mật ấy không có kẻ thấy, không có kẻ nghe, không có kẻ biết, không có kẻ hiểu, không có kẻ đắc.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy không thể nghĩ bàn.

Phật dạy: Như lời ông nói, Bát nhã ba la mật ấy, không từ tâm sanh, không từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh, cho đến không từ mười tám pháp không chung sanh.

LUẬN: Hỏi: Nếu trái với vô ngại gọi là ngại: cứ sao Đế thích lại hỏi ngại?

Đáp: Pháp chướng ngại của Bồ tát vi diệu, hợp vào các thiện pháp, người lợi căn hiểu được, người độn căn không hiểu. Vì khó hiểu nên ở trước Phật còn hỏi lại; pháp chướng ngại là những gì? Đó là Bồ tát phân biệt về tâm xan lẫn, tâm bố

thí, tâm bỏ xan lẫn, tâm thủ tướng bố thí; ấy gọi là thủ tâm tướng, biết vật bố thí quý tiện, biết tu tập bố thí có thể cho tất cả. Thủ tướng về các thiện pháp bố thí ba la mật thí cho đến phước đức tùy hỷ ấy, tuy là diệu, song do trong chấp ngã, ngoài chấp pháp, nên rơi vào pháp chướng ngại, thí như ăn tuy thơm ngon, ăn qua rồi sinh bệnh.

Trong đây Tu bồ đề nói nhân duyên: Tướng các pháp sắc v.v... rất ráo không, nên không thể hồi hướng đạo vô thượng được.

Trên nói tướng chướng ngại, nay nói tướng không chướng ngại, tức là Bồ tát muốn giáo hóa đạo vô thượng cho người khác, phải đem thật pháp khai thị, giáo hóa làm lợi ích, vui mừng. Nghĩa thị, giáo, lợi, hỷ, như trước đã nói.

Thật pháp là dứt các ức tướng phân biệt, nên nói khi bố thí, không phân biệt rằng ta cho, v.v... Nếu giáo hóa được như vậy, được hai thứ lợi: 1. Tự không có sai lầm. 2. Cũng như pháp Phật chứng được đem giáo hóa người khác.

Trái với vô lượng tướng chướng ngại như vậy, gọi là tướng không chướng ngại.

Hỏi: Phật đã tán thán Tu bồ đề nói về tướng không chướng ngại, nay có sao còn tự nói tướng chướng ngại vi tế?

Đáp: Phật cứ theo lực Tu bồ đề mà tán thán, ông là người bỏ chúng sanh mà có thể nói được tướng chướng ngại của Bồ tát. Tướng chướng ngại vi tế, lực Tu bồ đề không thể biết kịp được; thế nên Phật tự nói: Tướng chướng ngại vi tế, ông hãy nhất tâm khéo nghe, vì sao vậy? Bồ tát dùng tâm thủ tướng niệm Phật, đều là chướng ngại.

Tướng vô tướng, là Bát nhã ba la mật, Phật từ trong Bát nhã xuất sanh, cũng là tướng vô tướng. Tâm chấp trước thiện căn, thủ tướng hồi hướng, là quả báo có tận cùng của thế gian, bị tạp độc nên không thể được đạo Vô thượng.

Hỏi: Trên nói chướng ngại thô nói là chấp thủ tướng, nay trong chướng ngại vi tế cũng nói là chấp thủ tướng, có gì sai biệt?

Đáp: Trên nói ta là người cho, kia là kẻ nhận, nay chỉ nói thủ tướng.

\* Lại nữa, nay nói các Bồ tát niệm Phật tam muội, nên tướng vi tế, sự chướng ngại trong người có tâm vi tế, ấy gọi là chướng ngại vi tế.

Tu bồ đề biết điều Phật dạy thâm diệu, chẳng phải mình biết được, thế nên tán thán: "Rất sâu xa".

Phật dạy: Hết thầy pháp thường xa lìa tướng.

Phật dạy: Bát nhã ấy lìa hết thầy pháp, lìa hết thầy pháp, nên tướng vi tế không vào trong Bát nhã ba la mật được.

Tu bồ đề hoan hỷ thưa: Con sẽ làm lễ Bát nhã. Ý Tu bồ đề nghĩ rằng: "Ta hiểu được tướng Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm, nên phát tâm, ta nên làm lễ".

Phật dạy: Bát nhã ba la mật ấy không khởi không tác, nên mười phương như hằng hà sa Phật còn không nói được, huống ông là người Thanh văn làm sao nói được.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải chỉ Bát nhã mà hết thầy pháp đều vô tri vô đắc.

Phật dạy: Các pháp một tánh không hai. Một tánh tức là tánh rốt ráo không. Không hai là không có vừa rốt ráo vừa không rốt ráo. Một pháp tánh tức là vô tánh, không nên chấp trước, không nên thủ tướng rốt ráo không. Vì sao? Vì do nhân duyên hòa hợp sanh.

Tu bồ đề nghĩ rằng: Nếu vô tánh tức là tánh, vì không khởi không tác, tức sự khổ đời sau không còn tiếp nối. Biết được Bát nhã ba la mật như vậy, mọi chướng đều xa lìa. Nếu xa lìa các chướng ngại, thời tự tại được vô thượng đạo.

Tu bồ đề nghe nói như vậy, nghĩ rằng: Ta cho là được, Phật bảo chẳng được, Bát nhã ba la mật ấy khó hiểu khó biết?

Phật đáp: Chẳng phải riêng ông khó, mà hết thầy chúng sanh không có ai thấy, không có ai nghe, không có ai biết, không có ai hiểu, không có ai được. Mũi, lưỡi, thân không biết, ý không hiểu không được. Bát nhã ba la mật ấy vượt quá sáu cách biết của mắt, tai, v.v... nên nói là khó hiểu. Tu bồ đề, vào trong Bát nhã sâu xa, trí lực cùng cực, nên nói là chẳng thể nghĩ bàn.

Phật dạy: Bát nhã ấy chẳng phải tâm sanh, chẳng phải năm uẩn sanh, cho đến chẳng từ mười tám pháp không chung sanh, vì không tướng sanh.

Hỏi: Nếu nói từ tâm sanh, cứ sao lại nói năm uẩn? Trong năm uẩn thức uẩn tức là tâm?

Đáp: Trước nói tâm là lược nói, sau nói năm uẩn v.v... là nói rộng. Năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung, có thể làm nhân duyên cho Bát nhã chứ



không thể sanh Bát nhã, thí như gió mạnh trừ mây, làm cho mặt trời mặt trăng xuất hiện, chứ không thể làm ra mặt trời mặt trăng.

## GIẢI THÍCH: PHẨM VÔ TÁC THƯ 43.

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Tiêu Xí thứ 41)

KINH: Tu Bồ đề bạch Phật rằng: Bát nhã ba la mật ấy không làm. Phật dạy: Vì tác giả không thể có được; sắc không thể có được, cho đến hết thầy pháp không thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát muốn tu Bát nhã ba la mật, nên tu thế nào?

Phật bảo Tu Bồ đề: Bồ tát ma ha tát muốn tu Bát nhã ba la mật, không tu sắc, là tu Bát nhã ba la mật, không tu thọ, tưởng, hành, thức là tu Bát nhã ba la mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng, là tu Bát nhã ba la mật. Không tu sắc thường vô thường là tu Bát nhã ba la mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng thường vô thường là tu Bát nhã ba la mật. Không tu sắc hoặc khổ hoặc vui, là tu Bát nhã ba la mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng hoặc khổ hoặc vui, là tu Bát nhã ba la mật. Không tu sắc là ngã phi ngã là tu Bát nhã ba la mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng là ngã phi ngã, là tu Bát nhã ba la mật. Không tu sắc tịnh bất tịnh là tu Bát nhã ba la mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng tịnh bất tịnh, là tu Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì sắc ấy tánh không có sở hữu gì, làm sao có thường vô thường, khổ, vui, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tánh cũng không có sở hữu gì, làm sao có thường vô thường, cho đến tịnh bất tịnh; cho đến trí nhất thiết chủng tánh không có sở hữu gì, làm sao có thường vô thường, cho đến tịnh bất tịnh. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Còn không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, huống thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường v.v... N.D)

\* Lại nữa, Tu Bồ đề, Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật; không tu sắc chẳng đầy đủ, (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Viên mãn - N.D) là tu Bát nhã ba la mật; không tu thọ, tưởng, hành, thức chẳng đầy đủ, là tu Bát nhã ba la mật, cho đến không tu trí nhất thiết chủng chẳng đầy đủ, là tu Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì sắc chẳng đầy đủ ấy chẳng gọi là sắc, như vậy cũng chẳng tu, là tu Bát nhã ba la mật; thọ, tưởng, hành, thức chẳng đầy đủ, ấy chẳng gọi là thức, như vậy cũng chẳng tu, là tu Bát nhã ba la mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng chẳng

đầy đủ ấy không gọi là trí nhất thiết chủng, như vậy cũng chẳng tu, là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ đề bạch Phật rằng: Thật chưa từng có, bạch đức Thế Tôn! Khéo nói tướng chướng ngại không chướng ngại (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Tướng chấp trước không chấp trước - N.D) của thiện nam tử, thiện nữ nhân khi cầu Bồ tát đạo.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu Bồ đề, Phật khéo nói tướng chướng ngại không chướng ngại của thiện nam tử, thiện nữ nhân khi cầu Bồ tát đạo.

\* Lại nữa, Tu Bồ đề, nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, không tu sắc chẳng chướng ngại, là tu Bát nhã ba la mật, (hoặc theo kinh Đại Bát Nhã ghi: Không chấp trước không tu sắc, là tu Bát nhã ba la mật - N.D) không tu thọ, tưởng, hành, thức chẳng chướng ngại, là tu Bát nhã ba la mật; không tu mắt chẳng chướng ngại, là tu Bát nhã ba la mật; không tu tai, mũi, lưỡi, thân chẳng chướng ngại, là tu Bát nhã ba la mật; không tu ý chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Thí ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Giới ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Nhẫn ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Tấn ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Thiền ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; không tu Bát nhã ba la mật; không tu Bát nhã ba la mật chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật; cho đến không tu trí nhất thiết chủng chẳng chướng ngại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ đề, Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật như vậy, biết sắc là chẳng chướng ngại, biết thọ, tưởng, hành, thức là chẳng chướng ngại; cho đến biết trí nhất thiết chủng là chẳng chướng ngại, biết quả Tu đà hoàn chẳng chướng ngại, biết quả Tu đà hàm chẳng chướng ngại, biết quả A na hàm chẳng chướng ngại, biết Bích chi Phật đạo chẳng chướng ngại, biết đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng chướng ngại. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Như thật biết rõ sắc không có tướng chấp trước không chấp trước v.v... N.D).

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu Bồ đề bạch Phật rằng: Thật chưa từng có, bạch đức Thế Tôn. Pháp thậm thâm ấy, nếu nói cũng chẳng tăng chẳng giảm, nếu không nói cũng chẳng tăng chẳng giảm. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Pháp tánh thậm thâm rất là hy hữu, hoặc nói hoặc không nói đều không tăng không giảm - N.D).

Phật bảo Tu Bồ đề: Như vậy, như vậy! Pháp thậm thâm ấy, nếu nói cũng chẳng tăng chẳng giảm, nếu không nói cũng chẳng tăng chẳng giảm; thí như Phật trọn

đòi hoặc khen hoặc chê hư không, khi khen hư không không tăng không giảm, khi chê hư không cũng không tăng không giảm.

Tu Bồ đề, thí như đối với người huyễn, khi khen không tăng không giảm, khi chê cũng không tăng không giảm, khi khen không mừng, khi chê không lo. Tu Bồ đề, các pháp tánh cũng như vậy, hoặc nói hoặc không nói cũng như cũ không đổi khác.

Tu Bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ tát ma ha tát tu hành rất là khó, khi tu hành Bát nhã ba la mật không lo, không mừng, mà tập hành được Bát nhã ba la mật, đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không thối chuyển, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì tu hành Bát nhã ba la mật giống như tu hư không, như trong hư không, không có Bát nhã ba la mật, không có Thiền, không có Tấn, không có Nhẫn, không có Giới, không có Thí ba la mật; như trong hư không, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; cũng không có nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không; không có bốn niệm xứ cho đến không có tám Thánh đạo phần; không có Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung; không có quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán; không có Bích chi Phật đạo, không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nên kính lễ các Bồ tát ma ha tát ấy phát đại thệ nguyện trang nghiêm (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Mặc áo giáp công đức -N.D)

Bạch đức Thế Tôn, các vị ấy muốn độ chúng sanh là như muốn độ hư không.

Bạch đức Thế Tôn, các Bồ tát ma ha tát ấy phát đại nguyện trang nghiêm là vì chúng sanh như hư không v.v... mà phát đại nguyện trang nghiêm.

Bạch đức Thế Tôn, các vị ấy phát đại thệ nguyện trang nghiêm muốn độ chúng sanh, là như muốn cất hư không lên. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Các Bồ tát ma ha tát vì cứu vớt chúng sanh ra khỏi khổ sanh tử, mà mặc áo giáp công đức, siêng tinh tấn cũng như cất hư không để lên chỗ cao thẳm - N.D).

Bạch đức Thế Tôn, các Bồ tát ma ha tát có sức tinh tấn lớn muốn độ chúng sanh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn, các Bồ tát ma ha tát đại thệ nguyện trang nghiêm muốn độ chúng sanh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn, các Bồ tát ma ha tát đại đồng mãnh vì độ chúng sanh như hư không nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì nếu đầy chư Phật trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như tre, lau, mía, lúa, mè, rừng cây, hoặc một kiếp, hoặc non một kiếp thuyết pháp, mỗi mỗi đức Phật độ vô lượng vô biên vô số chúng sanh, khiến vào Niết bàn. Chúng sanh ấy tánh cũng chẳng giảm, cũng chẳng tăng, vì sao? Vì chúng sanh không có gì của chính nó, vì chúng sanh xa lìa tướng; cho đến chúng sanh được chư Phật trong mười phương thế giới độ thoát cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn, do nhân duyên ấy, con nói như vậy: Người ấy muốn độ chúng sanh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, là muốn độ hư không.

Khi ấy có một tỳ kheo nói rằng: Muốn kính lễ Bát nhã ba la mật, trong Bát nhã ba la mật tuy không có pháp sanh, không có pháp diệt, mà có giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn; mà có các Tu đà hoàn, các Tư đà hàm, các A na hàm, các A la hán, các Bích chi Phật, có các Phật; mà có Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ kheo Tăng bảo, mà có Chuyển pháp luân.

LUẬN: Tu Bồ đề nghe Phật dạy Bát nhã ba la mật không có tướng khởi, tướng tác, nên nay ở trước Phật, nói Bát nhã ba la mật không làm gì. Nếu không làm là không thể dứt các phiền não, không thể tu tập các thiện pháp. Trong đây Phật nói nhân duyên: Từ tác giả cho đến hết thầy pháp đều không thể có được. Kẻ biết còn không có hưởng gì kẻ làm.

Tu Bồ đề nói: Nếu Bồ tát không tu hết thầy pháp, không được hết thầy pháp, hoặc thường hoặc vô thường, cho đến hoặc tịnh hoặc bất tịnh, ấy gọi là tu Bát nhã ba la mật.

Hết thầy pháp là từ sắc cho đến trí nhất thiết chủng, ấy là pháp hành của Bồ tát. Đối với pháp ấy, người vô trí hành các pháp thường v.v..., người trí hành các pháp vô thường v.v... Bát nhã ba la mật khai thị thật tướng các pháp, nên không nói các pháp là thường vô thường, vô thường tuy phá được điên đảo chấp thường; trong Bát nhã không thọ nhận pháp đó, vì nó có thể sanh tâm chấp trước, tư duy trừ lượng, tìm định tướng thường vô thường, không thể có được.

Hỏi: Sắc v.v... là pháp có tội lỗi có thể quán nó bất tịnh, khổ, còn các thiện pháp khác, làm sao quán nó bất tịnh, khổ?

Đáp: Đó là bất tịnh, khổ về mặt danh tự, như pháp tốt lành an ổn theo ý, gọi là thanh tịnh khoái lạc. Pháp không an ổn theo ý gọi là bất tịnh, khổ. Đối với pháp

lành người vui thích thì cho là tịnh, vui; người chán ghét không mừng thì cho là bất tịnh, khổ.

Tu bồ đề nghĩ rằng: Nếu lìa các phép quán, chắc sẽ đầy đủ Bồ tát đạo ư? Thế nên Phật dạy: Nếu không tu sắc v.v... chẳng đầy đủ (viên mãn) là tu Bát nhã ba la mật.

Sắc đầy đủ là đối với sắc pháp v.v... ức tướng phân biệt thường, vô thường v.v... ấy gọi là đầy đủ.

Sắc không đầy đủ là đối với sắc pháp v.v... dùng quán vô thường v.v... phá thường v.v... ấy gọi là không đầy đủ, vì thiếu thường v.v... Nay đối với sắc cũng không tu vô thường quán, nên nói là không tu sắc ... không đầy đủ, ấy là tu Bát nhã ba la mật.

\* Lại nữa, có người nói đầy đủ là Bồ tát bồ xứ thật quán đúng như sắc, cho đến trí nhất thiết chủng, ấy gọi là đầy đủ, ngoài ra là không đầy đủ. Nếu Bồ tát không tu sắc v.v... không đầy đủ, tức là tu Bát nhã ba la mật đầy đủ, vì sao? Vì sắc chẳng đầy đủ, tức là phi sắc, vì sắc chẳng phải tướng thường.

Phật dạy: Đưa chúng sanh ra khỏi thường, đặt trong không sở hữu, vì theo âm thanh ngữ ngôn nên nói thật thanh tịnh; cũng không tu như vậy, ấy là tu Bát nhã ba la mật.

Khéo nói đạo phi đạo nên Tu bồ đề nói: Hy hữu! Ngại là phi đạo, vô ngại là đạo (Kinh Đ?i Bát Nhã ghi: Chấp trước là phi đạo, không chấp trước là đạo - N.D).

Phật xem tâm chúng hội phần nhiều hoài hướng đến "Không", biết Bát nhã ba la mật không có tướng ngại, nên nói không tu sắc v.v... vô ngại, là tu Bát nhã ba la mật. Tu được như vậy, đối với sắc pháp v.v... vô ngại.

Tu bồ đề tuy không cứu xét cùng tột lý rốt ráo không, mà thường vui nói pháp "Không" hy hữu ấy trái với hết thảy pháp thế gian. Phật chấp nhận lời Tu bồ đề nói; hoặc nói hoặc chẳng nói, đều không tăng không giảm, là thật tướng các pháp. Nếu lấy thân nghiệp hủy hoại cũng không thể làm cho khác đi, huống gì dùng miệng nói, vì tướng thường chẳng sanh, thí như hư không. Hư không là Bát nhã ba la mật, người huỷ hoại là hành giả, hành giả tuy do tội nghiệp nhân duyên sanh, là pháp hư dối, vì hợp với Bát nhã ba la mật nên không có khác, như các thứ màu sắc, đến bên núi Tu di, đồng là kim sắc. Thật tướng các pháp không thể biết, không thể nói, cho nên hoặc nói hoặc không nói, đều vẫn như cũ không đổi khác.

Bấy giờ Tu bồ đề nghĩ rằng: "Nếu các pháp rốt ráo không, không có sở hữu gì như hư không, cho đến không có tướng vi tế, mà Bồ tát hay tu tập thiện pháp, được đạo vô thượng, việc ấy khó tin khó nhận". Nghĩ như vậy rồi bạch Phật rằng: Việc các Bồ tát làm rất khó, làm được việc khó, cho nên lễ bái, nghĩa là hay phát thệ nguyện lớn trang nghiêm. (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Mặc áo giáp công đức - N.D). Tu bồ đề với tâm cho là hư hữu nói: Bồ tát ma ha tát vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà đại thệ trang nghiêm, nên tất cả trời người đều nên lễ bái.

Hỏi: Làm sao biết đó là đại thệ trang nghiêm?

Đáp: Trong đây Tu bồ đề tự nói thí dụ: Như có người vì hư không nên siêng tu tinh tấn, vì lợi ích nên đại thệ trang nghiêm. Bồ tát vì lợi ích chúng sanh nên siêng tu tinh tấn cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người muốn độ hư không, Bồ tát ma ha tát muốn độ chúng sanh cũng như vậy.

Hỏi: Chỉ một việc cứ sao nói lại?

Đáp: Lợi ích là chưa được Niết bàn, chỉ làm cho được trí tuệ, thiên định v.v..., vui đời này, đời sau. Muốn độ là làm cho được hết lậu hoặc, thành đạo Tam thừa; vào Vô dư Niết bàn. Như hư không, không sanh không diệt, không khổ không vui, không mở không trói, vì không có sở hữu gì, chúng sanh cũng như vậy. Thế nên nói: Bạch đức Thế Tôn, vì độ chúng sanh hư không nên đại thệ, trang nghiêm. Như hư không, không có sắc không có hình, nếu có ý muốn rốt ráo không, là khó. Chúng sanh pháp cũng rốt ráo không như vậy, mà Bồ tát muốn đưa chúng sanh ba cõi vào trong Niết bàn, thế nên gọi là đại thệ trang nghiêm.

Tu bồ đề lại tán thán Bồ tát ấy có sức tinh tấn lớn, không theo tâm tà nghi, nên tuy chưa được Phật đạo, chưa diệt các kiết sử, mà có thể đồng mãnh lớn, tu được Bồ tát đạo, vì chúng sanh như vậy, chúng sanh cũng không. Thí như lấy các màu sắc muốn vẽ lên hư không. Trong đây Phật nói nhân duyên chúng sanh không, là chư Phật mười phương như hằng hà sa, dùng sức thần thông vì chúng sanh mà trải vô lượng kiếp thuyết pháp, mỗi mỗi Phật độ vô lượng vô số chúng sanh vào Niết bàn; giả sử như vậy, đối với chúng sanh không có giảm ít đi. Nếu thật có chúng sanh, thật có giảm ít, thời lẽ đáng chư Phật có tội làm giảm ít chúng sanh. Nếu chúng sanh thật "Không", chỉ vì nhân duyên hòa hợp nên có chúng sanh giả danh, không có định tướng, nên bấy nhiêu Phật độ chúng sanh, thật chúng sanh không giảm ít. Nếu không độ cũng không tăng, thế nên chư Phật không có cái lỗi làm giảm ít chúng sanh. Thế nên nói Bồ tát muốn độ chúng sanh là muốn độ hư không.

Bấy giờ có một tỳ kheo, nghe nói tướng rất ráo không, vừa kinh hãi vừa mừng nói: Tôi sẽ lễ bái Bát nhã ba la mật; trong Bát nhã ba la mật không có pháp có tướng thật nhất định, mà vẫn có chúng sanh và nghiệp báo.

KINH: Bấy giờ, Thích đề hoàn nhân nói với Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát tu tập Bát nhã ba la mật, là tu tập pháp gì?

Tu bồ đề đáp: Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát tu tập Bát nhã ba la mật là tu tập "Không".

Thích đề hoàn nhân bạch Phật, bạch đức Thế Tôn, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, con sẽ thủ hộ thế nào?

Bấy giờ Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nhân: Kiền thi ca, và chẳng ông thấy pháp ấy có thể thủ hộ chẳng?

Thích đề hoàn nhân đáp: Thưa không, Tu bồ đề! Tôi không thấy pháp ấy có thể thủ hộ.

Tu bồ đề nói: Kiền thi ca, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, tu hành như lời trong Bát nhã ba la mật nói, tức là thủ hộ, nghĩa là thường không xa lìa đúng như Bát nhã ba la mật nói mà tu hành. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, hoặc người hoặc chẳng phải người, không tìm được chỗ thuận tiện để phá, nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, không xa lìa Bát nhã ba la mật.

Kiền thi ca, nếu người muốn thủ hộ kẻ tu hành Bát nhã ba la mật là muốn thủ hộ hư không.

Kiền thi ca, ý ông nghĩ sao? Ông có thể thủ hộ chiêm bao, rán nắng, bóng, tiếng vang, sự huyền hoá chẳng?

Thích đề hoàn nhân đáp: Không thể thủ hộ.

Nếu người muốn thủ hộ các Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy, chỉ luống tự khổ nhọc.

Kiền thi ca, ý ông nghĩ sao? Có thể thủ hộ sự biến hóa của Phật chẳng?

Thích đề hoàn nhân thưa: Không thể thủ hộ.

Nếu người muốn thủ hộ các Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Kiều thi ca, ý ông nghĩ ao? Có thể thủ hộ pháp tánh, thật tế, như như, bất khả tư nghĩ tánh chăng?

Thích đề hoàn nhân thưa: Không thể thủ hộ.

Nếu người muốn thủ hộ các Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Bầuỳ giờ Thích đề hoàn nhân hỏi Tu bồ đề! Làm sao Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, biết thấy các pháp như mộng, như rán nắng, như bóng, như tiếng vang, như huyễn, như hóa, các Bồ tát ma ha tát đúng như chỗ biết thấy nên không nghĩ mộng, không nghĩ đó là mộng, không nghĩ dùng mộng, không nghĩ ta mộng. Đối với rán nắng, bóng, tiếng vang, huyễn, hóa cũng như vậy.

Tu bồ đề nói: Kiều thi ca, nếu Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật; không nghĩ sắc, không nghĩ đó là sắc, không nghĩ dùng sắc, không nghĩ ta sắc, Bồ tát ma ha tát ấy cũng có thể không nghĩ mộng, không nghĩ là mộng, không nghĩ dùng mộng, không nghĩ ta mộng; cho đến hóa cũng không nghĩ hóa, không nghĩ là hóa, không nghĩ dùng hóa, không nghĩ ta hóa. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; cho đến nhất thiết trí, không nghĩ nhất thiết trí, không nghĩ là nhất thiết trí, không nghĩ dùng nhất thiết trí, không nghĩ ta nhất thiết trí. Bồ tát ấy cũng có thể không nghĩ mộng, không nghĩ là mộng, không nghĩ dùng mộng, không nghĩ ta mộng, cho đến hóa cũng vậy.

Như vậy Kiều thi ca, Bồ tát ma ha tát biết các pháp như mộng, như rán nắng, như bóng, như tiếng vang, như huyễn, như hóa.

LUẬN: Để thích liền hỏi: Tu bồ đề theo Phật được nghe dạy Bát nhã thậm thâm, vì tu tập pháp gì?

Tu bồ đề đáp: Các pháp đều qui về Niết bàn, nên hãy tu tập các pháp không, thế nên nói muốn tu tập Bát nhã ba la mật hãy tu tập không. Để thích là vua của người trời, đối với thế gian tự tại, có thể giúp cho sự cần thiết, nguyện làm kẻ thủ hộ. Nghe Bát nhã ba la mật ấy, hoan hỷ bạch Phật rằng: Con sẽ làm việc thủ hộ gì? Tùy theo chỗ người kia cần, con sẽ đều giúp cho. Tu bồ đề và một tỳ kheo theo pháp xuất gia, chỉ kính lễ mà thôi. Các ác quỷ thường xúc não người ấy, Ma hoặc Ma dân thường xúc não người tu, thế nên hỏi Phật: Con sẽ lấy việc gì thủ hộ, hoặc tự mình thủ hộ, hoặc sai đệ tử, hoặc sai quan thuộc hầu hạ, tùy theo Phật dạy.

Tu bồ đề biết Bát nhã ba la mật có vô lượng lực, lại biết ý Phật muốn khiến cho Bát nhã ba la mật Phật quý trọng, không cần thọ ân, cho nên nói với Đế thích:



Kiều thi ca, trong Bát nhã ba la mật, tất cả đều không, như huyễn, như mộng, và ông thấy nhất định có một pháp có thể thủ hộ ư?

Đề thích đáp: Thừa không.

Nếu có một pháp có thể thấy, thời không gọi là Bát nhã ba la mật rốt ráo không. Nếu có một pháp không thể thấy, tại sao tôi sẽ làm việc gì để thủ hộ?

\* Lại nữa, Kiều thi ca! Nếu người tu an trú như trong Bát nhã ba la mật nói, tức là thủ hộ. Nếu Bồ tát nhất tâm tín thọ như trong Bát nhã ba la mật nói, tư duy nhớ nghĩ đúng, vào thiền định quán thật tướng các pháp, được trí tuệ về rốt ráo không, tương ứng với vô sanh pháp nhẫn, vào địa vị Bồ tát. Người như vậy không tiếc thân mạng, huống gì vật bên ngoài? người này không cần thủ hộ. Thủ hộ là ngăn các điều khổ não, khiến được an vui. Người này lìa hết thấy pháp thế gian, nên không có ưu sầu khổ não; được việc thế gian không lấy làm mừng, mất việc thế gian không lấy làm lo, nghĩa là thường không lìa hạnh Bát nhã ba la mật như đã nói. Nếu người tu một thời gian, sau trở lại bị mất, thời nên cần thủ hộ; nếu thường không lìa Bát nhã ba la mật như đã nói, thời không cần thủ hộ. Như quỷ Dạ xoa Già la lấy nắm tay đánh trên đầu Xá lợi phất, trong lúc Xá lợi phất vào Diệt tận định, không biết đánh đau. Khí phần của Bát nhã ba la mật tức là Diệt tận định. Thế nên người hoặc phi nhân không thể tìm được thuận tiện để phá.

Lược nói có hai nhân duyên không cần thủ hộ, mà hoặc người hoặc phi nhân không tìm được thuận tiện để phá: 1. Đối với thân cho đến hết thấy pháp đều chán lìa, vì không có ta, không có của ta, nên không dính mắc gì, như chém cỏ cây, không sanh ưu sầu. 2. Được vô thượng diệu pháp nên được mười phương chư Phật, Bồ tát, chư thiên thủ hộ.

\* Lại nữa, thí như người muốn thủ hộ hư không, đối với hư không, mưa không thể hại, nắng gió không thể khô, đao trượng không thể cắt; nếu có người muốn thủ hộ hư không, thì chỉ luống tự mình khổ nhọc, đối với hư không vô ích. Nếu người muốn thủ hộ Bồ tát tu Bồ tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy, muốn làm cho việc này được rõ ràng nên hỏi ông có thể thủ hộ hư không và người thấy trong mộng, và bóng, tiếng vang, huyễn hóa chẳng? Đáp: Thừa không, vì pháp ấy chỉ dối tâm và mắt, tạm hiện ra liền mất, làm sao thủ hộ được! Bồ tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy, quán năm uẩn hư dối như mộng. Như pháp vô vi, như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh không thể thủ hộ cũng không có lợi ích. Bồ tát tu Bát nhã biết thân giống như như như, pháp tánh, thật tế

không phân biệt, khi được lợi cúng dường không mừng, khi phá hoại mất không lo, người như vậy đâu cần thủ hộ?

Bấy giờ Đế Thích tham quý trí tuệ như mộng ấy, còn Bồ tát được lực trí tuệ ấy không cần sự thủ hộ bên ngoài, cho nên hỏi Tu bồ đề: Làm sao Bồ tát biết pháp không ấy như mộng? Đúng như điều được biết thấy không nghĩ đến mộng v.v... mộng huyễn v.v... dụ cho năm uẩn, người chấp trước năm uẩn, không chấp trước mộng. Muốn khiến lìa việc chấp trước, nên lấy việc không chấp trước làm ví dụ. Muốn khiến quán năm uẩn như mộng, nhưng đối với mộng lại sanh chấp trước; nên Đế Thích hỏi như mộng cũng không chấp trước là mộng. Đối người phạm phu lấy mộng dụ năm uẩn, họ lại chấp trước mộng mà nói rằng: "chắc chắn có mộng, sinh ra trong khi ngủ", thế ấy gọi là *nghĩ đến mộng*. Mộng ấy xấu, mộng ấy tốt, phân biệt như vậy, ấy gọi là *nghĩ đến mộng ấy*. Mộng được việc tốt thời tâm cao, được việc xấu, thời tâm sâu, lại dùng mộng ấy để thí dụ, mà hiểu được thật trí tuệ như mộng, ấy gọi là *nghĩ đến dùng mộng*. Nghe thí dụ ấy, nói ta nhân mộng ấy mà biết được các pháp như mộng, ấy gọi là *nghĩ đến ta mộng*. Các thí dụ khác cũng như vậy.

Bấy giờ Tu bồ đề đáp Đ? thích: Nếu hành giả không nghĩ đến sắc là không nghĩ đến sắc, ấy là sắc người, sắc phi nhân, sắc cây, sắc núi, là sắc bốn đại, sắc bốn đại tạo ra v.v... không nghĩ đến sắc ấy, hoặc thường hoặc vô thường v.v... cũng không vì sắc nên sanh tâm kiêu mạn; không nghĩ đến sắc là của ta, mà vào cửa vô ngã, thẳng đến trong thật tướng các pháp. Người ấy có thể không nghĩ đến mộng v.v... dùng các thí dụ mộng v.v... phá tâm chấp năm uẩn, phá chấp trước nên đối với mộng cũng không sai lầm. Nếu không thể phá chấp trước sắc, người ấy đối với sắc có sai lầm, đối với mộng cũng sai lầm. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Huyền, rần nắng, tiếng vang, bóng, hóa v.v... cũng như vậy. Các Bồ tát biết các pháp như mộng, đối với mộng cũng không nghĩ đến tướng.

KINH: Bấy giờ do thần lực Phật nên trong ba ngàn đại thiên thế giới các trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Thiếu quang, cho đến trời Tịnh cư. Các chư thiên ấy dùng hương Chiên đàn trời từ xa rải lên trên Phật, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, trời Tứ thiên vương, trời Đế Thích, và trời Ba mươi ba, vua Phạm thiên cho đến các trời Tịnh cư, nhờ thần lực Phật nên thấy được ngàn đức Phật ở phương đông thuyết pháp; cũng tướng mạo như vậy, danh tự như vậy, nói phẩm

Bát nhã ba la mật ấy. Các tỳ kheo đều có tự hiệu Thích đề hoàn nhân. Phương nam, tây, bắc Tu bồ đề, các người vấn nạn phẩm Bát nhã ba la mật đều có tự bốn góc trên dưới cũng mỗi mỗi ngàn đức Phật hiện ra như vậy.

Bấy giờ, Phật bảo Tu bồ đề: Di lạc Bồ tát ma ha tát, khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng sẽ ở tại chỗ này thuyết Bát nhã ba la mật, như trong hiền kiếp các Bồ tát ma ha tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng sẽ ở tại chỗ này thuyết Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Di lạc Bồ tát ma ha tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, dùng tướng gì, nhân gì, nghĩa gì nói nghĩa Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Di lạc Bồ tát ma ha tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, sẽ thuyết pháp như vậy: Sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường; Sắc chẳng phải khổ chẳng phải vui, sắc chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, sắc chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh. Sẽ thuyết pháp như vậy: Sắc chẳng phải trói chẳng phải mở. Sẽ thuyết pháp như vậy: Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường chẳng phải vô thường cho đến chẳng phải trói chẳng phải mở. Sẽ thuyết pháp như vậy: Sắc chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Sẽ thuyết pháp như vậy: Sắc rất ráo tịnh; Thọ, tưởng, hành, thức rất ráo tịnh, cho đến nhất thiết trí rất ráo tịnh.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy thanh tịnh.

Phật dạy: Vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn, vì sao sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh; vì sao thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy: Nếu sắc không sanh không diệt, không nhớ không sạch, ấy là sắc thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức không sanh không diệt, không nhớ không sạch, ấy là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh.

\* Lại nữa, Tu bồ đề, vì hư không thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao vì hư không thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy: Hư không không sanh không diệt nên thanh tịnh, Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

\* Lại nữa, Tu bồ đề, vì sắc không ô nhiễm nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh, vì thọ, tưởng, hành, thức không ô nhiễm nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn, tại sao vì sắc không ô nhiễm nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức không ô nhiễm nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy: Như hư không, không thể ô nhiễm nên hư không thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn, vì sao như hư không, không thể ô nhiễm nên hư không thanh tịnh?

Phật dạy: Hư không, không thể chấp thủ nên hư không thanh tịnh. Vì hư không thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

\* Lại nữa, Tu bồ đề, vì hư không có thể nói nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn, vì sao hư không có thể nói nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy: Nhân nơi hư không mà có hai âm thanh xuất hiện. Nên bát nhã ba la mật cũng như hư không, vì có thể nói nên thanh tịnh. Tu bồ đề, vì hư không không thể nói nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

\* Lại nữa, vì như hư không không thể đắc, nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn, vì sao như hư không không thể đắc, nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy: Như hư không không có tướng sở đắc, Bát nhã ba la mật cũng như hư không, không có tướng sở đắc nên thanh tịnh.

\* Lại nữa, Tu bồ đề, hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Vì sao hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy: Vì hết thảy pháp rốt ráo thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

LUẬN: Bát nhã ba la mật tuy đều thậm thâm, song trong phẩm này nói rõ ràng thật tướng các pháp, nên chư thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới đem các đồ cúng dường đến cúng dường Phật, rồi đứng một bên.

Hỏi: Chính chư thiên trên kia, nay trở lại ư?

Đáp: Có người nói: Việc đã làm lâu nên đi rồi trở lại. Có người nói: Còn có trời mới đến. Vì muốn khiến tín thọ Bát nhã, nên mười phương mỗi mặt đều có ngàn đức Phật hiện. Người ấy có nhân duyên đại phước đức nên thấy được ngàn đức Phật, và nhờ thần lực của Phật mà mọi người tại hội đều thấy mười phương Phật. Chỗ thấy của trời người có hạn, không phải oai thần của Phật thì không do đâu thấy được chư Phật kia. Người ở trước Phật nói pháp, đều có tự hiệu Tu bồ đề, những người nạn vấn đều có tự hiệu Thích đề hoàn nhân. Lấy tự hiệu đồng nhau như vậy có ngàn người.

Khi ấy Tu bồ đề, Đế thích đều hoan hỷ nói: Chẳng phải riêng tôi có thể nói có thể hỏi. Phật muốn chứng minh việc ấy nên dẫn rộng việc ấy, nói Di lạc và Bồ tát trong Hiền kiếp, ở nước Ma già đà, thành Vương xá, núi Kỳ xà quật nói Bát nhã ba la mật. Như trong Kinh nói: Di lạc Bồ tát đem đại chúng đi đến núi Kỳ xà quật, lấy ngón chân mở đỉnh núi, thân cốt Ma ha ca diếp mặc áo Tăng già lê, cầm gậy tích mang bình bát từ núi đi ra, Di lạc nói với đại chúng rằng: Có đức Phật Thích ca Mâu ni thời quá khứ, lúc con người sống trăm tuổi, người này là người biết đủ ít muốn, tu hạnh Đầu đà đệ nhất trong hàng đệ tử, đủ sáu thần thông, được ba minh: thường thương xót lợi ích chúng sanh, nên dùng lực thần thông, khiến thân cốt ấy tồn tại đến nay. Nhân nơi thân nhỏ ấy còn được lợi như vậy, huống gì thân các ông lớn, thân lớn lại sanh vào đời tốt, mà không thể tự lợi.

Bấy giờ, Di lạc nhân việc ấy mà nói pháp rộng rãi, khiến vô lượng chúng sanh được dứt hết khổ.

Do việc ấy, biết Di lạc ở trong núi Kỳ xà Quật thuyết pháp Bát nhã ba la mật ấy, chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều nói, hãy nên tín thọ.

Tu bồ đề hỏi: "Di lạc lấy tướng gì, nhân gì, lấy pháp môn gì để nói?" Phật dạy: Nói như Ta nói. Các pháp sắc v.v... chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải trói chẳng phải mở, như đã nói trước đây. Cũng không nói sắc quá khứ, vị lai, hi?n tại. Như Niết bàn ra ngoài ba cõi, các pháp sắc v.v... cũng như vậy, như trước đây nói hết thấy pháp như tướng Niết bàn. Di lạc cũng như vậy.

Bấy giờ, Tu bồ đề hoan hỷ bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy thanh tịnh đệ nhất.

Phật dạy: Vì các pháp sắc v.v... thanh tịnh nên Bát nhã tịnh. Vì nhân quả giống nhau.

Các pháp sắc v.v... thanh tịnh là sắc pháp không mất nghiệp nhân duyên và không thủ đắc các pháp nhất định thật có tướng sanh, nên chẳng sanh chẳng diệt. Vì tướng các pháp thường không ô nhiễm nên chẳng như chẳng sạch. Trong đây nói thí dụ, là muốn làm cho sự việc rõ ràng. Như hư không, bụi và nước không dính, vì tánh nó thanh tịnh. Bát nhã ba la mật cũng như vậy, vì chẳng sanh chẳng diệt nên thường thanh tịnh. Như hư không, không thể bị ô nhiễm, Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Tuy tà kiến hý luận, không thể làm ô nhiễm; đao gây việc dữ không thể phá hoại; không có sắc không có hình nên không thể chấp thủ. Không thể chấp thủ thời không thể ô nhiễm.

\* Lại nữa, các Bồ tát trú trong trí biện tài vui nói không ngại, vì chúng sanh nói mười hai bộ kinh, 84.000 pháp tụ. Đều là một việc Bát nhã ba la mật; mà phân biệt nói ra nhiều cách. Thế nên nói Bát nhã ba la mật có thể nói, thanh tịnh như hư không, nhân nói hư không và hang núi, có người từ miệng phát ra âm thanh giữa trống, nhân nơi hai âm thanh nên gọi là tiếng vang. Như tiếng vang giữa không, tiếng nơi miệng cũng như vậy. Hai thứ tiếng ấy đều hư dối không thật; mà người ta cho tiếng là thật còn vang là hư dối. Bát nhã cũng như vậy. Hết thấy pháp đều rất ráo không, như huyễn, như mộng; pháp phàm phu, pháp thánh đều là hư dối. Tiểu Bồ tát cho pháp phàm phu là hư dối, pháp thánh là thật.

Hỏi: Cả hai đều hư dối, có sao tiểu Bồ tát cho pháp phàm phu là hư dối, pháp thánh là thật?

Đáp: Pháp thánh do công đức trì giới, thiền định, trí tuệ, tu tập mà thành, cho nên cho là thật, vì pháp phàm phu tự nhiên có, như vang tự nhiên phát ra, chẳng phải do người làm nên cho là hư dối. Chúng sanh từ vô thủy lại đây, chấp trước thân này, tiếng từ thân phát ra cho là thật; tiểu Bồ tát vui sâu thiện pháp nên cho là thật.

\* Lại nữa, như giữa hư không, không có tướng âm thanh ngữ ngôn, nên không thể nói âm thanh ngữ ngôn đều là pháp làm ra, còn hư không là pháp không làm ra. Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Thâm nghĩa đệ nhất rất ráo không, không có ngôn thuyết, hết thấy đường ngôn thuyết dứt.

\* Lại nữa, như hư không, không có tướng sở đắc, chẳng đắc có, chẳng đắc không có. Hoặc có, thì không có tướng như trước phá tướng hư không; hoặc không có, thì chính nhân nơi hư không tạo ra vô lượng việc. Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Tướng có, tướng không có đều bất khả đắc nên thanh tịnh.

\* Lại nữa, Bát nhã ba la mật, nhân ức niệm đúng các pháp mà phát sanh, ức niệm đúng là rốt ráo "Không" thanh tịnh, nên hết thấy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhớ chẳng sạch.

*(Hết cuốn 64 theo bản Hán).*

--o0o --

## Cuốn 65

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì Bát nhã ba la mật và thân cận, nhớ nghĩ đúng, thời trọn không bị bệnh mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; thân không tàn tật, cũng không suy già, trọn không bị hoạn tử. Vô số trăm ngàn vạn ức chư thiên, trời Tứ thiên vương, cho đến trời Tịnh cư, đều đi theo nghe, lãnh thọ. Sáu ngày trai là mỗi tháng mùng 8, 23, 14, 15, 29, 30, chư thiên tu hội; thiện nam tử làm pháp sư, tại chỗ thuyết Bát nhã ba la mật, chư thiên đều tập đến. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy ở giữa đại chúng nói Bát nhã ba la mật, được phước đức vô lượng vô biên vô số, không thể nghĩ bàn, không thể cân lường.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, nếu trong sáu ngày trai mỗi tháng là mùng 8, 23, 14, 29, 15, 30, mà ở trước chư thiên ấy thuyết Bát nhã ba la mật, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước đức vô lượng vô biên vô số không thể nghĩ bàn, không thể cân lường, vì sao? Tu bồ đề! Vì Bát nhã ba la mật là trân bảo lớn. Thế nào là trân bảo lớn? Là Bát nhã ba la mật ấy, cứu được địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ và người bán cùng, hay cấp cho dòng lớn Sát lợi, Bà la môn, đại gia cư sĩ; cấp cho Tứ thiên vương thiện xứ, cho đến phi hữu tướng, phi vô tướng xứ; cấp cho quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, Bích chi Phật đạo, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật có nói rộng đến mười thiện đạo, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần; Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật. Nói rộng nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, nói rộng Phật mười lực, cho đến trí nhất thiết chủng. Từ trong pháp ấy học, xuất sanh ra dòng Sát lợi, Bà la môn, đại gia cư sĩ; xuất sanh ra trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm Thân, trời Phạm Phụ, trời Phạm Chúng, trời Đại Phạm, trời Quang, trời Thiểu Quang, trời Vô lượng quang, trời Quang Âm, trời Tịnh, trời Thiểu Tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời A tra bà già, trời Phước Sanh, trời Quảng Quả, trời Vô tướng, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc cứu cánh, trời Không vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi hữu tướng, Phi vô tướng xứ. Học từ trong pháp ấy, được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, được Bích chi Phật đạo, được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì vậy Tu bồ đề, nên Bát nhã ba la mật gọi là trân bảo lớn (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Bát nhã ba la mật như vậy gọi là bảo tạng lớn, trân bảo công đức xuất thế gian, đều nương Bát nhã ba la mật thâm thâm mà xuất hiện N.D). Trong trân bảo



Ba la mật không có pháp khả đắc, hoặc sanh hoặc diệt, hoặc nơ hoặc sạch, hoặc thủ hoặc xả; trong trần bảo Ba la mật cũng không có pháp hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi; vì vậy, Tu bồ đề nên gọi là trần bảo Ba la mật không sở đắc.

Tu bồ đề, trần bảo Ba la mật ấy không có pháp làm ô nhiễm được, vì sao? Vì pháp ô nhiễm không thể có được. Tu bồ đề, vì vậy gọi là vô nhiễm Ba la mật.

Tu bồ đề, nếu Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, cũng không biết như vậy, cũng không phân biệt như vậy, cũng không được như vậy, cũng không hý luận như vậy, ấy có thể tu hành Bát nhã ba la mật, cũng có thể lễ cấn chư Phật, từ một nước Phật đi đến một nước Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán chư Phật; dạo qua các cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu bồ đề, Bát nhã ba la mật ấy, đối với các pháp không có lực, không có phi lực, cũng không có nhận, không có cho, không sanh không diệt, không nơ không sạch, không tăng không giảm. Ba la mật ấy cũng chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, không bỏ cõi Dục, không trú cõi Dục, không bỏ cõi Sắc, không trú cõi Sắc. Bát nhã ba la mật ấy không cho cũng không bỏ Thí ba la mật, không cho cũng không bỏ Giới ba la mật, không cho cũng không bỏ Nhẫn ba la mật, không cho cũng không bỏ Tấn ba la mật, không cho cũng không bỏ Thiên ba la mật, không cho cũng không bỏ Bát nhã ba la mật; không cho cũng không bỏ nội không, cho đến không cho cũng không bỏ vô pháp hữu pháp không, không cho cũng không bỏ bốn niệm xứ, cho đến không cho cũng không bỏ tám thánh đạo phần; không cho cũng không bỏ Phật lực, cho đến không cho cũng không bỏ quả Tu đà hoàn, cho đến không cho cũng không bỏ quả A la hán, không cho cũng không bỏ Bích chi Phật đạo, cho đến không cho cũng không bỏ trí nhất thiết chủng.

Bát nhã ba la mật ấy không cho pháp A la hán, không bỏ pháp phàm phu; không cho pháp Bích chi Phật, không bỏ pháp A la hán; không cho pháp Phật, không bỏ pháp Bích chi Phật.

Bát nhã ba la mật ấy không cho pháp vô vi, không bỏ pháp hữu vi, vì sao? Vì có chư Phật hoặc không có chư Phật, tướng các pháp ấy thường trú không biến dị, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thường trú không làm không mất.

LUẬN: Hỏi: Hoặc thọ trì, nhớ nghĩ đúng Bát nhã, còn có các hoạn nạn, làm sao nói không bị bệnh mất v.v...?

Đáp: Việc này, phẩm công đức và địa ngục ở trên đã nói rộng. Đó là nói nghiệp chẳng phải chắc chắn thọ báo, nên không có các hoạn nạn, lại thường thọ trì, nhớ nghĩ đúng; thật hành Bát nhã như đã nói, nên không có các hoạn nạn; thí như thuốc hay trị được các bệnh, nếu không chữa trị thích hợp, thời không lành bệnh, không phải lỗi tại thuốc. Lại như người tuy có khí cụ, mà không ngăn được nạn, chẳng phải lỗi tại khí cụ, người tu cũng như vậy, đời trước tội nặng, đời nay không tu đúng như điều được nói, nên không có thể lực Bát nhã, chứ chẳng phải lỗi tại Bát nhã.

Hỏi: Trên trời cũng có Bát nhã ba la mật, có sao chư thiên trong sáu ngày trai, đi theo người mang thân bất tịnh, cầu nghe nói Bát nhã?

Đáp: Trên trời có kinh quyền, truyền nghe như vậy, chẳng phải chính Phật nói. Nếu có thì trên trời Đạo lợi, trời Đâu suất sẽ có, vì sao? Vì khi A tu la chiến đấu với trời Đạo lợi, Phật dạy Đế thích ông nên tụng niệm Bát nhã, còn trên trời Đâu suất thường có Bồ tát bồ xứ, nói cho hàng chư thiên, nên có thể có Bát nhã. Chư thiên cõi Sắc, thân và y phục nhẹ mỏng vi tế, thường ưa yên lặng, hưởng mùi vị thiên định, cho nên không thể có kinh quyền Bát nhã. Chư thiên đắm hai thứ vui là vui ngũ dục và vui thiên định; không thể siêng chép, thọ trì Bát nhã ba la mật. Còn người cõi Diêm phù đề, thường tinh tấn, viết chép, trì tụng, thọ học, nhớ nghĩ đúng, như kinh nói người cõi Diêm phù đề do ba nhân duyên mà hơn chư thiên và người cõi Uất đơn việt (Bắc Cu lô châu): 1. Có thể đoạn dâm dục. 2. Có sức nhớ biết. 3. Tinh tấn dũng mãnh. Người cõi Diêm phù đề hay viết chép, đọc tụng, thọ trì nên chư thiên xuống đến lễ bái kinh quyền Bát nhã, hoàu7841?c muốn nghe nói.

Lại có người nói: Trên trời nếu có kinh quyền, còn từ xa đi đến cúng dường, thì phước đức tăng thêm. cầu Bát nhã ba la mật không biết chán đủ. Cũng có trời Bồ tát muốn làm cho Bát nhã tôn trọng, nên xuống đến, muốn làm cho chúng sanh càng thêm tin kính, chư thiên còn đi đến, hưởng gì chúng ta? Hành giả hoặc nghe mùi thơm, hoặc thấy ánh sáng, có những việc hy hữu như thấy, cho nên thâm tâm tin ưa Bát nhã.

Lại người chưa lìa dục, ác quỷ, Ma dân thường tìm chỗ hở, làm cho rơi vào chỗ ác. Từ trời Tứ thiên vương cho đến trời Tịnh cư, là chư thiên có sức lớn đến, thì tiểu quỷ tránh đi. Bồ tát thường sanh đại tâm thanh tịnh, như phẩm trước nói, thế nên đi đến theo pháp sư.

Sáu ngày trai, chư thiên đi đến xem tâm người, ngày 15, ngày 30, trở lại báo với chư thiên.

\* Lại nữa, 6 ngày trai ấy là 6 ngày ác, làm cho người suy xấu, nếu có người trong các ngày ấy thọ 8 giới, trì trai, bố thí, nghe pháp, khi ấy chư thiên hoan hỷ, tiểu quý không được dễ dàng phá hoại, lợi ích người tu. Ngày ấy pháp sư lên tòa cao thuyết pháp. Có các nhân duyên như vậy, nên chư thiên đều đến. Người thuyết pháp tán thán vô lượng vô biên vô thượng pháp, tức là Bát nhã ba la mật, cũng được vô lượng vô biên phước đức. Nếu nói cho người, người độn căn, phước đức mỏng, nên được phước ít, nói cho chư thiên, chư thiên lợi căn, phước đức nhiều, ruộng phước tốt, nên được phước nhiều. Nên Phật dạy người tu trong các ngày trai ở giữa chư thiên và đại chúng nói Bát nhã, được phước vô lượng. Trong đây Phật hứa nhận lời Tu bồ đề nói, lại tự nói vô lượng nhân duyên của phước đức, đó là Bát nhã ba la mật. Đại thân Bát nhã ba la mật ấy như ngọc báu như ý; hay thỏa mãn ước nguyện của mọi người, còn Bát nhã ba la mật này hay làm thỏa mãn ước nguyện của tất cả chúng sanh, tức là khổ được vui.

Lìa khổ là Bát nhã ba la mật hay cứu vớt chúng sanh địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ và người nghèo cùng.

Cho vui là cho dòng lớn Sát lợi, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Pháp lành là nhân duyên của cái vui ấy, ở trong Bát nhã ba la mật có nói rộng. Đó là mười thiện đạo, cho đến nhất thiết trí, cũng như ngọc như ý, hay phát xuất y phục, ẩm thực, vàng bạc v.v... tùy ý cần dùng, Bát nhã ba la mật cũng như vậy, hay làm cho được mười thiện đạo, cho đến nhất thiết trí, dòng lớn Sát lợi cho đến Phật. Vì việc ấy nên gọi là thân bảo Ba la mật.

\* Lại nữa, thân bảo Ba la mật là như người được ngọc như ý, thời tùy ý cần chi đều được nấy; mất nó thời ưu não, còn Bát nhã ba la mật này chẳng sanh chẳng diệt, thường không mất; đời đời cho chúng sanh vui, cuối cùng làm cho được thành Phật. Như người được ngọc như ý thời tâm tự cao, khinh hèn người khác, ấy là nhân duyên suy hoại, nếu người được Bát nhã ba la mật thế gian, cũng phân biệt như vậy, đấm các thiện pháp, bỏ các ác pháp, sanh tâm cao ngạo, khinh miệt người khác, thời đó là mở cửa các tội. Còn trong thân bảo Bát nhã ba la mật, xuất thế gian Bát nhã ba la mật, không phân biệt lành chẳng lành, ấy gọi là đại thân bảo Ba la mật, hay làm lợi ích chúng sanh, rất ráo không ưu não. Thân bảo Ba la mật ấy, thiện pháp còn không làm ô nhiễm, hướng gì pháp bất thiện. Như trong đây nói, như vậy cũng chẳng có kẻ biết, như trên tướng nói Bát nhã, cũng không khởi lên là biết, không khởi lên là kẻ biết. Không thủ tướng cũng

không sanh tâm chấp đắm; không phân biệt, không tìm định tướng; ấy gọi là không có tội lỗi, không có pháp ái, dứt các hý luận. Như vậy, người chân thật tu hành Bát nhã ba la mật, dùng pháp lễ Phật, tự được lợi ích thật pháp, nên hay làm lợi ích chúng sanh; hay tự lia ác, hay khiến chúng sanh lia ác. Cho nên nghiêm tịnh được thế giới Phật; do lực phương tiện không sở đắc, nên biết pháp tướng rất ráo tịch tịnh, nhưng hay vì chúng sanh nên phân biệt các thiện pháp.

Bát nhã ba la mật rất ráo thanh tịnh, nên không có lực, không có phi lực, thí như hư không tuy không có pháp, mà nhân nơi hư không mới có được sở tác. Không có một pháp gì có tướng nhất định có thể thủ trước, nên không có lực; được thật tướng các pháp, đối các thiện pháp không ngại, cho đến hàng phục Ma quân mà thành Phật, chẳng phải không có lực.

Chẳng thọ lãnh chẳng cho, chẳng sanh chẳng diệt v.v... cho đến chẳng bỏ pháp hữu vi, chẳng cho pháp vô vi, cũng như vậy. Trong đây nói nhân duyên: Có Phật không có Phật, pháp tánh vẫn thường trú thế gian.

Các pháp tánh tức là thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là Bát nhã ba la mật. Nếu lấy thường vô thường mà tìm thật tướng các pháp, đều là sai lầm. Nếu người vào trong pháp tánh, thời không có sai lầm; vì pháp tánh thường nên chẳng diệt chẳng mất.

KINH: Bấy giờ các thiên tử đứng ở giữa hư không, phát âm thanh lớn, nhảy nhót vui mừng, lấy hoa Ưu bát la, hoa Ba đầu na, hoa Câu vật đầu, hoa Phân đà lệ rải trên Phật, nói như vậy: Chúng con ở cõi Diêm phù đề, thấy Phật chuyển pháp luân lần thứ hai, trong ấy vô lượng trăm ngàn thiên tử, được vô sanh pháp nhẫn.

Phật bảo Tu bồ đề: Pháp luân ấy chẳng phải chuyển lần thứ nhất, chẳng phải chuyển lần thứ hai. Bát nhã ba la mật chẳng vì chuyển nói mà xuất hiện, chẳng vì qui hoàn mà xuất hiện, vì vô pháp hữu pháp không.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tại sao vì vô pháp hữu pháp không nên Bát nhã ba la mật chẳng vì chuyển nói chẳng vì qui hoàn nên xuất hiện?

Phật dạy: Bát nhã ba la mật, tướng Bát nhã ba la mật không; cho đến Thí ba la mật, tướng Thí ba la mật không; nội không, tướng nội không không, cho đến vô pháp hữu pháp không, tướng vô pháp hữu pháp không không; bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ không, cho đến tám Thánh đạo phần, tướng tám Thánh đạo phần không; Phật mười lực, tướng Phật mười lực không, cho đến mười tám

pháp không chung, tướng mười tám pháp không chung không; quả Tu đà hoàn, tướng quả Tu đà hoàn không; quả Tu đà hàm, tướng quả Tu đà hàm không; quả A la hán, tướng quả A la hán không; Bích chi Phật đạo, tướng Bích chi Phật đạo không; trí nhất thiết chủng, tướng trí nhất thiết chủng không.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát là đại Ba la mật, vì sao? Vì tuy hết thảy pháp tự tướng không, mà các Bồ tát ma ha tát nhân nơi Bát nhã ba la mật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng không có pháp có thể được chuyển pháp luân, cũng không có pháp có thể chuyển, cũng không có pháp có thể hoàn; ở trong đại Ba la mật ấy, cũng không có pháp có thể thấy, vì sao? Vì pháp ấy không thể có được, hoặc chuyển hoặc hoàn, vì hết thảy pháp rốt ráo chẳng sanh, vì sao? Vì tướng không, không thể chuyển, không thể hoàn; tướng vô tướng không thể chuyển không thể hoàn tướng vô tác, không thể chuyển không thể hoàn. Nếu nói Bát nhã ba la mật được như vậy, giáo hóa, chiếu soi, khai mở, chỉ bày, phân biệt hiển hiện, giải thích, cạn dễ, người giáo hóa được như vậy, gọi là thanh tịnh nói Bát nhã ba la mật, cũng không có người nói, cũng không có người lãnh thọ, cũng không có người chứng. Nếu không có nói, không có thọ, không có chứng, cũng không có người diệt hoại, đối với người thuyết pháp ấy cũng không có phước điền rốt ráo nhất định.

LUẬN: Chư thiên nghe nói Bát nhã, rất vui mừng nhảy nhót, chư thiên thân nhẹ căn lợi, phân biệt chấp tướng, biết có nhẹ nặng, nghe nói Bát nhã ba la mật rốt ráo thanh tịnh, thật tướng bình đẳng, đại lợi ích cho chúng sanh, không chi hơn được, nên nhảy nhót vui mừng, khởi thân nghiệp khẩu nghiệp, mang đồ cúng dường, hoa sen v.v... cúng dường Phật, nói rằng: Chúng con ở tại cõi Diêm phù đề, thấy Phật chuyển pháp luân lần thứ hai.

Hỏi: Ban sơ thuyết pháp khiến người đắc đạo, gọi là chuyển pháp luân, sao nay nói pháp luân chuyển lần thứ hai? Nếu do Phật nói gọi là chuyển pháp luân; đều là pháp luân, chứ đâu có giới hạn lần thứ hai?

Đáp: Ban sơ thuyết pháp gọi là định thật một pháp luân, nhân chuyển nói ban đầu cho đến khi pháp tận, chung gọi là chuyển. Chư thiên thấy trong chúng hội nay có nhiều người phát tâm Vô thượng đạo, được vô sanh pháp nhẫn, vì thấy lợi ích ấy, nên tán thán nói chuyển pháp luân thứ hai. Sơ chuyển pháp luân, tám vạn chư thiên được vô sanh pháp nhẫn, một mình A nhã Kiều trần như được sơ đạo quả (Dự lưu), nay vô lượng chư thiên được vô sanh pháp nhẫn, thế nên nói chuyển pháp luân thứ hai; nay chuyển pháp luân giống như sơ chuyển.

Hỏi; Nay chuyển pháp luân, nhiều người đắc đạo, sơ chuyển pháp luân người đắc đạo ít, cứ sao lấy lớn dụ nhỏ.

Đáp: Việc của chư Phật có hai thứ: 1. Mật. 2. Hiển. Sơ chuyển pháp luân, người Thanh văn thấy tám vạn một người được Sơ đạo quả, hàng Bồ tát thấy vô lượng vô số người được Thanh văn đạo, vô số người gieo nhân Bích chi Phật đạo, vô lượng vô số người phát tâm vô thượng đạo, vô lượng vô số người tu sáu Ba la mật đạo, được các môn tam muội Đà la ni sâu xa, mười phương vô lượng chúng sanh được vô sanh pháp nhẫn. Vô lượng vô số chúng sanh trụ từ Sơ địa cho đến Thập địa, vô lượng vô số chúng sanh được còn đòi bỏ xứ làm Phật, vô lượng vô số chúng sanh được ngồi đạo tràng, nghe pháp ấy mau thành Phật đạo.

Có bất khả tư nghĩ tướng như vậy, ấy gọi là tướng mật chuyển pháp luân, thí như mưa lớn, cây lớn thời hưởng nhiều, cây nhỏ thời hưởng ít, vì vậy nên biết sơ chuyển pháp luân cũng lớn. Lấy sau thí dụ trước, không có lỗi.

*Chuyển pháp luân chẳng phải một chẳng phải hai* là vì rốt ráo không, và vì quả báo chuyển pháp luân là Niết bàn nên nói như vậy, ấy là trong nhân nói quả. Pháp luân tức là Bát nhã ba la mật, tướng Bát nhã ba la mật không khởi không tác, cho nên không chuyển không hoàn. Như trong 12 nhân duyên, nói vô minh rốt ráo không, nên không thể thật sanh ra các hành v.v... vô minh hư vọng điên đảo, không có thật nhất định, cho nên không có pháp có thể diệt. Nói pháp sanh thế gian nên gọi là chuyển. Nói pháp diệt thế gian, nên gọi là hoàn. Trong Bát nhã ba la mật không có hai việc ấy, nên nói không chuyển không hoàn. Vì vô pháp hữu pháp không; vô chuyển là hữu pháp không, vô hoàn là vô pháp không.

Hỏi: Có gì Tu bồ đề hỏi câu: Vì hữu pháp không, nên Bát nhã ba la mật không vì chuyển, không vì hoàn mà xuất hiện; nhưng Phật lại lấy "Không" mà đáp?

Đáp: Có người nói: Các pháp có 4 tướng: 1. Nói có. 2. Nói không. 3. Nói cũng có cũng không. 4. Nói chẳng phải có chẳng phải không. Vì tà ức niệm đối 4 thứ ấy nên có thứ tà hạnh. Chấp trước 4 thứ ấy nên gọi là tà đạo; vì chánh ức niệm đối 4 thứ ấy nên có chánh hạnh, cũng không chấp 4 chánh hạnh nên gọi là chánh đạo. Trong đây vì phá chấp tướng phi hữu phi vô, nên gọi là vô pháp hữu pháp không. Phật dạy: Cho đến phá phi hữu phi vô, nên nói là không có chuyển không có hoàn.

Phá phi hữu phi vô có 2 cách: 1. Dùng 3 câu trên phá. 2. Dùng thật tướng Niết bàn phá. Tu bồ đề! Tuy biết Phật dùng thật tướng Niết bàn phá hữu vô, trong đó

có Bồ tát mới phát tâm, hoặc còn sai lầm, nên lấy 3 câu phá phi hữu phi vô; đối với vô pháp hữu pháp không trở lại sanh tà kiến, nên Phật nói hữu pháp vô pháp cũng tự tướng không, thế nên nói Bát nhã ba la mật không chuyển không hoàn. Trong Bát nhã ba la mật không có tướng Bát nhã ba la mật, vì hết thấy pháp không có tướng, cho đến Thí ba la mật cũng như vậy, nội không cho đến tướng trí nhất thiết chủng không cũng như vậy.

Bấy giờ Tu bồ đề và đại chúng hoan hỷ tán thán Bát nhã ba la mật nói rằng: Đại Ba la mật tức là Bát nhã ba la mật.

*Đại Ba la mật* là hết thấy pháp tự tánh không mà Bát nhã ba la mật hay lợi ích cho Bồ tát, làm cho chúng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; tuy được cũng không sở đắc, tuy chuyển pháp luân cũng không sở chuyển.

Hỏi: Nếu các pháp không, Bát nhã ba la mật không, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không, thì không nên tán thán Bát nhã là đại Ba la mật?

Đáp: Trong đây nói hết thấy pháp tự tánh không, nên trong tự tánh không cũng không có tự tánh không, thế nên gọi là đại Ba la mật. Nếu không có tướng không, không nên vấn nạn; Vì rất ráo không, nên không có gì để phá, mà vẫn làm các thiện pháp để chúng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đây là nói theo thế tục, chẳng phải đệ nhất nghĩa.

Chư Phật tuy thuyết pháp làm cho người khác đắc đạo, phá phiền não, từ đây đến kia, gọi là chuyển, nay các phiền não của chúng tôi hư dối điên đảo, vọng ngữ không có tướng nhất định, thì đoạn cái gì? Nếu không đoạn cái gì, thì cũng không có chuyển có hoàn, thế nên nói tuy chuyển pháp luân cũng không có chuyển, hoàn, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật ấy, không có pháp để cho năm mắt có thể thấy được, hoặc chuyển hoặc hoàn, vì hết thấy pháp từ xưa đến nay rất ráo chẳng sanh; là tự tánh không, rất ráo không, chẳng phải tướng chuyển, chẳng phải tướng hoàn. Vì sợ đọa thường kiến nên chẳng chuyển, vì sợ đọa đo?n kiến nên chẳng hoàn; vì sợ đọa hữu nên chẳng chuyển; vì sợ đọa vô nên chẳng hoàn; vì sợ đắm thế gian nên chẳng chuyển, vì sợ đắm Niết bàn nên chẳng hoàn.

Tự tánh không, rất ráo không, mười tám không, vô lượng các không như vậy, là môn không giải thoát chẳng chuyển chẳng hoàn; môn vô tướng, vô tác giải thoát cũng như vậy. Vào ba môn giải thoát ấy, bỏ tâm chấp ta, chấp của ta, ấy gọi là được giải thoát. Có được tâm không thủ tướng, không chấp trước như vậy, mà thuyết, giáo, chiếu v.v... Bát nhã ba la mật. *Thuyết* là học làm sách văn, học

miệng truyền nói; *Giáo* là tán thán Bát nhã khiến người thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng. *Chiếu* là như người cầm đèn chiếu vật, nếu người không biết Bát nhã, lấy ánh sáng trí tuệ chiếu soi khiến biết. *Khai* là như kho báu đóng cửa, tuy có vật tốt, mà không lấy được, nếu mở cửa thời tùy ý lấy, như người nghi ngờ không tin Bát nhã, mở cánh cửa tà nghi, bẻ chốt cửa vô minh, thời người ấy tùy ý lấy. *Thị* là như người mắt thấy không rõ, lấy ngón tay chỉ cho biết tốt xấu. Như người ít tin ít trí, chỉ cho biết là đạo hay chẳng phải đạo, là có lợi hay thất lợi v.v... *Phân biệt* là phân biệt các pháp là thiện hay bất thiện, là tội hay phước, là thế gian hay Niết bàn. Kinh sách chỉ nói lược, khó hiểu khó tin, phân biệt giải nói rộng rãi cho họ được tin hiểu. *Hiển hiện* là Phật vì mỗi mỗi chúng sanh thuyết mỗi mỗi pháp hoặc có khi chê bai thiện pháp, hỗ trợ pháp bất thiện, nhằm tới khiến chúng sanh được hiểu. *Thuyết pháp* là nói ý thú của Phật thích ứng với chúng sanh, khiến biết tướng nhẹ nặng. *Giải thích* là như vật báu ở trong đẫy, buộc miệng lại thời người chẳng biết, nếu người mở cái đẫy kinh quyền giải thích lý nghĩa. Lại như vật nặng, làm cho nhẹ, dùng các nhân duyên thí dụ giải thích gốc ngọn, làm cho dễ hiểu. *Thiền dị* là như nước sâu khó lội qua, có người phân tán nước ấy làm cho cạn, thời lội qua dễ dàng. Bát nhã ba la mật như nước rất sâu, lấy sức luận nghị phương tiện giảng giải nói làm cho cạn dễ, cho đến người tiểu trí cũng tin hiểu được. Có thể lấy mười việc là thuyết, giáo, chiếu v.v... ở trên để giảng nói nghĩa rất sâu xa, ấy gọi là thanh tịnh nói Bát nhã ba la mật.

Trong đệ nhất nghĩa, thật không có thuyết, vì rốt ráo không, nên không có thuyết, không có thuyết nên không có tín thọ, không có tín thọ nên không có chứng, không có chứng nên không có diệt các phiền não, nếu không có diệt các phiền não, thời không có ruộng phước.

Thọ là tín thọ, đọc tụng tu pháp ấy được quả Sa môn, vào vô sanh pháp nhẫn, ấy gọi là chứng. Khi chứng thời các phiền não dứt, được hữu dư Niết bàn; được hữu dư Niết bàn nên chắc chắn đó là ruộng phước. Chắc chắn là các pháp đồng tánh với Niết bàn, cho nên nói cũng không có ruộng phước chắc chắn.



## GIẢI THÍCH: PHẨM CÁC BA LA MẬT THỨ 44

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Bách Ba la mật Biên Thân)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Bất Khả Đắc thứ 42).

KINH: Bảy giờ, Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật vô biên là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Ví như hư không vô biên.

Bạch đức Thế Tôn, bình đẳng Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì các pháp bình đẳng.

Bạch đức Thế Tôn, lìa Ba la mật là Bát nhã ba la mật. (Kinh Đại Bát nhã ghi: Bát nhã ba la mật đa như vậy là vô biên Ba la mật đa; Phật dạy: Như vậy! Thí như hư không, không biên tế. Bát nhã ba la mật đa như vậy là bình đẳng Ba la mật đa; Phật dạy: Như vậy, vì hết thấy pháp tánh bình đẳng. Bát nhã ba la mật đa như vậy là viễn ly Ba la mật đa; Phật dạy như vậy, vì rốt ráo không v.v... N.D).  
Phật dạy: Vì rốt ráo không.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng hoại Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thấy pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, không bờ kia Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì không có danh không có thân.

Bạch đức Thế Tôn, không chũng Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hơi thở ra vào chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, bất khả thuyết Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì giác quán chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô danh Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, không đi Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thấy pháp không đến.

Bạch đức Thế Tôn, không di chuyển Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thấy pháp không nép dấu.

Bạch đức Thế Tôn, tận Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thấy pháp rốt ráo tận hết.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng sanh Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thấy pháp chẳng diệt.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng diệt ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thấy pháp chẳng sanh.

Bạch đức Thế Tôn, không tạo tác Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì tác giả chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô tri Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì tri giả chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng đến Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì sanh tử chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng mất Ba la mật là Bát nhã ba la mật.

Phật dạy: Vì hết thấy pháp chẳng mất.

LUẬN: Ba la mật vô biên là Tu bồ đề nghe Phật nói nghĩa Ba la mật đại trân bảo, nhân đó mà tự tán thán Bát nhã là đại Ba la mật. Lại lấy trí tuệ vào sâu mỗi mỗi pháp môn, quán Bát nhã ba la mật như nước biển lớn vô lượng vô biên, biết sâu công đức Bát nhã ba la mật, nhân đó phát tâm đại hoan hỷ. Muốn lấy mỗi mỗi nhân duyên tán thán Bát nhã; cho nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! vô biên Ba la mật là Bát nhã ba la mật. Nghĩa vô biên thì từ đầu phẩm cho đến hết đều là nghĩa vô biên, vì trở ngại nói việc khác nên lược nói. Nếu nói rộng thì vô lượng.

\* Lại nữa, thường là một bên, vô thường là một bên, ngã vô ngã, có, không, thế gian có biên giới không biên giới, chúng sanh có biên giới không biên giới, các

pháp như vậy gọi là tà kiến biên; được Bát nhã ba la mật thời không có các biên ấy, nên gọi là vô biên.

\* Lại nữa, thí như chỗ vật cùng tận gọi là biên, hư không, không có sắc không có hình, cho nên vô biên; Bát nhã ba la mật rốt ráo thanh tịnh không có biên, không có tận, không có chỗ thủ, không có chỗ thọ nhân, không có chỗ chấp đắm, thế nên Phật đáp: "Như hư không vô biên nên Bát nhã ba la mật cũng vô biên".

Bồ tát được pháp nhãn, quán hết thấy pháp đều bình đẳng, thế nên nói vì hết thấy pháp bình đẳng nên nói Bát nhã ba la mật bình đẳng.

Bồ tát dùng tâm rốt ráo không, lià các phiền não, cũng lià các pháp, thế nên gọi là lià Ba la mật. Bồ tát dùng Bát nhã ba la mật ấy tìm tướng chung tướng riêng các pháp, không thấy được có tướng nhất định bằng lông tóc, vì chẳng thể có được, nên đối với hết thấy pháp tâm không chấp trước. Nếu người có tà kiến hý luận, dùng tâm tà kiến chấp trước, muốn phá hoại Bồ tát, vì Bồ tát ấy tâm không chấp trước, nên không phá hoại được; ấy gọi là chẳng hoại Ba la mật.

Bờ này gọi là sanh tử, bờ kia là Niết bàn, ở giữa có sông lớn các phiền não, hết thấy người xuất gia, muốn bỏ bờ này tham đắm bờ kia, mà Bát nhã ba la mật không có bờ kia. Bờ kia là Niết bàn, không có sắc không có danh, nên nói vì không có sắc không có danh, ấy gọi là không bờ kia Ba la mật.

Có hư không thời có hơi thở ra vào, hơi thở ra vào đều từ nghiệp nhân duyên hư dối sanh; thở ra chẳng phải thở vào, thở vào chẳng phải thở ra, niệm niệm sanh diệt, không có thật tướng khả đắc. Vì hơi thở không thể có được, nên hết thấy pháp cũng không thể có được. Không thể có được nên gọi là không chủng (không giới) Ba la mật.]

Hết thấy pháp tướng không tịch, nên chẳng cần giác quán. Vì không có giác quán thời không có ngôn thuyết, vì không có ngôn thuyết nên nói Bát nhã ba la mật dứt đường nói năng, ấy gọi là bất khả thuyết Ba la mật.

Hau pháp thu nhiếp hết mọi pháp đó là danh và sắc. Bốn đại và bốn đại tạo tác, thu nhiếp về sắc; bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức thu nhiếp về danh. Phân biệt các pháp là nói Bát nhã ba la mật là tướng trí tuệ nên nhiếp về danh. Song nay không lià sắc là danh, không lià danh là sắc, vì Bát nhã ba la mật không có tướng biết, nên nói thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể có được, ấy gọi là vô danh ba la mật.

Hết thấy pháp không đi không lại, nên gọi là không đi Ba la mật.

Bát nhã ba la mật là pháp tạng của ba đời mười phương chư Phật, ẩn bằng ba pháp ẩn, không có trời người phá được, nên gọi là không di chuyển Ba la mật.

Các pháp hữu vi, niệm niệm tận diệt, không có lúc ngưng trụ, nếu như vậy, pháp quá khứ chẳng cùng tận, pháp vị lai cũng chẳng cùng tận, pháp hiện tại cũng chẳng ngưng trụ nên chẳng cùng tận. Tướng ba đời cùng tận chẳng thể có được, nên gọi là rốt ráo cùng tận, vì rốt ráo cùng tận nên gọi là tận Ba la mật.

Hết thấy pháp sanh trong ba đời chẳng thể có được, cho nên không có sanh, vì không có sanh nên gọi là vô sanh Ba la mật, không diệt Ba la mật cũng như vậy.

Tạo tác có hai: 1. Chúng sanh tạo tác. 2. Pháp tạo tác. Chúng sanh tạo tác là bố thí, trì giới v.v... Pháp tạo tác là lửa cháy, nước làm rã nát, tâm thức hay biết. Vì chúng sanh "không" nên không có tác giả. Vì hết thấy pháp độn, tướng không khởi không tác, nên pháp cũng không tạo tác. Vì hai không tạo tác ấy nên gọi là vô tác Ba la mật.

Vô tri Ba la mật cũng như vậy, vì hết thấy pháp độn nên không biết.

Thiên nhãn thấy có sanh tử, dùng tuệ nhãn không tướng thấy sanh tử chẳng thể có được. Vì sanh tử chẳng thể có được, nên chúng sanh chết đời nay không có đi đến đời sau; chỉ có năm uẩn do nhân duyên của nghiệp đời trước tương tục sanh ra, nên gọi là chẳng đến Ba la mật. Bát nhã ba la mật chẳng làm mất thật tướng các pháp, cũng làm cho hết thấy pháp chẳng mất thật tướng, còn lìa Bát nhã ba la mật, hết thấy pháp đều mất. Quán thật tướng hết thấy pháp, được Bát nhã ba la mật, nên gọi là chẳng mất Ba la mật.

KINH: Bạch đức Thế Tôn, mộng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Cho đến việc thấy trong mộng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tiếng vang Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì kẻ nghe tiếng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, bóng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì mặt trong gương chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, sóng nắng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Dòng nước chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, huyễn Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì huyễn thuật chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng như Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các phiền não chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng sạch Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì phiền não hư dối.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng ô cấu Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì nơi chỗ chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, không hý luận Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thấy hý luận bị phá hoại.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng niệm Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thấy niệm bị phá.

Bạch đức Thế Tôn, bất động Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp tánh thường trú.

Bạch đức Thế Tôn, không nhiễm Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì biết hết thấy pháp vọng giải (Kinh Đại Bát Nhã ghi: Vì biết hết thấy pháp hư vọng - N.D).

Bạch đức Thế Tôn, chẳng khởi Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thấy pháp không phân biệt.

Bạch đức Thế Tôn, tịch diệt Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thấy pháp tướng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô dục Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì dục chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô sân Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì sân hận không thật.

Bạch đức Thế Tôn, vô si Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì vô minh tối tăm dứt.

Bạch đức Thế Tôn, không phiền não Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì phân biệt ức tưởng hư vọng.

Bạch đức Thế Tôn, không có chúng sanh Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì chúng sanh không có.

Bạch đức Thế Tôn, đoạn dứt Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các pháp không khởi.

Bạch đức Thế Tôn, không có nhị biên Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì là nhị biên.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng phá hoại Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thấy pháp chẳng là nhau.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng thủ Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Bạch đức Thế Tôn, chẳng phân biệt Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các vọng tưởng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô lượng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các pháp lượng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, hư không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thấy pháp không có.

LUẬN: Tu bồ đề tán thán Bát nhã ba la mật, khai thị chúng sanh thế gian không, như mộng. Phật dạy: Mộng cũng chẳng thể có được, nên gọi là mộng Ba la mật. Tiếng vang, bóng, sóng nắng, huyền cũng như vậy. Tâm người cho tiếng là thật, vang là hư giả, bóng thì lấy mặt gương làm thật, tưởng là hư giả; sóng nắng thì lấy gió, bụi, ánh sáng mặt trời làm thật, nước là hư giả; huyền thì lấy chú thuật làm thật, vật do chú thuật làm ra hư giả.

Tu bồ đề tán thán Bát nhã lấy không làm ví dụ, Phật dạy: Dụ và việc chính đều không, vì việc chính đều không nên dụ cũng không.

Bát nhã ba la mật ấy không như, đoạn diệt được hết thấy như. Phật dạy: Các phiền não từ xưa lại đây thường không có, nay đoạn cái gì? thế nên gọi là không như Ba la mật.

Ba la mật không sạch cũng như vậy.

Không có phiền não tức là sạch, các phiền não thâm dục, sân nhuế v.v... gọi là ô cấu. Bát nhã ba la mật ấy, tất cả pháp ô cấu không thể làm ô cấu được. Sáu căn là trú xứ của các phiền não, sáu căn và hết thấy pháp là chỗ các phiền não duyên. Vì trú xứ đều chẳng thể có được nên gọi là chẳng ô cấu Ba la mật.

Được Bát nhã ba la mật ấy, hết thấy ức tướng phân biệt hý luận đều dứt, nên gọi là chẳng hý luận Ba la mật.

Vì hết thấy pháp rốt ráo không, không ức, không niệm tướng; không ức, không niệm tướng nên gọi là vô niệm Ba la mật.

Bồ tát an trú pháp tánh, tất cả các luận nghị đều không thắng được. Tất cả kiết sử tà kiến không che lấp được, tất cả pháp vô thường phá hoại, tâm không sanh lo; do các nhân duyên như vậy nên gọi là bất động Ba la mật.

Hết thấy pháp đều hư vọng, chẳng phải chỉ ái nhiễm, nên gọi là vô nhiễm Ba la mật.

Ức tướng phân biệt là căn bản của tất cả kiết sử. Kiết sử hay tạo nghiệp đưa đến thân sau, biết được ức tướng phân biệt là hư vọng, thời tất cả nghiệp đưa đến sanh ra thân sau không còn khởi lên nữa, nên gọi là chẳng khởi Ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật không thủ tướng ba độc tịch diệt, mà hết thấy pháp tướng đều chẳng thể có được. Bát nhã ba la mật ấy, cho đến đối với thiện pháp còn không tham, huống gì các tham dục khác.

Phật dạy: Vì dục từ xưa lại đây chẳng thể có được, tham dục hư dối, tự tánh chẳng thể có được, nên gọi là vô dục Ba la mật, chứ chẳng phải vì lìa dục nên gọi là vô dục.

Tánh sân nhuế rốt ráo không có nên gọi là vô sân Ba la mật, chứ chẳng phải lìa sân nên gọi là vô sân.

Đối với hết thấy pháp, vô minh tối tăm bị phá trừ, nên gọi là vô si Ba la mật, chứ chẳng phải diệt si nên gọi là vô si.

Ba la mật không có phiền não là vì Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, nên tất cả phiền não dứt.

Phật dạy: Ức tướng phân biệt là căn bản của phiền não, ức tướng phân biệt không có, huống gì phiền não, nên gọi là không phiền não Ba la mật.

Bát nhã hay phá cái điên đảo chấp có chúng sanh đối với không có chúng sanh, nên gọi là không có chúng sanh Ba la mật.

Phật dạy: Chúng sanh từ xưa lại đây chẳng sanh, vì không có gì của chính nó, nên gọi là không có chúng sanh.

Ý Tu bỏ đề cho Bát nhã dứt được hết thủy pháp hữu lậu, nên gọi là đoạn dứt Ba la mật.

Phật dạy: Các pháp chẳng khởi chẳng sanh, không tạo tác, tương các pháp tự nhiên đoạn, nên gọi là đoạn.

Nhị biên là ngã và vô ngã, đoạn và vô đoạn, pháp khả đoạn và pháp không khả đoạn, thường và đoạn, có và không, vô lượng nhị biên như vậy. Trong Bát nhã ba la mật không có các biên ấy nên gọi là không có nhị biên Ba la mật.

Phật dạy: Các biên ấy từ xưa lại đây không có, chỉ do điên đảo hư vọng chấp trước. Bỏ tất cầu sự thật, cho nên liả các bên điên đảo. Bát nhã ba la mật ấy vì nhất tướng không, nên không thể phá.

Phật dạy: không chỉ Bát nhã ba la mật mà tất cả pháp đều không có tướng sai khác nhất định, như quả chẳng liả nhân, nhân chẳng liả quả; pháp hữu vi chẳng liả pháp vô vi, Bát nhã ba la mật chẳng liả hết thủy pháp, hết thủy pháp chẳng liả Bát nhã ba la mật; thật tướng hết thủy pháp tức là Bát nhã ba la mật, nên gọi là chẳng phá Ba la mật. Phá là các pháp mỗi mỗi liả tán. Hết thủy pháp có các lỗi thường vô thường v.v... thế nên Bát nhã ba la mật chẳng thủ hết thủy pháp.

Phật dạy: hết thủy pháp cho đến pháp xuất thế gian thanh tịnh của Nhị thừa, cũng chẳng thủ, nên gọi là Ba la mật chẳng thủ. Phân biệt là tâm sanh ra chấp thủ tướng, vọng tưởng phân biệt, Bát nhã là thật tướng nên không có vọng tưởng phân biệt ấy.

Phật dạy: Nhân ức tướng phân biệt mà phân biệt có không, nay chính ức tướng phân biệt, từ xưa lại đây không có, nên gọi là không có phân biệt Ba la mật.

Bát nhã ba la mật xuất sanh bản vô lượng, nên gọi là Ba la mật vô lượng.

\* Lại nữa, rốt ráo không, là được Niết bàn vô lượng, nên gọi là vô lượng.

\* Lại nữa, trí tuệ không thể đạt đến bờ mé, nên gọi là vô lượng.

Lượng gọi là sáu thức trừ lượng. Pháp ấy "không", không có tướng, không có sanh diệt, vì sao? Vì vật nhiều mà đồ đo lường nhỏ.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ Bát nhã ba la mật ấy vô lượng mà hết thủy pháp sắc v.v... chẳng thể có được, nên đều vô lượng. Nhu hư không, không có sắc không có hình, không có làm và việc làm; Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Phật dạy:



Chẳng phải chỉ hư không, không có gì của chính nó mà các pháp sắc v.v...cũng đều không có gì của chính nó, nên gọi là hư không Ba la mật.

KINH: Bạch đức Thế Tôn, vô thường Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp bị phá hoại.

Bạch đức Thế Tôn, khổ Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp có tướng bức não.

Bạch đức Thế Tôn, vô ngã Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp không chấp trước.

Bạch đức Thế Tôn, "Không" Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô tướng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng sanh.

Bạch đức Thế Tôn, nội không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì nội không chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, nội ngoại không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì nội ngoại pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, không không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp không không chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, đại không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, đệ nhất nghĩa không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì Niết bàn chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, hữu vi không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp hữu vi chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô vi không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp vô vi chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, rốt ráo không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các pháp rốt ráo chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô thí không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì các pháp vô thí chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tán không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp phân tán chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tánh không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì pháp hữu vi vô vi chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, các pháp không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thảy pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tự tướng không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tự tướng xa lìa.

Bạch đức Thế Tôn, vô pháp không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì vô pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, hữu pháp không Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hữu pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô pháp hữu pháp không Ba la mật, là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì vô pháp hữu pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, niệm xứ Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì thân, thọ, tâm, pháp chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, Như ý túc Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì bốn Như ý túc chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, căn Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì năm căn chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, lực Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì năm lực chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, giác Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì bảy giác phần chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, đạo Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tám Thánh đạo phần chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô tác Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì vô tác chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, "Không" Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì không tướng chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, vô tướng Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tướng tịch diệt chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, bội xả Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tám bội xả chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, định Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì chín thứ đệ định chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, Thí Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì xan than chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, giới Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì phá giới chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, nhẫn Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì nhẫn không nhẫn nhục chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, tấn Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì giải đãi tinh tấn chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, thiên Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì định và loạn chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì si và tuệ chẳng thể có được.

Bạch đức Thế Tôn, mười lực Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì đạt hết thầy pháp không thể khuất phục.

Bạch đức Thế Tôn, bốn Điều không sợ Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì hết thầy pháp không có chướng ngại.

Bạch đức Thế Tôn, Phật pháp Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì vượt qua hết thầy pháp Thanh văn, Duyên giác.

Bạch đức Thế Tôn, nói như thật Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì tất cả ngữ ngôn đều như thật.

Bạch đức Thế Tôn, tự nhiên Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì đối hết thảy pháp tự tại.

Bạch đức Thế Tôn, Phật Ba la mật là Bát nhã ba la mật? - Phật dạy: Vì biết hết thảy pháp, hết thảy chúng (trong Kinh văn, cuối mỗi lời Phật dạy đều có ghi số thứ tự chữ nhỏ, từ 1 đến 90 câu. 90 câu này theo văn trong Đại Bát Nhã đều ghi ngược lại như: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật như vậy là tự nhiên Ba la mật. Phật dạy: Vì đối hết thảy pháp tự nhiên chuyển nói. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật như vậy là Chánh đẳng giác Ba la mật. Phật dạy: Vì đối với hết thảy pháp hiện chứng được vậy. - N.D).

LUẬN: Trong Bát nhã ba la mật có thánh hạnh quán vô thường nên gọi là vô thường Ba la mật. Phật dạy: Chẳng phải chỉ trong Bát nhã có vô thường, mà vì quán hết thảy pháp vô thường, nên gọi là vô thường Ba la mật.

Hỏi: Từ trước lại đây nói Bát nhã ba la mật pháp tánh thường trú sao nay nói vô thường?

Đáp: Bát nhã ba la mật là trí tuệ, quán pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, là pháp hữu vi nên vô thường, còn chỗ sở duyên của Bát nhã ba la mật là Như, pháp tánh, thật tế, là pháp vô vi nên thường. Tu bồ đề nói hữu vi Bát nhã nên nói Bát nhã vô thường.

Hỏi: Nếu như vậy có sao Phật nói hết thảy pháp tận là phá hoại vô thường; pháp vô vi không có tướng phá hoại?

Đáp: hết thảy pháp gọi là sáu căn sáu trần, trong ngoài, đều là pháp tạo tác. Pháp tạo tác nên chắc chắn quy về tướng phá hoại; là pháp hữu vi không có pháp vô vi, cũng lại không có tướng pháp, chỉ nhân nơi tướng pháp hữu vi nên nói pháp vô vi chẳng sanh chẳng diệt.

\* Lại nữa, tất cả pháp hữu vi có hai loại: 1. Danh tự tất cả. 2. Thật tất cả. Tất cả pháp hữu vi phá hoại nên gọi là tất cả vô thường, khổ v.v... cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy.

Tu bồ đề nói: Tất cả pháp tướng để tán thán Bát nhã, Phật nêu tất cả pháp ra đáp. Chánh quán bốn thứ thân, thọ, thân, pháp từ bốn niệm xứ phát sanh. Bốn niệm xứ là cửa ban đầu của bốn đế; bốn đế là cửa ban đầu của bốn quả Sa

môn. Phân biệt quả A la hán, tức là ba thừa. Bốn niệm xứ ở trong Bát nhã ba la mật mỗi mỗi nói rộng. Phật dạy: Chỗ bốn pháp duyên ấy từ xưa lại đây đều chẳng thể có được, nên gọi là niệm xứ Ba la mật. Từ bốn Chánh cần cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Hỏi: Có thể lấy các pháp khác tán thán Bát nhã, có sao lại lấy Bát nhã tán thán Bát nhã?

Đáp: Có hai thứ Bát nhã: 1. Bát nhã thường trú riêng biệt. 2. Đi chung với năm Ba la mật kia có dùng Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề tán thán Bát nhã ba la mật hữu dụng, có thể phá vô minh tối tăm, có thể cho trí tuệ chân thật, thế nên Phật nói trong thường trú Bát nhã ba la mật, si và tuệ chẳng thể có được. Bồ tát tu Bát nhã ba la mật ấy, ban đầu được Bồ tát mười lăm, sau được Phật mười lăm. Thế nên nói là mười lăm Ba la mật. Phật dạy: Chẳng phải chỉ mười lăm là không thể phá hoại, không thể khuất phục, mà thật tướng tất cả pháp, cũng không thể phá hoại, không thể khuất phục. Ý Phật vì chúng sanh nên nói mười lăm, chứ Phật lực vô lượng vô biên. Giống như Phật lực, thật tướng tất cả pháp cũng như vậy, không thể khuất phục, nên gọi là mười lăm Ba la mật. Bồ tát được lực Bát nhã ba la mật ấy, có thể ở trước Phật nói pháp luận nghị, hưởng gì ở chỗ khác; còn chẳng sợ Ma vương, hưởng gì ngoại đạo, nên gọi là Ba la mật không sợ.

Phật dạy: Đạo chủng trí không thối mất; đạo chủng trí gọi là pháp nhãn, biết tất cả chúng sanh dùng đạo gì mà được niết bàn. Bát nhã ba la mật tướng thường tịch diệt không thể nói, Bồ tát ấy dùng đạo chủng trí, để dẫn đạo chúng sanh, nên ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử. Đạo chủng trí được tăng ích nên không thối mất, không sợ, không tự kiêu mạn cho ta có pháp ấy, nên gọi là Ba la mật không sợ.

Tu bồ đề theo Phật nghe pháp, tính không sợ càng sâu, nên tán thán Bát nhã ba la mật là vô ngại Ba la mật. Phật dạy: Chẳng phải chỉ có bốn vô ngại, mà tất cả pháp vào như như, pháp tánh, thật tế, đều là tướng vô ngại. Bồ tát nhân nơi Bát nhã ba la mật hay chứa nhóm mười lăm, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi các Phật pháp, nên gọi là Phật pháp Ba la mật.

Phật dạy: Pháp Thanh văn hơn pháp phàm phu, pháp Bích chi Phật hơn pháp Thanh văn, Phật pháp tối thắng hơn hết thầy pháp. Như trong tất cả sắc, hư không là rộng lớn. Phật pháp tối thắng không chi sánh kịp, không thể ví dụ, vượt quá tất cả pháp, nên gọi là Phật pháp Ba la mật. Như quá khứ Phật tu sáu Ba la mật được tướng Như của các pháp, Phật nay cũng như vậy, tu sáu Ba la mật

được Phật đạo, nên gọi là Đa đà a già độ (Tathagatha) Đa đà a già độ là Như Lai; hoặc gọi là Nói như thật, hoặc gọi là Biết như thật.

Trong đây Phật dạy chẳng phải chỉ Phật nói, gọi là nói như thật, mà tất cả ngôn ngữ đều là như thật, nên gọi là nói như thật Ba la mật.

Bát nhã ba la mật ấy đầy đủ, thân sau tự nhiên làm Phật, nên gọi là Ba la mật tự nhiên. Tự nhiên gọi là Phật, vì Phật nói nên gọi là tự nhiên Ba la mật.

\* Lại nữa, Bát nhã ba la mật thật tướng tự nhiên, chẳng do cái khác làm ra, nên gọi là tự nhiên.

Phật dạy: Phật được lực tự tại đối với các pháp nên gọi là tự nhiên Ba la mật.

Đầy đủ mười địa, được mười lực, bốn điều không sợ, chuyển xe pháp, đánh trống pháp, giác tỉnh chúng sanh đang ngủ trong vô minh, nên gọi là Phật Ba la mật.

Phật, Trung Hoa dịch là người giác ngộ, người biết, sao vậy? Là chánh tri hết thấy pháp, hết thấy chũng (hành tướng) nên gọi là giác. Tất cả pháp là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới.

\* lại nữa, tất cả pháp là kinh sách ngoại đạo, kỹ thuật, thiên định v.v... lược nói có 5 thứ: 1. Pháp phàm phu, 2. Pháp Thanh văn, 3. Pháp Bích chi Phật, 4. Pháp Bồ tát, 5. Pháp Phật.

Phật, lược biết có 2 tướng: là tổng tướng và biệt tướng. Lại lấy tướng phân biệt, tướng rất ráo không mà biết rộng tất cả chũng, tất cả chũng là vô lượng vô biên pháp môn. Vì việc ấy nên gọi là Phật Ba la mật, chứ không vì lấy Phật thân gọi là Phật Ba la mật, mà chỉ lấy trí nhất thiết chũng.

*(Hết cuốn 65 theo bản Hán)*

--o0o --